

Số/ No.: 1064/XLDK-TCKT

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2025  
*Ha Noi, day 29 month 08 year 2025*

Kính gửi/To: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/*Hanoi the Stock Exchange.*

Tên tổ chức/ *Name of Organization*: **Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PETROCONS)/ Vietnam Petroleum Construction Joint Stock Corporation**

- Mã chứng khoán/ *Stock Code* : **PVX**
- Địa chỉ/ *Address*.: Tầng 14, Toà nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội/ *14th Floor, Vietnam Petroleum Institute Building, No. 167 Trung Kinh Street, Yen Hoa Ward, Hanoi City, Vietnam.*
- Điện thoại/ *Telephone* : 04.37689291 Fax: 04.37689290
- Email: adminpvc.vn Website: <http://pvc.vn> or <http://petrocons.vn>

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, **Tổng công ty cổ phần xây lắp Dầu khí Việt Nam** thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên sau soát xét năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau/ *In accordance with Clause 3, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020, of the Ministry of Finance guiding information disclosure on the securities market, Vietnam Petroleum Construction Joint Stock Corporation hereby discloses the reviewed semi-annual financial statements for 2024 to the Hanoi Stock Exchange as follows:*

**1. BCTC bán niên sau soát xét năm 2025** theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm/ *The reviewed semi-annual financial statements for 2025 in accordance with Circular No. 96/2020/TT-BTC include:*

☐ BCTC riêng (Tổ chức không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc)/ *Separate Financial Statements (for organizations without subsidiaries and for superior-level accounting entities with affiliated units);*

☒ BCTC hợp nhất (Tổ chức có công ty con)/ *Consolidated Financial Statements (for organizations with subsidiaries);*

☐ BCTC tổng hợp (Tổ chức có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng)/ *Combined Financial Statements (for organizations with affiliated accounting units that have their own accounting apparatus).*

**2. Các văn bản giải trình** phải công bố thông tin **đồng thời** cùng với BCTC theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT- BTC gồm/ *Explanatory*

*documents required to be disclosed simultaneously with the financial statements in accordance with Clause 4, Article 14 of Circular No. 96/2020/TT-BTC include:*

**i) Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (Ý kiến ngoại trừ/ Ý kiến trái ngược/ **Từ chối cho ý kiến**)/** *Did the audit firm express an opinion other than an unqualified opinion on the financial statements (Qualified Opinion / Adverse Opinion / Disclaimer of Opinion)?*

☒ Có / Yes

☐ Không / No

*Văn bản giải trình về ý kiến không chấp nhận toàn phần của tổ chức kiểm toán/ Explanatory document regarding the audit opinion other than an unqualified opinion:*

☒ Có / Yes

☐ Không / No

**ii) Lợi nhuận sau thuế (LNST) thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước/** *Has the after-tax profit (net income) in the Income Statement for the reporting period changed by 10% or more compared to the same period of the previous year?*

☒ Có / Yes

☐ Không / No

*Văn bản giải trình LNST thu nhập doanh nghiệp thay đổi 10% so với cùng kỳ năm trước/ Explanatory document for a change of 10% or more in after-tax profit compared to the same period of the previous year:*

☒ Có / Yes

☐ Không / No

**iii) LNST trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán/ bán niên soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại/** *Has the after-tax profit for the reporting period changed by 5% or more before and after the audit/review, or changed from a loss to a profit or vice versa?*

☒ Có / Yes

☐ Không / No

*Văn bản giải trình LNST chênh lệch trước và sau kiểm toán/ bán niên soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại/ Explanatory document for a change of 5% or more in after-tax profit before and after the audit/review, or a shift from loss to profit or vice versa:*

☒ Có / Yes

☐ Không / No

**iv) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại/** *Was there a loss in after-tax profit during the reporting period, representing a shift from profit in the same period of the previous year to a loss, or vice versa?*

☐ Có / Yes

☒ Không / No

*Văn bản giải trình Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại/ Explanatory document for a loss in after-tax profit during the reporting period, representing a shift from profit in the same period of the previous year to a loss, or vice versa:*

☐ Có / Yes

☒ Không / No

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn/ *This information has been disclosed on the Company's website at the following:* <http://pvc.vn> or <http://petrocons.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố/ *We hereby certify that the information disclosed above is true and accurate, and we take full legal responsibility for the content of the disclosed information.*

***Nơi nhận/Recipients:***

- Như trên/*As mentioned above;*
- HĐQT/BOD, BKS/BOS (e-copy);
- Ban TGD/ *Executive Board* (e-copy);
- Người PT QT kiêm thư ký Công ty/*CGO-CS* (e-copy);
- VT/OD, TCKT-KT/ *FAD*;

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**  
***Representative of the Organization***  
**NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT**  
***Authorized Person for Information***  
***Disclosure***



**Ngô Thị Thu Hoài**  
***Ms. Ngo Thi Thu Hoai***

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(đã được soát xét)





**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 - 07
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	08 - 61
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	08 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	12 - 13
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	14 - 61

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

### **TỔNG CÔNG TY**

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, thành viên của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 3500102365 ngày 20 tháng 12 năm 2007 thay đổi lần thứ 22 ngày 18 tháng 01 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần nhất là tại: Tầng 14, tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Hiện nay địa chỉ này đã được đổi thành: Tầng 14, tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nghiêm Quang Huy	Chủ tịch	(Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 05 năm 2025)
Ông Phạm Văn Khánh	Thành viên độc lập	(Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 05 năm 2025)
Ông Trần Hải Bằng	Thành viên	
Ông Chu Thanh Hải	Thành viên	
Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Quốc Hoàn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Sơn Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này là Ông Trần Quốc Hoàn (Tổng Giám đốc).

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Hứa Xuân Nam	Trưởng ban	(Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 05 năm 2025)
Ông Nguyễn Ngọc Cương	Thành viên	
Bà La Minh Huệ	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 29 tháng 05 năm 2025)
Ông Phùng Văn Sỹ	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 29 tháng 05 năm 2025)

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Tổng Công ty.



**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 09 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Trên mặt Ban Tổng Giám đốc



**Trần Quốc Hoàn**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2025



**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam ("Tổng Công ty") được lập ngày 29 tháng 08 năm 2025, từ trang 08 đến trang 61, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận**

Chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề sau đây đến Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 của Tổng Công ty (đính kèm):

1. Tại ngày 30/06/2025, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty đang phản ánh: Lỗ lũy kế (mã số 421) của Tổng Công ty là 4.022,14 tỷ VND, nợ phải trả ngắn hạn (mã số 310) là 5.302,86 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn (mã số 100) là 756,74 tỷ VND, các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 30/06/2025 là 1.433,42 tỷ VND. Tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 01/01/2025 cũng trong tình trạng tương tự. Các yếu tố này cùng với các nội dung tại thuyết minh số 1 dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ. Trong phạm vi của một cuộc soát xét báo cáo tài chính, chúng tôi không có đủ thông tin để có thể đánh giá được mức độ thích hợp, hiệu quả của các kế hoạch hoạt động này.
2. Tại ngày 30/06/2025, Tổng Công ty có số dư khoản phải thu cho Công ty CP Khách sạn Lam Kinh vay để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh của Khách sạn Lam Kinh với số tiền là 200 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 200 tỷ VND) và số dư dự phòng đã trích lập cho khoản phải thu này là 124,4 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 124,4 tỷ VND) (Thuyết minh số 7). Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến giá trị có thể thu hồi của khoản phải thu này tại ngày 30/06/2025 và ngày 01/01/2025. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.



3. Tại ngày 30/06/2025, số dư chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (Thuyết minh số 10) và dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1 (Thuyết minh số 15) có giá gốc lần lượt là 245,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 245,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND). Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Tổng Công ty đang làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để: (1) xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và; (2) nghiệm thu, quyết toán chi phí của Tổng Công ty thực hiện tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các tài liệu thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của các chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang nêu trên tại ngày 30/06/2025 và ngày 01/01/2025. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
4. Tại Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trình bày số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 30/06/2025 bao gồm các dự án (Tổng Công ty là Chủ đầu tư) đã tạm dừng thực hiện từ các năm trước là (1) Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí và (2) Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang với tổng số tiền là khoảng 5,72 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là khoảng 5,72 tỷ VND). Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của các dự án này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
5. Tổng Công ty đang hợp nhất Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí (công ty con) vào Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty theo số liệu báo cáo tài chính quý II năm 2024 chưa được soát xét (trong đó: Tại ngày 30/06/2024 Tổng tài sản là 15,16 tỷ VND và Vốn chủ sở hữu là âm 193,44 tỷ VND; Doanh thu và Lợi nhuận sau thuế TNDN trong kỳ (Quý I, II/2024) lần lượt là 0,09 tỷ VND và âm 0,53 tỷ VND). Đối với các công ty liên kết, trừ Báo cáo tài chính của Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung và Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa đã được soát xét, giá trị khoản đầu tư vào các Công ty liên kết còn lại đang được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu dựa trên số liệu Báo cáo tài chính tự lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 hoặc Báo cáo tài chính gần nhất mà Tổng Công ty thu thập được (thuyết minh số 04). Chúng tôi không thể đánh giá được sự phù hợp của các số liệu này.
6. Tại ngày 30/06/2025, Công ty mẹ Tổng Công ty không thu thập được báo cáo tài chính của các đơn vị nhận vốn đầu tư đối với các khoản "Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác" (mã số 253) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ với tổng giá trị ghi sổ và tổng giá trị dự phòng cho các khoản đầu tư này lần lượt là 191,595 tỷ VND và 149,99 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 lần lượt là 191,595 tỷ VND và 149,99 tỷ VND). Dự phòng đầu tư vào các công ty này trích lập dựa trên số liệu Báo cáo tài chính gần nhất mà Tổng Công ty thu thập được. Chúng tôi không thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này.
7. Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (Công ty con) chưa đánh giá được sự suy giảm giá trị cũng như chưa ước tính được giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là thành phẩm bất động sản có giá trị ghi sổ tại ngày 01/01/2025 và ngày 30/06/2025 là 36,3 tỷ VND (Thuyết minh số 10). Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là các thành phẩm bất động sản này.
8. Cũng tại Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình, chúng tôi đã thực hiện các thủ tục soát xét cần thiết, tuy nhiên không thể thu thập được đầy đủ tài liệu thích hợp để khẳng định được tính chính xác và giá trị có thể thu hồi được của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty tại ngày 01/01/2025 và ngày 30/06/2025 với số tiền lần lượt là 33,65 tỷ VND và 29,17 tỷ VND. Do đó, chúng tôi chưa xác định được các điều chỉnh cần thiết liên quan đến khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" và những khoản mục khác có liên quan cũng như những ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề này đối với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.
9. Tại ngày 30/06/2025, số dư Hàng tồn kho trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty CP Dầu khí Đồng Đô (Công ty con) bao gồm các công trình Nhiệt điện Thái Bình 2, Nhiệt điện Sông Hậu 1, Chung cư Trần Anh - Long An và Thi công nhà đa năng Quận 1 với tổng giá trị thi công dở dang là khoảng 58,80 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025: 55,36 tỷ VND). Chúng tôi không thể đánh giá được giá trị thuần có thể thực hiện được của các công trình thi công dở dang nêu trên tại các thời điểm nêu trên.



10. Cũng tại Công ty CP Dầu khí Đồng Đô (công ty con), số dư các khoản công nợ, cụ thể: nợ phải thu tại ngày 01/01/2025 và 30/06/2025 với giá trị lần lượt là 25,88 tỷ VND và 23,18 tỷ VND; nợ phải trả tại ngày 01/01/2025 và 30/06/2025 với giá trị lần lượt là: 15,83 tỷ VND và 16,07 tỷ VND. Khoản nợ phải thu tồn đọng tại ngày 30/06/2025 là 22,13 tỷ VND chưa được công ty xem xét và đánh giá khả năng trích lập dự phòng. Chúng tôi không đánh giá được tính hiện hữu, khả năng thu hồi cũng như số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập đối với các khoản công nợ này.
11. Tại Công ty CP Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (Công ty con): Chúng tôi đã không thể thu thập được các tài liệu cần thiết có liên quan đến một số hạng mục thuộc Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 và Dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu I. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra kết luận về sự phù hợp của doanh thu, giá vốn đã ghi nhận lũy kế đến ngày 30/06/2025 với tổng giá trị lần lượt là 893,96 tỷ VND và 935,62 tỷ VND (trong đó giá trị doanh thu, giá vốn đã được Công ty ghi nhận trong kỳ này lần lượt là 987 triệu VND và 14,28 tỷ VND); chưa đánh giá được sự phù hợp và đầy đủ của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến các hạng mục nêu trên tại ngày 30/06/2025 và 01/01/2025 với giá trị lần lượt là 145,90 tỷ VND và 146,25 tỷ VND, cũng như ảnh hưởng của các vấn đề này tới Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.
12. Số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (Công ty con) bao gồm giá trị dở dang của dự án Khu phức hợp Thương mại - Dịch vụ - Văn phòng và Căn hộ với giá trị là 32,99 tỷ VND (Thuyết minh số 10). Dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng từ năm 2018 nhưng đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này vẫn chưa được phê duyệt quyết toán dự án.
13. Tại Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (Công ty con): Công ty chưa thực hiện đánh giá khả năng thu hồi đối với khoản phải thu dài hạn Hợp tác Dự án chung cư Long Sơn Riverside số tiền là 12,89 tỷ VND (Thuyết minh 16) đã hoàn thành từ năm 2019.
14. Cũng tại Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (Công ty con): chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các tài liệu liên quan đến số dư tại ngày 01/01/2025 và ngày 30/06/2025 của các khoản nợ phải thu với giá trị lần lượt là 4,21 tỷ VND và 5,59 tỷ VND; nợ phải trả với giá trị lần lượt là 21,27 tỷ VND và 15,86 tỷ VND.
15. Tại Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (Công ty con): chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các tài liệu liên quan đến số dư tại ngày 01/01/2025 và ngày 30/06/2025 của các khoản nợ phải trả với giá trị lần lượt là 15,55 tỷ VND và 26,99 tỷ VND, các khoản nợ phải thu với giá trị lần lượt là 10,31 tỷ VND và 10,06 tỷ VND. Giá trị các khoản nợ phải thu tồn đọng tại ngày 01/01/2025 và ngày 30/06/2025 lần lượt là 131,89 tỷ VND và 112,33 tỷ VND chưa được công ty xem xét và đánh giá trích lập dự phòng.

#### **Từ chối đưa ra kết luận**

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận nào về các báo cáo tài chính này.

### Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 39 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, tại ngày 30/06/2025, Tổng Công ty có một số khoản công nợ tiềm tàng và chưa có kết quả cuối cùng về các nghĩa vụ liên quan của Tổng Công ty.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không liên quan đến việc từ chối đưa ra kết luận của chúng tôi.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Phạm Anh Tuấn**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0777-2023-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2025

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025*

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	(đã điều chỉnh) VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>4.546.118.798.037</b>	<b>4.611.664.998.814</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>1.055.360.316.691</b>	<b>433.474.223.994</b>
111	1. Tiền		948.482.835.687	255.791.531.076
112	2. Các khoản tương đương tiền		106.877.481.004	177.682.692.918
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>269.779.898.323</b>	<b>254.505.326.478</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		14.900.000.000	14.900.000.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(13.885.000.000)	(13.885.000.000)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		268.764.898.323	253.490.326.478
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>1.317.875.541.644</b>	<b>1.957.524.578.173</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.023.124.614.705	1.663.260.397.192
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	576.859.216.158	570.160.345.945
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	355.676.953.493	355.676.953.493
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	421.619.402.433	419.600.886.765
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.060.244.978.065)	(1.052.014.338.142)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		840.332.920	840.332.920
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>1.763.563.308.443</b>	<b>1.817.989.197.656</b>
141	1. Hàng tồn kho		1.884.990.036.593	1.937.818.905.304
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(121.426.728.150)	(119.829.707.648)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>139.539.732.936</b>	<b>148.171.672.513</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	2.281.137.574	3.443.165.122
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		102.526.116.451	110.091.427.591
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	34.732.478.911	34.637.079.800



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025*  
(Tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	(đã điều chỉnh) VND
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.448.088.137.457</b>	<b>1.509.221.766.538</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>27.665.382.226</b>	<b>28.744.401.590</b>
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn	6	-	9.262.236.011
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	27.665.382.226	28.567.933.637
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	(9.085.768.058)
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>1.000.857.638.180</b>	<b>1.019.336.731.121</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	749.204.390.827	767.327.869.072
222	- Nguyên giá		1.615.867.393.957	1.626.973.749.975
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(866.663.003.130)	(859.645.880.903)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	251.653.247.353	252.008.862.049
228	- Nguyên giá		274.650.242.344	274.650.242.344
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(22.996.994.991)	(22.641.380.295)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>14</b>	<b>85.023.340.441</b>	<b>85.507.988.185</b>
231	- Nguyên giá		113.224.755.532	111.067.844.188
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(28.201.415.091)	(25.559.856.003)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>15</b>	<b>136.737.625.943</b>	<b>138.515.570.946</b>
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		24.664.351.980	25.064.213.539
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		112.073.273.963	113.451.357.407
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>75.824.954.315</b>	<b>78.900.512.009</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		29.132.971.817	32.208.529.511
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		206.313.000.000	206.313.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(159.621.017.502)	(159.621.017.502)
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>121.979.196.352</b>	<b>158.216.562.687</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	92.042.037.391	100.284.708.167
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	35	17.039.958.961	18.801.350.080
268	3. Tài sản dài hạn khác	16	12.897.200.000	39.130.504.440
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>5.994.206.935.494</b>	<b>6.120.886.765.352</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025**  
**(Tiếp theo)**

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	(đã điều chỉnh) VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>5.490.676.875.588</b>	<b>5.609.638.003.808</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>5.302.856.315.037</b>	<b>5.405.607.203.291</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	3.210.147.094.806	3.267.033.909.932
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	224.102.257.692	232.242.459.037
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	111.883.008.223	125.235.476.617
314	4. Phải trả người lao động		61.880.393.648	48.701.521.223
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	421.068.423.993	453.154.875.592
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	21	4.757.449.020	6.249.109.721
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	22	576.214.864.085	582.456.022.299
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	24	691.147.067.252	694.791.647.252
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	23	5.911.574.700	-
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(4.255.818.382)	(4.257.818.382)
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>187.820.560.551</b>	<b>204.030.800.517</b>
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	20	115.497.608.588	115.497.608.588
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	21	49.908.331.269	50.831.503.317
337	3. Phải trả dài hạn khác	22	2.947.706.650	2.923.199.868
338	4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	24	14.600.000.000	24.000.000.000
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn	23	4.866.914.044	10.778.488.744
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>503.530.059.906</b>	<b>511.248.761.544</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>25</b>	<b>503.530.059.906</b>	<b>511.248.761.544</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		6.831.719.482	6.831.719.482
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		22.681.220.411	22.681.220.411
415	4. Cổ phiếu quỹ		(29.720.195)	(29.720.195)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		150.859.427.814	150.859.427.814
420	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		233.648.426	233.648.426
421	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(4.022.135.234.279)	(4.007.465.589.328)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(4.007.465.589.328)	(4.014.835.474.523)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		(14.669.644.951)	7.369.885.195
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		345.088.998.247	338.138.054.934
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>5.994.206.935.494</b>	<b>6.120.886.765.352</b>



**Nguyễn Thị Thu Anh**  
Người lập biểu



**Vũ Minh Công**  
Kế toán trưởng



**Trần Quốc Hoàn**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2025



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27	832.416.205.962	478.271.066.380
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		832.416.205.962	478.271.066.380
11	3. Giá vốn hàng bán	28	783.002.879.993	456.550.302.004
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		49.413.325.969	21.720.764.376
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	29	29.868.039.589	16.115.307.190
22	6. Chi phí tài chính	30	21.999.560.522	49.795.339.718
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		17.244.263.315	19.425.842.282
24	7. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(3.075.557.694)	(904.837.501)
25	8. Chi phí bán hàng		2.943.698.289	117.139.349
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	61.559.537.032	61.088.988.236
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(10.296.987.979)	(74.070.233.238)
31	11. Thu nhập khác	32	6.869.074.394	5.710.628.604
32	12. Chi phí khác	33	2.393.429.099	3.706.466.568
40	13. Lợi nhuận khác		4.475.645.295	2.004.162.036
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(5.821.342.684)	(72.066.071.202)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	34	135.967.835	-
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	35	1.761.391.119	(226.438.952)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>(7.718.701.638)</u>	<u>(71.839.632.250)</u>
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		(14.669.644.951)	(67.067.121.586)
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		6.950.943.313	(4.772.510.664)
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	36	(37)	(168)



**Nguyễn Thị Thu Anh**  
Người lập biểu



**Vũ Minh Công**  
Kế toán trưởng



**Trần Quốc Hoàn**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2025

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025*  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>(5.821.342.684)</b>	<b>(72.066.071.202)</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		20.098.991.865	21.344.079.540
03	- Các khoản dự phòng		741.892.367	(24.001.123.184)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.865.654.383)	9.538.230.798
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(5.372.082.936)	(6.232.961.814)
06	- Chi phí lãi vay		17.244.263.315	19.425.842.282
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>25.026.067.544</b>	<b>(51.992.003.580)</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		677.818.978.330	(89.188.155.516)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		55.337.730.270	61.973.342.713
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		(122.083.030.622)	36.058.547.826
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		9.404.698.324	4.129.782.650
14	- Tiền lãi vay đã trả		(2.057.682.098)	(5.309.527.598)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(497.536.232)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.065.300.000	871.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(954.900.000)	(919.200.000)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>643.557.161.748</b>	<b>(44.873.749.737)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(1.866.167.736)	(20.239.664.176)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		961.863.636	2.491.215.909
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(63.274.571.845)	(21.400.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		48.000.000.000	27.573.589.041
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.648.831.326	8.785.272.761
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(11.530.044.619)</b>	<b>(2.789.586.465)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		17.928.000.000	63.238.846.533
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(30.972.580.000)	(48.236.791.110)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(13.044.580.000)</b>	<b>15.002.055.423</b>



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025*  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
*(Tiếp theo)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		618.982.537.129	(32.661.280.779)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		433.474.223.994	315.530.103.712
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		2.903.555.568	4.903.570.885
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>1.055.360.316.691</u>	<u>287.772.393.818</u>



**Nguyễn Thị Thu Anh**  
Người lập biểu



**Vũ Minh Công**  
Kế toán trưởng



**Trần Quốc Hoàn**  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, thành viên của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 3500102365 ngày 20 tháng 12 năm 2007 thay đổi lần thứ 22 ngày 18 tháng 01 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần nhất là tại: Tầng 14, tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Hiện nay địa chỉ này đã được đổi thành: Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 22 ngày 18 tháng 01 năm 2024, tổng vốn điều lệ của Tổng Công ty là 4.000.000.000.000 VND (được chia thành 400.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND).

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là: 147 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 154 người).

**Lĩnh vực kinh doanh:** Xây lắp.

**Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Tổng Công ty là: thi công xây lắp các công trình công nghiệp và dân dụng.

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất**

Trong kỳ, Tổng Công ty tiếp tục thực hiện dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với tỷ lệ lỗ gộp dự kiến là 0,67% theo quyết định của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam về việc tạm chấp thuận phương án thực hiện Hợp đồng EPC Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Doanh thu kỳ này tăng mạnh trên các loại hình, cụ thể:

- Doanh thu bán hàng tăng do trong kỳ Công ty CP Dầu khí Đồng Đô đã thực hiện gói thầu cung cấp màng chống thấm cho các dự án của Công ty CP GeoVietnam (ghi nhận 74,3 tỷ VND)
- Doanh thu từ hoạt động xây lắp tăng mạnh do Công ty mẹ kỳ này nghiệm thu được một số hạng mục có giá trị lớn tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với chủ đầu tư. Cùng với đó tại Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (Công ty con) ghi nhận khoản tăng doanh thu hoạt động xây lắp do thực hiện nhiều hạng mục lớn tại các Dự án Lô B - Ô Môn, Lạc Đà Vàng.
- Doanh thu dịch vụ tăng do Công ty mẹ ghi nhận khoản doanh thu về tiền điện chạy thử tại Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.

Trong khi đó, chi phí tài chính giảm mạnh chủ yếu do lỗ từ chênh lệch tỷ giá kỳ này ít hơn so với kỳ trước. Đây là những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến biến động mạnh của các chỉ tiêu phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh.



### **Áp dụng giả định về Hoạt động liên tục:**

Tại ngày 30/06/2025, Lỗ lũy kế (mã số 421) của Tổng Công ty là 4.022,14 tỷ VND, nợ phải trả ngắn hạn (mã số 310) là 5.302,86 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn (mã số 100) là 756,74 tỷ VND, các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 30/06/2025 là 1.433,42 tỷ VND. Tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 01/01/2025 cũng trong tình trạng tương tự. Các yếu tố này dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty. Một số Báo cáo tài chính của các công ty con của Tổng Công ty cũng tồn tại nhiều yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ khả năng hoạt động liên tục như: Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí, Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí, Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình, Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ.

Đến nay, Tổng Công ty đã được Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam phê duyệt phương án tái cơ cấu các khoản đầu tư, Tổng Công ty cũng đang xây dựng kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 và Chiến lược phát triển Tổng Công ty trình Tập đoàn phê duyệt. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang quyết liệt thực hiện các giải pháp khác và tin tưởng rằng các giải pháp này sẽ thành công và Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường. Do đó, Báo cáo tài chính hợp nhất vẫn được lập dựa trên giả định hoạt động liên tục.

### **Cấu trúc tập đoàn**

Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2025 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	Hưng Yên	72,22%	72,22%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản và dịch vụ
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	TP Hồ Chí Minh	50,97%	50,97%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	Quảng Ngãi	48,62%	52,56%	Kinh doanh bất động sản, vật liệu xây dựng
Công ty CP Dầu khí Đồng Đô	TP Hà Nội	34,87%	34,87%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí	Cà Mau	53,44%	53,44%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	TP Hồ Chí Minh	51%	51%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	TP Hồ Chí Minh	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, mặc dù tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty nhỏ hơn 50% tại Công ty CP Dầu khí Đồng Đô nhưng Tổng Công ty vẫn có quyền kiểm soát công ty này thông qua quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, cũng như giao và đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, hỗ trợ về công việc, các hợp đồng xây lắp, thị trường, tài chính. Theo đó, Công ty Cổ phần Dầu khí Đồng Đô được xác định là công ty con của Tổng Công ty.

## **2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY**

### **2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).



## **2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Tổng Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán*

Tổng Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## **2.3 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

### *Lợi ích của cổ đông không kiểm soát*

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích của những chủ sở hữu không nắm quyền kiểm soát trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con.

## **2.4 Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Dự phòng phải trả;
- Mức phân bổ các loại chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá là hợp lý.



## **2.5 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

## **2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **2.7 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con). Lãi mua rẻ (nếu có) sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ, Tổng Công ty sẽ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

## **2.8 Các khoản đầu tư tài chính**

*Chứng khoán kinh doanh* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh liên kết* mua trong kỳ được bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán "Thông tin tài chính về những khoản góp vốn liên doanh" và "Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết".



Trong báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết từ sau ngày đầu tư đến đầu kỳ báo cáo, Tổng Công ty thực hiện như sau:

- Đối với phần điều chỉnh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các kỳ trước, Tổng Công ty điều chỉnh vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần đến đầu kỳ báo cáo.
- Đối với phần điều chỉnh do chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán của các kỳ trước, Tổng Công ty xác định điều chỉnh vào các khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết phát sinh trong kỳ, Tổng Công ty loại trừ phần cổ tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên doanh, liên kết; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên doanh, liên kết góp vốn hoặc bán tài sản cho Tổng Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Tổng Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên doanh, liên kết kỳ báo cáo. Sau đó Tổng Công ty điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên doanh, liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

*Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:*

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## **2.9 Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải



thu quá hạn thanh toán được Tổng Công ty căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## **2.10 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## **2.11 Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Nếu phát sinh các khoản chi phí sau ghi nhận ban đầu làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 48 năm
- Máy móc, thiết bị khác	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	04 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	Theo thời hạn thuê đất
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

## **2.12 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, trước ngày 01/01/2015 được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương tự như các tài sản khác, kể từ ngày 01/01/2015 không thực hiện trích khấu hao.



Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                          |             |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 25 - 38 năm |
|--------------------------|-------------|

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

### **2.13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

### **2.14 Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

### **2.15 Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, các BCC của Tổng Công ty là BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát, kế toán tiếp tục thực hiện:

Các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán để ghi chép và phản ánh trong báo cáo tài chính của mình các nội dung sau đây:

- Tài sản góp vốn liên doanh và chịu sự kiểm soát của bên góp vốn liên doanh;
- Các khoản nợ phải trả phải gánh chịu;
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh;
- Chi phí phải gánh chịu.

Các bên thực hiện phân chia doanh thu từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh, phân chia chi phí chung theo các thỏa thuận trong Hợp đồng liên doanh.

### **2.16 Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.



*Các loại chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm:*

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí thuê hạ tầng bãi cảng Sao Mai Bến Đình được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian thuê (49 năm) từ ngày 16 tháng 9 năm 2010.

## **2.17 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

## **2.18 Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

## **2.19 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

## **2.20 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí thi công công trình, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## **2.21 Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;



- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

## **2.22 Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

## **2.23 Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Tổng Công ty mua lại trước ngày hiệu lực của Luật chứng khoán 2019 (ngày 01 tháng 01 năm 2021) nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 01 tháng 01 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

## **2.24 Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu hợp đồng xây dựng*

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận



tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.25 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**2.26 Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.27 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

*Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

*Thuế suất thuế TNDN hiện hành*

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, Tổng Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

## 2.28 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

## 2.29 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 2.30 Thông tin bộ phận

Do Tổng Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam nên Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

## 3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	3.685.996.238	5.238.205.288
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	944.796.839.449	250.553.325.788
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	26.449.408.713	13.978.111.303
- Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại	2.264.905.650	2.254.370.501
- Các ngân hàng khác	916.082.525.086	234.320.843.984
Các khoản tương đương tiền (i)	106.877.481.004	177.682.692.918
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	-	4.200.000.000
- Các ngân hàng khác	106.877.481.004	173.482.692.918
	<b>1.055.360.316.691</b>	<b>433.474.223.994</b>
<b>Trong đó số dư với các bên liên quan</b>		
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	26.449.408.713	18.178.111.303
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	26.449.408.713	13.978.111.303
- Các khoản tương đương tiền	-	4.200.000.000

(i) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng có giá trị 106.877.481.004 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 1,6%/năm đến 4,1%/năm.



#### 4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

##### a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	268.764.898.323	-	253.490.326.478	-
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	37.880.000.000	-	35.780.000.000	-
- Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại	45.316.000.000	-	45.316.000.000	-
- Các ngân hàng khác	185.568.898.323	-	172.394.326.478	-
	<b>268.764.898.323</b>	<b>-</b>	<b>253.490.326.478</b>	<b>-</b>
<b>Trong đó số dư với các bên liên quan</b>				
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	37.880.000.000	-	35.780.000.000	-

(i) Tại ngày 30/06/2025, các khoản đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến dưới 12 tháng có giá trị 268.764.898.323 VND được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 2,9%/năm đến 5,9%/năm.

Trong đó:

- Các khoản tiền với giá trị là 153.794.326.478 VND đang được cầm cố cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông (Xem thuyết minh 24);
- Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc 45,316 tỷ VND gửi tại Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại - Chi nhánh Vũng Tàu đang tạm dừng giao dịch theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Khoản tiền này sẽ được chi trả khi có chỉ đạo từ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các khoản tiền gửi nêu trên vẫn có khả năng thu hồi, không có rủi ro tổn thất và theo đó, không phải trích lập dự phòng tổn thất.

##### b) Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tổng giá trị cổ phiếu</b>	<b>14.900.000.000</b>	<b>(13.885.000.000)</b>	<b>14.900.000.000</b>	<b>(13.885.000.000)</b>
- Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	14.600.000.000	(13.885.000.000)	14.600.000.000	(13.885.000.000)
- Các khoản khác	300.000.000	-	300.000.000	-
	<b>14.900.000.000</b>	<b>(13.885.000.000)</b>	<b>14.900.000.000</b>	<b>(13.885.000.000)</b>

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

c) Đầu tư vào công ty liên kết

	Mã CK	Địa chỉ	30/06/2025			01/01/2025		
			Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu
			%	%	VND	%	%	VND
- Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC		Hà Nội	44,00	44,00	-	44,00	44,00	-
- Công ty CP Trang trí Nội thất Dầu khí	PID	Hà Nội	49,98	49,98	-	49,98	49,98	-
- Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	PVA	Nghệ An	22,64	22,64	-	22,64	22,64	-
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	PSG	Thành phố Hồ Chí Minh	24,72	24,72	-	24,72	24,72	-
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải		Hải Phòng	42,46	42,46	28.574.743.188	42,46	42,46	31.417.598.211
- Công ty CP Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (i)		Hà Nội	97,22	35,00	558.228.629	97,22	35,00	790.931.300
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)		Hà Nội	35,83	35,83	-	35,83	35,83	-
- Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí		Hà Nội	40,00	40,00	-	40,00	40,00	-
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	PVH	Thanh Hóa	36,00	36,00	-	36,00	36,00	-
- Công ty CP Khách sạn Lam Kinh		Thanh Hóa	35,01	43,16	-	35,01	43,16	-
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	PXM	Đà Nẵng	48,27	48,27	-	48,27	48,27	-
					<b>29.132.971.817</b>	<b>32.208.529.511</b>		

(i) Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, mặc dù tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Công ty CP Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (Petro-link) tại ngày 30/06/2025 là 97% nhưng tỷ lệ sở hữu này chỉ là tạm thời do các thành viên còn lại chưa góp đủ vốn. Tỷ lệ sở hữu (vốn góp) của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là 35%, đồng thời, Tổng Công ty cũng không nắm quyền kiểm soát tại công ty này. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định Petro-link là công ty liên kết và trình bày khoản đầu tư này là đầu tư vào công ty liên kết.

Tại ngày 30/06/2025, giá trị các khoản đầu tư vào công ty liên kết được Tổng Công ty đánh giá giá theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên cơ sở Báo cáo tài chính của các đơn vị thu thập được tại thời điểm gần nhất.

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty và công ty liên kết trong năm: Chi tiết xem tại Thuyết minh 42.



d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ quyền biểu quyết
	VND	VND		VND	VND	
- Công ty CP Xi măng Hạ Long (ii)	147.300.000.000	(147.300.000.000)	7,58%	147.300.000.000	(147.300.000.000)	7,58%
- Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (ii)	23.500.000.000	(1.200.936.821)	15,67% (*)	23.500.000.000	(1.200.936.821)	15,67% (*)
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam (ii)	12.500.000.000	(1.488.246.800)	2,50%	12.500.000.000	(1.488.246.800)	2,50%
- Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Trường Sơn (ii)	3.000.000.000	-	3,99%	3.000.000.000	-	3,99%
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí 2 (ii)	2.795.000.000	-	5,00%	2.795.000.000	-	5,00%
- Công ty CP Vật liệu xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4 (ii)	2.500.000.000	-	10,00%	2.500.000.000	-	10,00%
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Dầu khí - 3C (ii)	5.400.000.000	(5.400.000.000)	7,25%	5.400.000.000	(5.400.000.000)	7,25%
- Các khoản đầu tư dài hạn khác (ii)	9.318.000.000	(4.231.833.881)		9.318.000.000	(4.231.833.881)	
	<b>206.313.000.000</b>	<b>(159.621.017.502)</b>		<b>206.313.000.000</b>	<b>(159.621.017.502)</b>	

(ii) Tại ngày 30/06/2025, Tổng Công ty có một số khoản đầu tư vào các công ty với tổng giá trị ghi sổ và tổng giá trị dự phòng của các khoản đầu tư này lần lượt là 206,31 tỷ VND và 159,62 tỷ VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính tại ngày 30/06/2025 được soát xét của các công ty này. Do đó, Tổng Công ty chưa đánh giá được hết sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư trên. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

Tại ngày 30/06/2025, Tổng Công ty không thu thập được Báo cáo tài chính của các khoản đầu tư khác, do đó dự phòng đầu tư tài chính đang được trích theo báo cáo tài chính các năm trước của các Công ty này.

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

- (\*) Giá trị khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc ("PVC Kinh Bắc") là 23,5 tỷ VND bao gồm 2 phần:
- Số tiền 2,5 tỷ VND vốn góp phát sinh trước năm 2010 chiếm tỷ lệ 5% trên số vốn điều lệ của PVC Kinh Bắc lúc này là 50 tỷ VND; và
  - Số tiền 21 tỷ VND phát sinh năm 2010 hình thành từ vụ việc bù trừ công nợ với số tiền Tổng Công ty đã ứng cho PVC Kinh Bắc phục vụ hợp đồng xây lắp, lúc này vốn điều lệ của PVC Kinh Bắc là 150 tỷ VND. Số tiền này, PVC Kinh Bắc được xác định đã dùng để mua 3.400 m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 20, thôn 1, thị trấn Tam Đảo, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc ("lô đất tại Tam Đảo"), sau đó chuyển nhượng lại cho Công ty TNHH Đầu tư Mai Phương ("Mai Phương").

Theo bản án số 412/2021/HSPT ngày 29/09/2021 đã kết luận:

- Vụ việc ứng tiền thi công cho công ty PVC Kinh Bắc là sai quy định, trả lại lô đất tại Tam Đảo cho Tổng Công ty;
- Tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty tại Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc sẽ được các bên có liên quan tự giải quyết, nếu có yêu cầu sẽ xử lý ở vụ kiện dân sự khác.

Ngày 01/06/2022, Cục trưởng Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội đã ra Quyết định thi hành án số 905/QĐ-CTHSDS bản án nêu trên.

Ngày 25/09/2024, Tổng Công ty đã nhận bàn giao Quyền sử dụng 3.400 m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 20, thôn 1, thị trấn Tam Đảo, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc từ Công ty TNHH Đầu tư Mai Phương.

Ngày 27 tháng 06 năm 2025, Tổng Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

Đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này Tổng Công ty đang làm các thủ tục liên quan đến các tài sản trên đất của lô đất tại Tam Đảo và Tổng Công ty đang làm việc với PVC Kinh Bắc để xác định lại tỷ lệ góp vốn.

#### **Đầu tư vào đơn vị khác**

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Xi măng Hạ Long	Quảng Ninh	7,58%	7,58%	Sản xuất vật liệu xây dựng
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	Bắc Ninh	15,67%	15,67%	Xây lắp
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	Hà Nội	2,50%	2,50%	Xây lắp
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Trường Sơn	Quảng Trị	3,99%	3,99%	Xây lắp
Công ty CP Xây lắp Dầu khí 2	Ninh Bình	5,00%	5,00%	Xây lắp
Công ty CP Vật liệu xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4	Hà Nội	10,00%	10,00%	Xây lắp
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Dầu khí - 3C	Hà Nội	7,25%	7,25%	Xây lắp



5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>660.791.230.890</b>	<b>(157.219.916.726)</b>	<b>1.262.598.515.463</b>	<b>(157.219.916.726)</b>
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	1.259.134.326	-	1.259.134.326	-
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN)	5.653.475.269	-	5.548.525.269	-
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	280.552.850.791	-	881.154.608.947	-
Viện Dầu khí Việt Nam	35.900.754.233	(747.531.048)	36.963.772.960	(747.531.048)
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá dầu Nghi Sơn	50.006.385.426	-	50.006.385.426	-
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	91.619.056.480	(91.619.056.480)	91.619.056.480	(91.619.056.480)
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	23.113.811.922	(200.156.144)	23.291.878.505	(200.156.144)
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	27.858.853.155	(27.158.853.155)	27.858.853.155	(27.158.853.155)
Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	6.097.621.800	(1.518.493.750)	6.097.621.800	(1.518.493.750)
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	16.811.955	-	16.811.955	-
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	37.060.810.724	(23.330.868.807)	41.635.737.524	(23.330.868.807)
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	23.115.000	-	23.115.000	-
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Dầu khí	532.785.009	(532.785.009)	532.785.009	(532.785.009)
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	9.518.282.409	(9.518.282.409)	9.518.282.409	(9.518.282.409)
Công ty CP Sản xuất Ống thép Dầu khí	15.500.000.000	-	15.500.000.000	-
Công ty CP Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam	366.052.500	(366.052.500)	366.052.500	(366.052.500)
Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	15.000.550.992	-	16.235.738.266	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	56.483.041.473	-	50.742.318.506	-
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	2.000.000.002	-	2.000.000.002	-
Công ty CP Phân phối Khí áp thấp Dầu khí Việt Nam	62.166.603	(62.166.603)	62.166.603	(62.166.603)
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	2.165.670.821	(2.165.670.821)	2.165.670.821	(2.165.670.821)
<b>Bên khác</b>	<b>362.333.383.815</b>	<b>(117.478.043.063)</b>	<b>400.661.881.729</b>	<b>(118.331.077.589)</b>
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	56.855.203.109	-	69.049.973.934	-
Các đối tượng khác	305.478.180.706	(117.478.043.063)	331.611.907.795	(118.331.077.589)
	<b>1.023.124.614.705</b>	<b>(274.697.959.789)</b>	<b>1.663.260.397.192</b>	<b>(275.550.994.315)</b>

**6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
<b>Bên liên quan</b>	<b>263.575.778.518</b>	<b>(176.901.545.306)</b>	<b>263.575.778.518</b>	<b>(176.901.545.306)</b>
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	54.324.395.257	(26.196.864.426)	54.324.395.257	(26.196.864.426)
Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	229.674.800	(160.772.360)	229.674.800	(160.772.360)
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	108.864.918.776	(108.864.918.776)	108.864.918.776	(108.864.918.776)
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	11.617.459.964	(11.617.459.964)	11.617.459.964	(11.617.459.964)
Công ty CP Trang trí nội thất Dầu Khí	3.418.342.062	-	3.418.342.062	-
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	28.268.366.989	(26.744.518.395)	28.268.366.989	(26.744.518.395)
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Công nghiệp Tàu thủy phía Nam	42.215.869.300	-	42.215.869.300	-
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	14.556.466.443	(3.236.726.458)	14.556.466.443	(3.236.726.458)
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Dầu khí	80.284.927	(80.284.927)	80.284.927	(80.284.927)
<b>Bên khác</b>	<b>313.283.437.640</b>	<b>(142.254.652.296)</b>	<b>306.584.567.427</b>	<b>(134.263.221.795)</b>
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	120.028.310.242	(24.497.588.138)	113.386.879.741	(17.856.157.637)
Các đối tượng khác	193.255.127.398	(117.757.064.158)	193.197.687.686	(116.407.064.158)
	<b>576.859.216.158</b>	<b>(319.156.197.602)</b>	<b>570.160.345.945</b>	<b>(311.164.767.101)</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	-	-	6.641.430.501	(6.641.430.501)
Các đối tượng khác	-	-	2.620.805.510	(2.444.337.557)
	-	-	<b>9.262.236.011</b>	<b>(9.085.768.058)</b>



**7 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	01/01/2025		Trong kỳ		30/06/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Bên liên quan</b>						
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh (i)	200.000.000.000	(124.356.150.003)	-	-	200.000.000.000	(124.356.150.003)
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (ii)	128.357.292.532	(128.357.292.532)	-	-	128.357.292.532	(128.357.292.532)
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (ii)	16.321.991.226	(5.461.481.782)	-	-	16.321.991.226	(5.461.481.782)
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	10.997.669.735	(10.997.669.735)	-	-	10.997.669.735	(10.997.669.735)
	<b>355.676.953.493</b>	<b>(269.172.594.052)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>355.676.953.493</b>	<b>(269.172.594.052)</b>

(i) Số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 603/2011/11DTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 ký với OceanBank (nay là Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại) để cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh ("Khách sạn Lam Kinh") vay vốn, mục đích để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh cho Khách sạn Lam Kinh.

(ii) Số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HDTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (nay là Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại) và Tổng Công ty để thanh toán hộ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn và Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An về việc chuyển nhượng cổ phần.

Theo Công văn số 7697/2014/CV - Oceanbank ngày 09/12/2014 của Oceanbank (nay là Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại), thời điểm thanh toán các khoản vay nêu trên sau khi được gia hạn là ngày 31/12/2017. Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đang làm việc với các bên liên quan để gia hạn thời gian thanh toán các khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại. Tổng Công ty cũng đang làm việc với các công ty nêu trên để thu hồi các khoản thanh toán hộ hoặc cho vay để có nguồn thanh toán các khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại, nhằm tăng cường khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

**8 PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu về lãi tiền gửi	5.831.920.816	-	2.994.975.148	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	6.750.990.000	(6.750.990.000)	6.750.990.000	(6.750.990.000)
Phải thu về tạm ứng	48.470.741.344	(5.074.811.895)	48.314.987.793	(3.630.344.555)
Ký cược, ký quỹ	4.150.270.801	-	4.158.250.243	-
Phải thu về lãi cho vay, hỗ trợ vốn, lãi phạt chậm thanh toán, chậm trả	112.417.670.580	(27.733.568.215)	109.513.848.523	(27.733.568.215)
Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (i)	42.770.314.825	(42.328.848.975)	42.770.314.825	(42.328.848.975)
Phí trọng tài quốc tế chưa có phán quyết (ii)	4.889.875.320	-	4.889.875.320	-
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	26.414.393.577	(26.414.393.577)	26.414.393.577	(26.414.393.577)
Phải thu các đội xây dựng	16.819.381.673	(16.819.381.673)	16.819.381.673	(16.819.381.673)
Quý Khen thưởng phúc lợi trích thừa	4.917.824.644	(4.917.824.644)	4.917.824.644	(4.917.824.644)
Phải thu khác	148.186.018.853	(67.178.407.643)	152.058.045.019	(67.530.631.035)
	<b>421.619.402.433</b>	<b>(197.218.226.622)</b>	<b>419.600.886.765</b>	<b>(196.125.982.674)</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	23.851.920.501	-	23.954.471.912	-
Công ty CP Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành	3.813.461.725	-	4.613.461.725	-
	<b>27.665.382.226</b>	<b>-</b>	<b>28.567.933.637</b>	<b>-</b>



	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>c) Trong đó: Bên liên quan</b>				
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	58.003.886.586	(3.778.366.082)	56.894.768.733	(3.778.366.082)
- Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	50.283.788.073	(6.138.310.290)	48.630.948.027	(6.138.310.290)
- Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	6.840.056.555	(4.742.067.735)	6.840.056.555	(4.742.067.735)
- Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	5.360.238.712	(3.899.613.813)	5.360.238.712	(3.899.613.813)
- Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	33.584.659.686	(33.584.659.686)	33.584.659.686	(33.584.659.686)
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	20.507.270.308	(8.125.138.911)	20.507.270.308	(8.125.138.911)
- Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	2.583.751.546	-	2.441.887.388	-
- Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN)	2.008.154.052	(2.008.154.052)	2.008.154.052	(2.008.154.052)
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	368.366.166	-	368.366.166	-
- Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	274.000.624	-	274.000.624	-
- Viện Dầu khí Việt Nam	124.742.000	-	124.742.000	-
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	28.795.218.993	(28.795.218.993)	28.795.218.993	(28.795.218.993)
- Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	1.669.212.234	-	1.669.212.234	-
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1.916.027.273	-	1.920.077.263	-
	<b>212.319.372.808</b>	<b>(91.071.529.562)</b>	<b>209.419.600.741</b>	<b>(91.071.529.562)</b>

(i) Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh là khoản tiền ngân hàng đã khấu trừ tài khoản của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho các hợp đồng tín dụng mà Tổng Công ty đứng ra bảo lãnh (Xem thuyết minh số 39).

(ii) Khoản phí trọng tài này được nộp tại Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) nhằm phục vụ cho việc đệ trình Đơn kiện lại Công ty DL E&C Co., Ltd, liên quan đến vụ tranh chấp trọng tài số 05/24 VIAC giữa Tổng Công ty và Công ty DL E&C Co., Ltd (xem thuyết minh số 17). Ngày 31/05/2024, Tổng Công ty đã gửi Đơn kiện lại Công ty DL E&C Co., Ltd tới VIAC và nộp khoản phí trọng tài theo thông báo của VIAC, yêu cầu Hội đồng trọng tài giải quyết các khiếu nại của Tổng Công ty đối với những vi phạm của Công ty DL E&C Co., Ltd trong quá trình thực hiện Hợp đồng EPS. Khoản phí trọng tài này sẽ được Hội đồng trọng tài phân bổ khi lập Phán quyết trọng tài.

## 9 NỢ XẤU

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng</b>	<b>327.343.984.785</b>	<b>52.646.024.996</b>	<b>328.178.418.416</b>	<b>52.627.424.101</b>
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	91.619.056.480	-	91.619.056.480	-
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	27.158.853.155	-	27.158.853.155	-
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	23.112.242.922	22.912.086.778	23.291.878.505	23.091.722.361
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	25.401.643.107	2.070.774.300	25.401.643.107	2.070.774.300
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	29.273.930.682	-	29.273.930.682	-
Công ty CP Vinaconex 39	1.080.360.052	-	1.080.360.052	-
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Trường Sơn	572.219.050	-	572.219.050	-
Công ty CP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	18.000.000.000	-	18.000.000.000	-
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	2.165.670.821	-	2.165.570.821	-
Công ty CP TID	19.604.536.064	17.448.428.851	19.604.536.064	17.448.428.851
Các đối tượng khác	89.355.472.452	10.214.735.067	90.010.370.500	10.016.498.589
<b>b) Trả trước cho người bán</b>	<b>353.958.546.730</b>	<b>34.802.349.128</b>	<b>355.052.884.287</b>	<b>34.802.349.128</b>
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	31.212.207.481	6.714.619.343	31.212.207.481	6.714.619.343
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	108.864.918.776	-	108.864.918.776	-
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	11.617.459.964	-	11.617.459.964	-
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	47.905.728.732	21.708.864.306	47.905.728.732	21.708.864.306
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	26.744.518.395	-	26.744.518.395	-
Công ty CP Vinaconex 39	34.069.058.988	1.057.959.818	34.069.058.988	1.057.959.818
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Trường Sơn	29.923.230.049	100.965.000	29.923.230.049	100.965.000
Công ty CP Xây lắp Dầu khí 2	26.176.673.819	-	26.176.673.819	-
Các đối tượng khác	37.444.750.526	5.219.940.661	38.539.088.083	5.219.940.661



	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<b>c) Phải thu về cho vay</b>	<b>355.676.953.493</b>	<b>86.504.359.441</b>	<b>355.676.953.493</b>	<b>86.504.359.441</b>
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	200.000.000.000	75.643.849.997	200.000.000.000	75.643.849.997
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	128.357.292.532	-	128.357.292.532	-
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	16.321.991.226	10.860.509.444	16.321.991.226	10.860.509.444
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	10.997.669.735	-	10.997.669.735	-
<b>d) Phải thu khác ngắn hạn</b>	<b>231.006.392.710</b>	<b>33.788.166.088</b>	<b>221.087.755.915</b>	<b>24.961.773.241</b>
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	6.138.310.290	-	6.138.310.290	-
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	28.795.218.993	-	28.795.218.993	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	163.889.314	-	163.889.314	-
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	8.125.138.911	-	8.125.138.911	-
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	21.447.520.000	17.731.272.367	21.447.520.000	17.731.272.367
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	4.742.067.735	4.742.067.735	4.742.067.735	4.742.067.735
Công ty CP Vinaconex 39	103.192.384	-	103.192.384	-
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	42.328.848.975	-	42.328.848.975	-
Công ty CP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	5.575.990.000	-	5.575.990.000	-
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	33.584.659.686	-	33.584.659.686	-
Công ty CP Hasky	1.796.348.696	-	2.196.348.696	-
Công ty CP Thiên Phúc Gia	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Các đối tượng khác	73.205.207.726	11.314.825.986	62.886.570.931	2.488.433.139
	<b><u>1.267.985.877.718</u></b>	<b><u>207.740.899.653</u></b>	<b><u>1.259.996.012.111</u></b>	<b><u>198.895.905.911</u></b>

**10 HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.265.952.008	(3.088.469.608)	6.465.655.339	(3.169.300.408)
Công cụ, dụng cụ	4.701.208.153	(641.939.651)	4.920.179.637	(641.939.651)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	1.831.935.691.278	(117.696.318.891)	1.867.032.182.874	(104.607.633.381)
Hàng hoá (ii)	42.087.185.154	-	59.400.887.454	(11.410.834.208)
	<b>1.884.990.036.593</b>	<b>(121.426.728.150)</b>	<b>1.937.818.905.304</b>	<b>(119.829.707.648)</b>

(i) Chi tiết Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, như sau:

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	1.307.360.694.436	1.400.422.457.557
Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (*)	245.057.868.468	245.057.868.468
Chung cư 33A, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu (**)	32.986.594.500	32.986.594.500
Công trình Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1	109.184.185.760	109.132.879.549
Các công trình khác	137.346.348.114	79.432.382.800
	<b>1.831.935.691.278</b>	<b>1.867.032.182.874</b>

(\*) Công trình này Tổng Công ty là nhà thầu phụ của tổng thầu EPC. Như trình bày tại Thuyết minh số 39 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, do có thay đổi về thiết kế và đơn giá, Tổng Công ty đang đề nghị Chủ đầu tư, Tổng thầu và các cơ quan có thẩm quyền xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lương hết của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Báo cáo tài chính hợp nhất chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể liên quan đến vấn đề này.

(\*\*) Đây là phần chi phí dở dang còn lại của hạng mục công trình thuộc dự án Khu phức hợp Thương mại - Dịch vụ - Văn phòng và Căn hộ tại số 33A, Đường 30/4, phường Tam Thắng, thành phố Hồ Chí Minh đã được hoàn thành và đưa vào sử dụng từ năm 2019 tuy nhiên chưa được phê duyệt quyết toán.

(ii) Giá trị hàng hóa tồn kho tại 01/01/2025 và 30/06/2025 bao gồm các căn hộ thuộc dự án chung cư khách sạn Dầu khí Thái Bình có giá trị 36.302.881.834 VND do Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình là chủ đầu tư. Tổng Công ty chưa đánh giá được sự suy giảm giá trị cũng như chưa ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của các bất động sản này và quyết định không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tương ứng.

**11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	981.251.571	2.739.278.366
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.299.886.003	703.886.756
	<b>2.281.137.574</b>	<b>3.443.165.122</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí hạ tầng cho thuê tại cảng Sao Mai Bến Đình	75.995.871.462	77.108.006.166
Chi phí thuê văn phòng	4.819.870.285	5.472.381.608
Công cụ dụng cụ xuất dùng	5.767.848.106	11.290.062.911
Chi phí sửa chữa tài sản	3.609.067.577	5.680.032.353
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.849.379.961	734.225.129
	<b>92.042.037.391</b>	<b>100.284.708.167</b>



12 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	1.195.965.028.491	292.882.481.565	110.421.257.838	27.704.982.081	1.626.973.749.975
Mua trong kỳ	-	241.640.000	1.340.911.515	-	1.582.551.515
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.661.699.665	-	-	-	1.661.699.665
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.378.903.545)	(804.001.007)	(2.790.791.302)	(9.973.695.854)
Chuyển sang BĐS đầu tư	(4.376.911.344)	-	-	-	(4.376.911.344)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.193.249.816.812</b>	<b>286.745.218.020</b>	<b>110.958.168.346</b>	<b>24.914.190.779</b>	<b>1.615.867.393.957</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	446.854.077.643	276.299.653.562	109.026.573.665	27.465.576.033	859.645.880.903
Khấu hao trong kỳ	14.022.488.288	4.540.959.956	81.251.687	72.841.950	18.717.541.881
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.378.903.545)	(804.001.007)	(2.790.791.302)	(9.973.695.854)
Chuyển sang BĐS đầu tư	(1.726.723.800)	-	-	-	(1.726.723.800)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>459.149.842.131</b>	<b>274.461.709.973</b>	<b>108.303.824.345</b>	<b>24.747.626.681</b>	<b>866.663.003.130</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	749.110.950.848	16.582.828.003	1.394.684.173	239.406.048	767.327.869.072
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>734.099.974.681</b>	<b>12.283.508.047</b>	<b>2.654.344.001</b>	<b>166.564.098</b>	<b>749.204.390.827</b>

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 330.708.199.548 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 374.037.139.512 VND).

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 391.569.505.388 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 401.187.220.987 VND).

**13 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm (đã điều chỉnh)	253.189.029.962	21.461.212.382	274.650.242.344
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>253.189.029.962</b>	<b>21.461.212.382</b>	<b>274.650.242.344</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm (đã điều chỉnh)	2.411.211.376	20.230.168.919	22.641.380.295
Khấu hao trong kỳ	73.961.364	281.653.332	355.614.696
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>2.485.172.740</b>	<b>20.511.822.251</b>	<b>22.996.994.991</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	250.777.818.586	1.231.043.463	252.008.862.049
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>250.703.857.222</b>	<b>949.390.131</b>	<b>251.653.247.353</b>

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2025 là 19.571.292.382 VND (tại ngày 01/01/2025 là 19.571.292.382 VND).

**14 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

**Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Nhà	Cộng
	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	111.067.844.188	111.067.844.188
Tăng do phân loại từ tài sản cố định hữu hình	4.376.911.344	4.376.911.344
Giảm do phân loại sang hàng tồn kho	(2.220.000.000)	(2.220.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>113.224.755.532</b>	<b>113.224.755.532</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	25.559.856.003	25.559.856.003
Khấu hao trong kỳ	1.025.835.288	1.025.835.288
Tăng do phân loại từ tài sản cố định hữu hình	1.726.723.800	1.726.723.800
Giảm do phân loại sang hàng tồn kho	(111.000.000)	(111.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>28.201.415.091</b>	<b>28.201.415.091</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm	85.507.988.185	85.507.988.185
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>85.023.340.441</b>	<b>85.023.340.441</b>

Giá trị còn lại của BĐS đầu tư đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: tại ngày 30/06/2025 là 56.305.500.356 VND (tại ngày 01/01/2025 là 54.565.800.473 VND).

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30/06/2025. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.



**15 TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn</b>				
- Dự án nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch 1 (i)	25.781.820.546	12.890.910.273	25.781.820.546	12.890.910.273
- Dự án nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ	25.759.325.212	9.162.306.880	25.759.325.212	9.162.306.880
- Nhà điều hành trung tâm nhiệt điện Long Phú	12.180.083.636	800.000.000	12.180.083.636	800.000.000
- Các công trình khác	7.522.744.186	1.811.134.827	7.922.605.745	2.210.996.386
	<b>71.243.973.580</b>	<b>24.664.351.980</b>	<b>71.643.835.139</b>	<b>25.064.213.539</b>

(i) Theo Công văn số 1828/TTg - KTN ngày 15/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh một số dự án nhà máy nhiệt điện trong các Trung tâm Điện lực Quảng Trạch và Quỳnh Lập, Tập đoàn Điện lực Việt Nam sẽ thay thế Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam) làm chủ đầu tư Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. Đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với các bên liên quan để nghiệm thu, quyết toán các chi phí của Tổng Công ty đã thi công tại công trình này.

**b) Xây dựng cơ bản dở dang**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Mua sắm</b>	<b>147.550.832</b>	<b>147.550.832</b>
- Mua sắm tài sản	147.550.832	147.550.832
<b>Xây dựng cơ bản</b>	<b>111.925.723.131</b>	<b>113.303.806.575</b>
- Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp (ii)	103.182.526.261	103.182.526.261
- Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí (iii)	3.883.984.985	3.883.984.985
- Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang (iii)	1.835.100.923	1.835.100.923
- Khu đất Tam Đảo - Vĩnh Phúc	289.000.000	
- Các công trình, dự án khác (iii)	2.735.110.962	4.402.194.406
	<b>112.073.273.963</b>	<b>113.451.357.407</b>

(ii) Đây là chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang (viết tắt là "dự án") do Tổng Công ty tiếp nhận và làm chủ đầu tư từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) (nay là Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam) theo Quyết định số 7089/QĐ-DKVN ngày 12/08/2010 của Hội đồng Thành viên PVN.

Ngày 22/08/2016, Bộ Tài chính đã có văn bản số 11704/BTC-TCĐN gửi UBND tỉnh Tiền Giang và PVN để hướng dẫn cụ thể về việc chuyển giao dự án trên từ PVN về UBND tỉnh Tiền Giang.

Theo biên bản số 1421/BB-SKH&ĐT ngày 31/07/2017 của Tổ tiếp nhận Dự án giữa UBND tỉnh Tiền Giang, các bên thống nhất ghi nhận giá trị của dự án trong giai đoạn Tổng Công ty thực hiện là 143 tỷ VND.

Ngày 01/10/2018, Tổng Công ty đã ký biên bản thanh lý hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang, bán giao lại khu đất và các tài sản gắn liền trên khu đất cho cơ quan này.



Ngày 28/02/2019, Văn phòng Chính phủ đã có văn bản số 1630/VPCP-CN chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công thương, Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp hướng dẫn UBND tỉnh Tiền Giang và chủ đầu tư dự án, thanh toán chi phí đã đầu tư cho chủ đầu tư do việc thu hồi đất dự án, đảm bảo đúng quy định của pháp luật, không để thất thoát tài sản nhà nước và đảm bảo quyền lợi của chủ đầu tư.

Qua nhiều lần chỉ đạo của Chính phủ, các Bộ vẫn chưa có phương án chính thức giải quyết và hướng dẫn hoàn trả kinh phí Tổng Công ty đã đầu tư vào dự án Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tiền Giang.

Ngày 29/03/2021, Tổng công ty đã có văn bản số 426/XLDK-KHĐT&TCC về việc xin tiếp tục giao làm Chủ đầu tư Dự án KCN Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 06/08/2021, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục gửi Văn bản số 5183/BKHĐT-QLKKT kiến nghị Thủ tướng Chính phủ giao UBND tỉnh Tiền Giang xử lý dứt điểm các vấn đề liên quan đến Dự án trong năm 2021 theo thẩm quyền và quy định của Pháp luật.

Ngày 15/02/2022, Văn phòng Chính phủ đã có Văn bản số 964/VPCP-CN thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành giao Bộ tài nguyên và Môi trường có ý kiến cụ thể về việc tuân thủ trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật trong việc thu hồi đất dự án của UBND tỉnh Tiền Giang, làm cơ sở xem xét việc Tổng công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Việt Nam có được bồi thường tài sản trên đất dự án hay không.

Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, quá trình chuyển giao dự án vẫn chưa hoàn thành. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng công ty sẽ thu hồi được đầy đủ các khoản chi phí Tổng công ty đã bỏ ra để thực hiện dự án hoặc sẽ được giao lại dự án để triển khai.

(iii) Các dự án đã tạm dừng thi công nhiều năm trước, Ban Tổng Giám đốc chưa đánh giá được khả năng mang lại lợi ích kinh tế tương lai của các dự án này.

#### 16 TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Góp vốn hợp tác đầu tư Dự án Dolphin Plaza	-	26.233.304.440
Góp vốn hợp tác Dự án Long Sơn Riverside (i)	12.897.200.000	12.897.200.000
	<b>12.897.200.000</b>	<b>39.130.504.440</b>

(i) Khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 20/2010/BCC/KT-PIVLS-PETROLAND-PVFC LAND ngày 08/06/2010:

- Các bên tham gia, tỷ lệ, hình thức, tiến độ góp vốn: Công ty CP Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn (IDICO Long Sơn); Công ty CP Xây dựng Thương mại dịch vụ Khang Thông (Khang Thông); Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC - Công ty con của Tổng Công ty) tỷ lệ góp vốn lần lượt là 85%, 5% và 10%;
- Mục đích hợp tác kinh doanh: Hợp tác kinh doanh tài sản đồng kiểm soát là dự án "Chung cư Long Sơn Riverside" tại số 1351 đường Huỳnh Tấn Phát, phường Phú Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Nội dung hợp tác: kinh doanh phần diện tích căn hộ chung cư, trung tâm thương mại cùng các giá trị tài sản khác hình thành trong quá trình đầu tư, khai thác, kinh doanh dự án;
- Phương án phân chia kết quả kinh doanh: Các bên tham gia được hưởng lợi nhuận, gánh chịu rủi ro lỗ hoặc các khoản rủi ro kinh doanh trên cơ sở kết quả kinh doanh của Nhà điều hành (IDICO Long Sơn) và theo tỷ lệ góp vốn.

Tại ngày 30/06/2025: dự án đã hoàn thành thi công, mở bán và kinh doanh với phần căn hộ, diện tích sân trung tâm thương mại. Đến thời điểm hiện tại, Do dự án đang vướng thủ tục pháp lý về chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang đất ở lâu dài nên PVC-IC chưa nhận kết quả phân chia kinh doanh từ Hợp đồng này.



17 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025 (đã điều chỉnh)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>409.424.320.380</b>	<b>409.424.320.380</b>	<b>410.901.334.379</b>	<b>410.901.334.379</b>
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	2.191.483.485	2.191.483.485	7.976.738.009	7.976.738.009
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	3.947.951.289	3.947.951.289	4.042.951.289	4.042.951.289
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	32.838.792.751	32.838.792.751	27.903.667.974	27.903.667.974
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN)	177.259.565.265	177.259.565.265	177.207.065.265	177.207.065.265
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) (i)	115.973.338.811	115.973.338.811	115.973.338.811	115.973.338.811
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	60.120.064.452	60.120.064.452	60.399.700.035	60.399.700.035
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	14.987.074.805	14.987.074.805	15.291.823.474	15.291.823.474
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	2.106.049.522	2.106.049.522	2.106.049.522	2.106.049.522
<b>Bên khác</b>	<b>2.800.722.774.426</b>	<b>2.800.722.774.426</b>	<b>2.856.132.575.553</b>	<b>2.844.037.304.732</b>
Công ty DL E&C Co., Ltd (ii)	1.044.419.642.304	1.044.419.642.304	1.044.419.642.304	1.044.419.642.304
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	207.108.219.700	207.108.219.700	206.781.647.084	206.781.647.084
Tập đoàn Sojitz	111.744.046.642	111.744.046.642	111.744.046.642	111.744.046.642
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	165.972.251.767	165.972.251.767	166.965.691.507	166.965.691.507
Công ty TNHH Boilermaster Việt Nam	98.260.299.744	98.260.299.744	95.708.461.469	95.708.461.469
Tổng Công ty Ba Son - Công ty TNHH MTV	60.978.955.914	60.978.955.914	60.978.955.914	60.978.955.914
S-Tank Engineering Co.,Ltd	69.114.732.182	69.114.732.182	68.276.803.542	68.276.803.542
Các đối tượng khác	1.043.124.626.173	1.043.124.626.173	1.101.257.327.091	1.089.162.056.270
	<b>3.210.147.094.806</b>	<b>3.210.147.094.806</b>	<b>3.267.033.909.932</b>	<b>3.254.938.639.111</b>
<b>b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>				
Phải trả cho các đối tượng khác	438.015.215.900	438.015.215.900	557.350.620.505	557.350.620.505
	<b>438.015.215.900</b>	<b>438.015.215.900</b>	<b>557.350.620.505</b>	<b>557.350.620.505</b>

(i) Số tiền Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC Thái Bình - Công ty con của Tổng Công ty) phải trả PVEP liên quan đến việc PVC Thái Bình nhận chuyển nhượng Dự án đầu tư xây dựng Khách sạn Dầu khí Thái Bình từ PVEP (trình bày tại Thuyết minh số 39).



(ii) Ngày 25/01/2024, Công ty DL E&C Co., Ltd đã gửi Đơn khởi kiện đến Trung tâm Trọng tài Quốc tế tại Việt Nam (VIAC), bắt đầu vụ tranh chấp liên quan đến Hợp đồng EPS số 30/HDKT/2012/PVC-SDC ngày 22/05/2012 giữa Tổng Công ty (nhà thầu chính) và Công ty DL E&C Co., Ltd (nhà thầu phụ).

Các nội dung mà nhà thầu phụ yêu cầu Hội đồng trọng tài xem xét và quyết định như sau: điều kiện cấp Operational Acceptance (chứng chỉ hoàn thành) cho các công việc theo hợp đồng được nhà thầu phụ thực hiện đã thỏa mãn; thời hạn bảo hành đối với các thiết bị và dịch vụ do nhà thầu phụ cung cấp đã kết thúc; Tổng Công ty thanh toán giá trị khoản công nợ quá hạn với tổng số tiền là 7,67 triệu USD và 287,3 triệu VND; thanh toán giá trị tiền đặt cọc để bảo đảm thực hiện Hợp đồng EPS là 13,4 triệu USD và 532,9 triệu VND; hoàn trả chi phí giữ lại cho nghĩa vụ bảo hành là 20,05 triệu USD và 799,3 triệu VND; chi phí do kéo dài thời gian thực hiện dự án là 11,85 triệu USD; khiếu nại liên quan khác là 6,23 triệu USD; ước tính khoản phạt chậm thanh toán là 17,81 triệu USD.

Ngày 31/05/2024, Tổng Công ty đã nộp Bản tự bảo vệ đối với Đơn khởi kiện của Công ty DL E&C Co., Ltd cho VIAC với các nội dung chính như sau: Tổng Công ty không thừa nhận tư cách khởi kiện của Công ty DL E&C Co., Ltd, phản đối thẩm quyền giải quyết vụ tranh chấp của Hội đồng trọng tài và bác bỏ toàn bộ các khiếu nại nêu trên của Công ty DL E&C Co., Ltd.

Cùng ngày, Tổng Công ty cũng nộp Đơn kiện lại tới VIAC để yêu cầu Công ty DL E&C Co., Ltd bồi thường thiệt hại đối với các vi phạm trong quá trình thực hiện Hợp đồng EPS với tổng giá trị phân tố là 17.955,47 triệu VND và 36,64 triệu USD.

Ngày 13/06/2024, VIAC có văn bản số 1722/VIAC thông báo về việc Hội đồng trọng tài đã quyết định tổ chức phiên họp trao đổi về quản lý vụ kiện dự kiến vào đầu tháng 08/2024.

Ngày 14/09/2024, VIAC ký văn bản số 2747/VIAC ban hành Chỉ thị tố tụng ("PO số 1") thay mặt cho Tòa án.

Ngày 12/12/2024, VIAC tổ chức phiên điều trần trực tuyến có sự tham gia của những người đại diện của 2 bên nguyên đơn và bị đơn.

Trong kỳ, VIAC đang làm việc để thu thập lời khai của các nhân chứng. Ngày 25/7/2025, DL E&C đã gửi thư đề xuất đến Hội đồng Trọng tài về việc bổ sung thêm người làm chứng (factual witness) là ông Choi Ok Jin - người đại diện theo pháp luật của Công ty DL E&C Co., Ltd.

Song song với công tác tham gia tố tụng trọng tài tại VIAC, Tổng Công ty vẫn tiếp tục tiến hành đàm phán để giải quyết các tranh chấp thông qua thương lượng, hòa giải với Nhà thầu Daelim E&C và đề nghị Nhà thầu từ bỏ khiếu kiện nêu trên.

#### 18 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÁN HẠN

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>82.778.475.899</b>	<b>82.778.475.899</b>
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	82.778.475.899	82.778.475.899
<b>Bên khác</b>	<b>141.323.781.793</b>	<b>149.463.983.138</b>
Ban Quản lý Dự án Trường Đại học Dầu khí	17.612.939.300	17.612.939.300
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	63.770.025.034	63.770.025.034
Các đối tượng khác	59.940.817.459	68.081.018.804
	<b>224.102.257.692</b>	<b>232.242.459.037</b>



**19 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	30.465.765	54.182.602.026	11.342.064.910	18.307.918.988	207.115.853	47.393.398.036
Thuế xuất, nhập khẩu	19.254.703	-	-	-	19.254.703	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.516.789.923	2.596.625.299	135.967.835	-	34.380.822.088	2.596.625.299
Thuế thu nhập cá nhân	66.785.689	6.354.605.687	3.330.234.464	3.512.485.587	89.831.202	6.195.400.077
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	16.796.024.496	5.752.333.972	12.748.365.324	34.671.345	9.834.664.489
Các loại thuế khác	-	767.032.930	6.221.167.379	3.951.547.548	-	3.036.652.761
Các khoản phí, lệ phí và phải nộp khác	3.783.720	44.538.586.179	878.885.565	2.588.204.183	783.720	42.826.267.561
	<b>34.637.079.800</b>	<b>125.235.476.617</b>	<b>27.660.654.125</b>	<b>41.108.521.630</b>	<b>34.732.478.911</b>	<b>111.883.008.223</b>

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**20 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí lãi vay	213.592.502.025	200.381.246.911
Trích trước chi phí công trình xây lắp	198.859.762.151	246.186.568.775
Chi phí phải trả khác	8.616.159.817	6.587.059.906
	<b>421.068.423.993</b>	<b>453.154.875.592</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Trích trước chi phí công trình xây lắp	115.497.608.588	115.497.608.588
	<b>115.497.608.588</b>	<b>115.497.608.588</b>
<b>c) Trong đó: Bên liên quan</b>		
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	136.004.478.199	121.694.660.523

**21 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) <b>Ngắn hạn</b>		
Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản	4.757.449.020	6.249.109.721
	<b>4.757.449.020</b>	<b>6.249.109.721</b>
b) <b>Dài hạn</b>		
Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản (i)	49.908.331.269	50.632.252.045
Lãi bán tài sản và thuê lại thuê tài chính	-	199.251.272
	<b>49.908.331.269</b>	<b>50.831.503.317</b>

(i) Trong đó bao gồm: 42.996.289.426 VND là số dư tiền thuê đất nhận trước của Công ty cổ phần Sản xuất ống thép Dầu khí Việt Nam theo Hợp đồng 01/HĐTĐ/PVPIPE-PVC ngày 01/11/2012 với thời gian thuê 588 tháng với giá trị hợp đồng là 46.818.181.818 VND tại Khu Công nghiệp Soài Ráp - Tiền Giang. Tổng Công ty đã phân bổ tiền thuê đến tháng 12 năm 2014 vào doanh thu với số tiền là 3.821.892.393 VND. Sau tháng 12 năm 2014 dự án có chủ trương bàn giao về cho UBND tỉnh Tiền Giang đến nay vẫn chưa hoàn thành (xem thuyết minh số 15) do đó Tổng Công ty vẫn chưa làm việc lại với khách hàng về số dư tiền thuê đất còn lại nêu trên.

**22 PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) <b>Ngắn hạn</b>		
Tài sản thừa chờ giải quyết	17.130.137	17.130.137
Kinh phí công đoàn	7.917.901.449	8.590.345.771
Bảo hiểm xã hội	5.350.533.963	7.137.502.411
Bảo hiểm y tế	920.239.060	732.541.283
Bảo hiểm thất nghiệp	516.232.833	485.828.275
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.135.556.188	4.128.850.588
Cổ tức lợi nhuận phải trả	40.394.150.917	40.394.150.917
Chi phí lãi vay	1.670.835.176	1.246.252.165
Dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (i)	137.942.779.492	137.942.779.492
Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại (ii)	177.674.072.491	172.784.334.551
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (iii)	54.098.464.510	54.098.464.510
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (iv)	56.212.500.000	56.212.500.000
Phí bảo trì chung cư phải trả	10.783.753.530	10.249.210.378
Các quỹ ủng hộ	4.128.361.961	3.876.584.784
Phải trả khác	74.452.352.378	84.559.547.037
	<b>576.214.864.085</b>	<b>582.456.022.299</b>
b) <b>Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.897.706.650	2.873.199.868
Phải trả khác	50.000.000	50.000.000
	<b>2.947.706.650</b>	<b>2.923.199.868</b>



	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>		
Phải trả cơ quan bảo hiểm	2.438.782.637	12.378.319.651
Cổ tức phải trả	40.357.947.640	42.451.440.707
Phải trả các Quỹ ủng hộ, Quỹ tương trợ dầu khí	1.607.595.962	1.334.818.785
	<b>44.404.326.239</b>	<b>56.164.579.143</b>
<b>d) Trong đó: Bên liên quan</b>		
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	54.098.464.510	54.098.464.510
- Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	56.212.500.000	56.212.500.000
- Viện Dầu khí Việt Nam	2.698.186.687	2.698.186.687
- Ban Quản lý dự án Cụm khí - điện - đạm Cà Mau	8.697.686.626	8.697.686.626
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	667.975.776	667.975.776
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	14.715.555	14.715.555
	<b>122.389.529.154</b>	<b>122.389.529.154</b>

(i) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, số dư dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh như trình bày tại Thuyết minh số 39.

(ii) Lãi vay phải trả Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (Oceanbank – nay là Ngân hàng thương mại TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại) bao gồm chi phí lãi vay của Tổng công ty và chi phí lãi vay mà Tổng công ty sẽ thu lại từ các công ty mà Tổng công ty đã thanh toán hộ hoặc cho vay theo các hợp đồng hỗ trợ vốn (trình bày tại Thuyết minh số 7) để thanh toán cho OceanBank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-ĐKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam) và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán của các khoản này đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất khoản vay giảm xuống còn 1%/ năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 như trình bày tại Thuyết minh số 24. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, khoản vay chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang tìm kiếm các giải pháp để thanh toán cho khoản phải trả lãi vay đã vay đã quá hạn.

(iii) Khoản phải trả Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam là số tiền đã hỗ trợ Tổng Công ty để thanh toán cho các nhà thầu của Dự án Khu Công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soái Ráp - Tiền Giang.

(iv) Khoản phải trả Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP liên quan đến việc chuyển đổi chủ đầu tư cho Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí (công ty con của Tổng Công ty) tại dự án Bạc Liêu Tower. Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí có nghĩa vụ phải thanh toán cho Tổng Công ty Khí Việt Nam số tiền này theo hợp đồng ký ngày 12 tháng 8 năm 2010.

## 23 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	5.911.574.700	-
	<b>5.911.574.700</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	4.866.914.044	10.778.488.744
	<b>4.866.914.044</b>	<b>10.778.488.744</b>





(i) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn và nợ dài hạn đến hạn trả như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Vay ngắn hạn</b>							
<b>Bên liên quan</b>						<b>37.581.830.130</b>	<b>53.826.410.130</b>
<b>Bên liên quan</b>						<b>19.860.830.130</b>	<b>20.767.010.130</b>
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	VND	Thả nổi	8 tháng	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh	Tín chấp	19.860.830.130	20.767.010.130
<b>Bên khác</b>						<b>17.721.000.000</b>	<b>33.059.400.000</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	Thả nổi	11 tháng	Bổ sung Vốn lưu động, bảo lãnh mở LC	Thẻ chấp	-	9.336.400.000
Đối tượng khác	VND	(*)	1 năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh	Tín chấp	17.721.000.000	23.723.000.000
<b>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</b>						<b>653.565.237.122</b>	<b>640.965.237.122</b>
						<b>691.147.067.252</b>	<b>694.791.647.252</b>

Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

(\*) Các khoản vay đối tượng khác là vay cá nhân có lãi suất từ 0% đến 12%.

(ii) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Ngày đáo hạn	Mục đích vay	Hình thức đảm	30/06/2025	01/01/2025
						VND	VND
<b>Bên liên quan</b>							
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam							
- Hợp đồng số 02/2015/HDDHM/PVB-CNTB ngày	VND	Thả nổi	Năm 2027	Bù đắp vốn đầu tư công trình Khách sạn Dầu khí Thái Bình	Tín chấp	89.295.080.000	89.295.080.000
						89.295.080.000	89.295.080.000
<b>Bên khác</b>							
Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại (tên cũ là Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương) (*)							
- Hợp đồng số 603/2011/HDTD-Oceanbank-PVC ngày 20/10/2010	VND	4,90%	Năm 2017	Đầu tư vốn vào Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	Tín chấp	575.670.157.122	575.670.157.122
						200.000.000.000	200.000.000.000
- Hợp đồng số 602/2011/HDTD-Oceanbank-PVC ngày 30/06/2011	VND	4,90%	Năm 2017	Vay đầu tư vào Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	Tín chấp	65.000.000.000	65.000.000.000
- Hợp đồng số 10/2010/HDTD-Oceanbank-PVC ngày 30/06/2011	VND	5,50%	Năm 2017	Thực hiện thanh toán và bù đắp thanh toán đầu tư nhận chuyển nhượng từ PVFC theo Hợp đồng mua bán/Hợp đồng chuyển nhượng	Tín chấp	310.670.157.122	310.670.157.122
Vay cá nhân	VND	11%-12%		Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tín chấp	3.200.000.000	-
						<b>668.165.237.122</b>	<b>664.965.237.122</b>
Khoản đến hạn trả trong 12 tháng						(653.565.237.122)	(640.965.237.122)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng						<b>14.600.000.000</b>	<b>24.000.000.000</b>

Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

(\*) Theo Nghị quyết số 7548/ND-DKVN ngày 29/10/2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam) và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09/12/2014 của OceanBank (nay là Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại), thời hạn các khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại được gia hạn đến ngày 31/12/2017, lãi suất áp dụng cho các khoản vay kể từ thời điểm không trả được lãi đến ngày 31/12/2014 là 2,4%/năm và lãi suất 1%/năm từ ngày 01/01/2015; từ ngày 01/01/2018 khoản vay chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, các khoản vay đã quá hạn thanh toán, Tổng Công ty vẫn đang tìm các biện pháp để thanh toán gốc vay nêu trên.



25 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	4.000.000.000.000	6.831.719.482	22.681.220.411	(29.720.195)	150.859.427.814	233.648.426	(4.014.386.374.347)	342.685.466.816	508.875.388.407
Lỗi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	(67.067.121.586)	(4.772.510.664)	(71.839.632.250)
Thay đổi khác	-	-	-	-	-	-	787.151.048	(346.451.048)	440.700.000
Số dư cuối kỳ trước (đã điều chỉnh)	4.000.000.000.000	6.831.719.482	22.681.220.411	(29.720.195)	150.859.427.814	233.648.426	(4.080.666.344.885)	337.566.505.104	437.476.456.157
Số dư đầu năm nay (đã điều chỉnh)	4.000.000.000.000	6.831.719.482	22.681.220.411	(29.720.195)	150.859.427.814	233.648.426	(4.007.465.589.328)	338.138.054.934	511.248.761.544
Lãi / lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	(14.669.644.951)	6.950.943.313	(7.718.701.638)
Số dư cuối kỳ này	4.000.000.000.000	6.831.719.482	22.681.220.411	(29.720.195)	150.859.427.814	233.648.426	(4.022.135.234.279)	345.088.998.247	503.530.059.906

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2025 VND	Tỷ lệ	01/01/2025 VND	Tỷ lệ
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	2.178.733.330.000	54,47%	2.178.733.330.000	54,47%
Các đối tượng khác	1.821.266.670.000	45,53%	1.821.266.670.000	45,53%
<b>Cộng</b>	<b>4.000.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>4.000.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	6 tháng đầu năm 2025 VND	6 tháng đầu năm 2024 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu năm	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	400.000.000	400.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	400.000.000	400.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	400.000.000	400.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	2.971	2.971
- Cổ phiếu phổ thông	2.971	2.971
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	399.997.029	399.997.029
- Cổ phiếu phổ thông	399.997.029	399.997.029
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu		

**e) Các quỹ của Công ty**

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Quỹ đầu tư phát triển	150.859.427.814	150.859.427.814
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	233.648.426	233.648.426
	<b>151.093.076.240</b>	<b>151.093.076.240</b>

**26 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG**

**a) Ngoại tệ các loại**

	30/06/2025	01/01/2025
USD	29.550.746,12	7.365.086,17

**b) Nợ khó đòi đã xử lý**

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Nợ khó đòi đã xử lý	11.112.006.001	11.112.006.001



**27 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	74.306.982.362	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	91.104.235.601	25.438.864.727
Doanh thu hoạt động xây lắp	649.789.835.078	439.490.884.299
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	9.014.619.964	-
Doanh thu khác	8.200.532.957	13.341.317.354
	<b>832.416.205.962</b>	<b>478.271.066.380</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>832.416.205.962</b>	<b>478.271.066.380</b>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 42)	266.315.923.130	362.819.482.096

**28 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	68.790.554.323	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	82.291.905.390	22.253.733.424
Giá vốn hợp đồng xây dựng	604.915.003.157	444.729.035.360
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	7.047.860.604	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.597.020.502	(22.217.874.702)
Giá vốn khác	18.360.536.017	11.785.407.922
	<b>783.002.879.993</b>	<b>456.550.302.004</b>

**29 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.485.776.994	6.689.708.406
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	11.811.809.629	4.527.514.774
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	2.900.452.733	4.898.084.010
Doanh thu hoạt động tài chính khác	7.670.000.233	-
	<b>29.868.039.589</b>	<b>16.115.307.190</b>

**30 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	17.244.263.315	19.425.842.282
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	827.990.526	13.517.677.289
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	1.034.798.350	14.436.314.808
Chi phí tài chính khác	2.892.508.331	2.415.505.339
	<b>21.999.560.522</b>	<b>49.795.339.718</b>
Trong đó: Chi phí tài chính mua từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 42)	14.309.817.676	2.146.395.040

**31 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	383.749.895	358.770.792
Chi phí nhân công	38.427.660.110	39.546.756.742
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	485.409.139	405.902.533
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.737.339.523	1.784.513.229
Thuế, phí và lệ phí	4.303.081.968	2.974.632.112
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng	(855.128.135)	(1.783.248.482)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.700.574.023	7.577.744.520
Chi phí khác bằng tiền	8.376.850.509	10.223.916.790
	<b>61.559.537.032</b>	<b>61.088.988.236</b>
Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 42)	302.166.930	117.600.000

**32 THU NHẬP KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	961.863.636	448.090.909
Thu nhập từ xử lý nợ không phải trả	4.709.306.464	2.056.082.615
Thu tiền bồi thường, tiền phạt được hưởng	183.365.297	444.318.134
Thu nhập khác	1.014.538.997	2.762.136.946
	<b>6.869.074.394</b>	<b>5.710.628.604</b>



**33 CHI PHÍ KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Tiền chậm nộp thuế, bảo hiểm	440.650.157	1.144.418.965
Các khoản bị phạt	1.607.406.503	2.119.595.591
Các khoản khác	345.372.439	442.452.012
	<b>2.393.429.099</b>	<b>3.706.466.568</b>
Trong đó: Chi phí khác mua từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 42)	707.718.727	-

**34 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại công ty mẹ	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại công ty con	135.967.835	-
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	135.967.835	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>135.967.835</b>	<b>-</b>

**35 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI**

**a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản Thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản Thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	17.039.958.961	18.801.350.080
	<b>17.039.958.961</b>	<b>18.801.350.080</b>

**b) Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nộp tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.761.391.119	(226.438.952)
	<b>1.761.391.119</b>	<b>(226.438.952)</b>

**36 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(14.669.644.951)	(67.067.121.586)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(14.669.644.951)	(67.067.121.586)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	399.997.029	399.997.029
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(37)</b>	<b>(168)</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Tổng Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**37 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	76.668.582.201	91.530.240.859
Chi phí nhân công	164.718.646.585	126.249.653.578
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	695.786.700	1.198.208.527
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.688.828.109	21.344.079.540
Thuế, phí và lệ phí	2.772.974.541	2.628.368.793
Chi phí/ hoàn nhập dự phòng	(855.128.135)	(1.783.248.482)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	418.886.917.270	212.809.221.639
Chi phí khác bằng tiền	21.180.204.045	12.852.358.150
	<b>704.756.811.316</b>	<b>466.828.882.604</b>

**38 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

**a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	17.928.000.000	63.238.846.533

**b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	30.972.580.000	48.236.791.110



### 39 CÔNG NỢ VÀ TÀI SẢN TIỀM TÀNG

#### a) Bảo lãnh cho các khoản vay

Tại ngày 30/06/2025, Tổng Công ty có các khoản bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các tổ chức tín dụng đã bị quá hạn, cụ thể như sau:

Đơn vị được bảo lãnh	Tổ chức nhận bảo lãnh	Thời hạn bảo lãnh	Dư nợ bảo lãnh cuối kỳ	Dư nợ vay quá hạn cuối kỳ	Dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả cuối kỳ
			VND	VND	VND
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Hội sở chính	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/04/2012	73.668.464.073	73.668.464.073	73.668.464.073
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đồng Đô	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012	49.961.348.093	49.961.348.093	49.961.348.093
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Trụ sở chính	Từ ngày 26/07/2011 đến ngày 26/07/2012	14.312.967.325	14.312.967.325	14.312.967.325
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (*)	Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại - Chi nhánh Sài Gòn	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/08/2012	17.103.570.845	17.103.570.845	-
			<b>155.046.350.336</b>	<b>155.046.350.336</b>	<b>137.942.779.491</b>

Tổng Công ty, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chịu trách nhiệm thanh toán cho các tổ chức tín dụng một khoản tiền bằng giá trị thư bảo lãnh cộng với toàn bộ các nghĩa vụ trả lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh (nếu có) ngày sau khi nhận được văn bản yêu cầu đầu tiên kèm hồ sơ chứng minh Bên được bảo lãnh đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ (nếu có) cho các tổ chức tín dụng. Lũy kế đến ngày 30 tháng 06 năm 2025:

- Các tổ chức tín dụng đã thực hiện khấu trừ tiền từ tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với giá trị là khoản 91 tỷ VND;
  - Các đơn vị được bảo lãnh đã hoàn trả cho Tổng Công ty khoản 49 tỷ VND trong tổng số tiền bị khấu trừ nêu trên.
- Theo đó, số dư phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là khoảng 42,8 tỷ VND (xem thuyết minh số 08).

Theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước nêu tại Báo cáo kiểm toán năm 2014 ký ngày 10 tháng 03 năm 2016, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến các khoản bảo lãnh trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các công ty được bảo lãnh đang tiếp tục làm việc với các tổ chức tín dụng về việc gia hạn thời gian trả nợ. Tổng Công ty cũng đang làm làm việc với các công ty được bảo lãnh và các tổ chức tín dụng để giải tỏa nghĩa vụ bảo lãnh nhằm tăng khả năng thanh toán của Tổng Công ty.

(\*) Trong năm 2016, Tổng công ty đã rà soát các thư bảo lãnh và đánh giá nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng công ty tại thư bảo lãnh cho công ty CP xây lắp dầu khí Sài Gòn (PVC - SG) vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đại Dương - chi nhánh Sài Gòn (sau đó đổi tên thành Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) - chi nhánh Sài Gòn, đến nay đổi tên là Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại - Chi nhánh Sài Gòn) có sự thay đổi. Hội đồng thẩm định các khoản trích lập dự phòng của Tổng công ty đã đánh giá và thống nhất việc hoàn nhập dự phòng cho nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh khoản vay của PVC - SG tại Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại - chi nhánh Sài Gòn với số tiền khoảng 99,9 tỷ VND và ghi giảm chi phí tài chính năm 2016.



Ngày 18 tháng 08 năm 2016, PVC - SG gửi công văn số 58/XLDKSG gửi Tổng công ty báo cáo một số nội dung liên quan đến tài sản đảm bảo cho các khoản vay ủy thác và tình hình làm việc với OceanBank. Theo đó, ngày 10 tháng 08 năm 2016, OceanBank - chi nhánh Sài Gòn đã gửi cho PVC - SG công văn số 784/2016/CV - CNSG trả lời phương án xử lý nợ của PVC - SG. Tại công văn này, OceanBank - Chi nhánh Sài Gòn đã chấp thuận cho PVC - SG thực hiện phương án đầu tư kinh doanh Dự án Khu dân cư phát triển đô thị khu vực 2,3, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (Dự án Vị Thanh) cũng như giải chấp từng phần tài sản đảm bảo để PVC - SG bán hàng/ bán tài sản, tạo nguồn trả nợ cho OceanBank và PVC - SG trả toàn bộ dư nợ gốc (khoảng 148 tỷ VND).

Đến ngày 30 tháng 06 năm 2025, PVC - SG đã trả được 131 tỷ VND/148 tỷ VND nợ gốc, đồng thời PVC - SG thực hiện khá tốt phương án trả nợ mà OceanBank - chi nhánh Sài Gòn đưa ra. Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đánh giá rằng nghĩa vụ phải trả công ty mẹ - Tổng công ty đối với khoản bảo lãnh sẽ không phát sinh do PVC - SG có đủ khả năng thanh toán cho OceanBank (nay là Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại).

**b) Bảo lãnh thanh toán**

Ngày 29 tháng 12 năm 2010, Tổng công ty đã ký hợp đồng bảo lãnh số 0112/2010/HĐBL TT - PVCTB với công ty TNHH Du lịch dầu khí Thái Bình (nay là Công ty CP đầu tư và Thương Mại Dầu khí Thái Bình (PVC - Thái Bình) - Công ty con của Tổng Công ty) và phát hành thư bảo lãnh thanh toán cho PVC - Thái Bình với giá trị bảo lãnh khoảng 111,8 tỷ VND. Theo đó, Tổng công ty cam kết và bảo đảm với Tổng công ty thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) về việc PVC - Thái Bình sẽ thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thanh toán với PVEP theo quy định của hợp đồng chuyển nhượng Dự án Đầu tư Xây dựng khách sạn Dầu khí Thái Bình ngày 28 tháng 12 năm 2010 giữa PVEP với PVC - Thái Bình. Thư bảo lãnh có hiệu lực kể từ ngày ký tới ngày PVC - Thái Bình hoàn thành nghĩa vụ đối với PVEP theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng nêu trên.

Trong năm 2016, Tổng công ty đã nhận được văn bản từ PVEP yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đánh giá rằng nghĩa vụ phải trả của công ty mẹ - Tổng Công ty đối với khoản bảo lãnh sẽ không phát sinh do PVC - Thái Bình có đủ khả năng thanh toán cho PVEP.

**c) Kết luận của Thanh tra Chính phủ**

Tổng công ty là Nhà thầu thi công dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol Nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc và dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra chính phủ ban hành Thông báo số 3129/TB-TTTP về kết luận thanh tra việc đầu tư các dự án Nhiên liệu sinh học có vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam) và các đơn vị. Theo đó Thanh tra chính phủ kiến nghị Tổng công ty phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại kinh tế gây ra đối với Chủ đầu tư do vi phạm hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính Phủ cũng ban hành thông báo số 3130/TB-TTTP về kết luận thanh tra việc đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ. Theo đó Thanh tra Chính phủ kiến nghị:

- Giảm giá trị nghiệm thu, thanh toán khoảng 46,8 tỷ VND đối với phần công việc do Tổng công ty thực hiện do việc ký kết hợp đồng đã vi phạm quy định Pháp lệnh ngoại hối;
- Giảm giá trị nghiệm thu thanh toán khoảng 8,1 tỷ VND và 23 nghìn USD của hợp đồng EPC đối với phần công việc Tổng công ty thực hiện do nghiệm thu trùng lắp và nghiệm thu khối lượng phát sinh không đúng quy định.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đánh giá rằng các Thông báo của Thanh tra Chính Phủ nêu trên dành cho các chủ đầu tư của các dự án mà Tổng công ty là bên có liên quan theo quan hệ hợp đồng kinh tế. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng công ty đang trong quá trình làm việc với chủ đầu tư và kiến nghị với Thanh tra chính phủ về các nội dung có liên quan đến Tổng công ty trong các Thông báo nêu trên.

Trong năm 2022, Tổng công ty đã nhận được kết luận Thanh tra Chính phủ số 2090/KL-TTTP ngày 23/11/2022 về việc chấp hành chính sách, pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh



của Tổng Công ty trong giai đoạn 2008-2013. Tổng công ty đã và đang phối hợp với các bên có liên quan để thực hiện các kiến nghị của Thanh tra Chính phủ theo văn bản nêu trên.

**d) Công nợ tiềm tàng**

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng công ty và các công ty con đang có một số vụ kiện có liên quan đến các khoản phải thu, phải trả và công nợ tiềm tàng về thuế giá trị gia tăng, lãi phạt chậm nộp tương ứng với doanh thu đã ghi nhận nhưng chưa xuất hóa đơn. Kết quả của các vụ kiện và các công nợ tiềm tàng khác này là chưa xác định được.

**e) Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (Công ty con) thuê mặt bằng, cơ sở hạ tầng trong Khu căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình**

Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (Công ty con) ("PVC-MS") ký Hợp đồng kinh tế số 15/PVSB-PVC.MS/08-10/B ngày 09/08/2010 với Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình ("Công ty Sao Mai - Bến Đình") để thuê mặt bằng, cơ sở hạ tầng trong Khu căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình với tổng diện tích thuê là 229.330 m<sup>2</sup>, thời hạn thuê 49 năm. Theo điều khoản hợp đồng, giá thuê bao gồm chi phí đầu tư và các nghĩa vụ với Nhà nước liên quan đến diện tích thuê.

Theo Thông báo số 757/SMBĐ-KTKT ngày 29/07/2025 của Công ty Sao Mai - Bến Đình, PVC-MS phải chịu tiền thuê đất với tổng số tiền là 219.800.682.802 VND, trong đó:

- Giai đoạn từ ngày 16/09/2010 đến ngày 12/02/2015: 45.954.446.137 VND;
- Giai đoạn từ ngày 12/02/2015 đến ngày 11/02/2018: được miễn tiền thuê đất;
- Giai đoạn từ ngày 12/02/2018 đến ngày 30/06/2025: 173.846.236.665 VND.

Trong kỳ, PVC-MS đã tạm thanh toán cho Công ty Sao Mai - Bến Đình và điều chỉnh hồi tố ghi nhận giảm khoản mục Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và tăng khoản mục Phải trả người bán tại thời điểm 31/12/2024 với số tiền 12.095.270.821 VND.

Số tiền còn lại PVC-MS chưa thanh toán do các bên đang làm việc với cơ quan chức năng có thẩm quyền đề xin miễn giảm tiền thuê đất nêu trên theo chính sách ưu đãi đầu tư đặc biệt "Cảng biển". Đến thời điểm hiện tại, các cơ quan có thẩm quyền vẫn đang xem xét, chưa đưa ra quyết định chính thức.

**40 THÔNG TIN KHÁC**

**a) Giá trị phát sinh chưa lường hết tại các công trình do Tổng Công ty thi công**

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Tổng công ty chứa đựng những rủi ro về sự biến động giá trị thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Tổng công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty không thể lượng hóa được ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Tổng công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

**Công trình nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2**

Tổng công ty đã ký hợp đồng EPC xây dựng nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với Ban quản lý dự án điện lực dầu khí Thái Bình 2 (Trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam) với giá trị khoảng 918 triệu USD và 5.874 tỷ VND. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, tổng giá trị hợp đồng tạm tính Tổng công ty đã ký với các nhà thầu phụ cho công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đã vượt quá giá trị hợp đồng EPC ký với Ban quản lý dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình. Theo công văn số 737/TTg-KTN ngày 23 tháng 05 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ, công trình nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 được bổ sung vào danh mục các dự án điện cấp bách giai đoạn 2013-2020.



Dự án được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù ban hành tại Quyết định số 2414/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng chính phủ.

Theo quyết định của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam về việc tạm chấp thuận phương án thực hiện Hợp đồng EPC Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, doanh thu dự kiến để thực hiện dự án là 926,6 triệu USD và 11.076,2 tỷ VND; giá vốn dự kiến để thực hiện dự án của là 921,2 triệu USD và 11.402,1 tỷ VND; tỷ lệ lỗ gộp dự kiến của toàn dự án là 0,67%. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng công ty và Ban quản lý dự án điện lực Dầu khí Thái Bình 2 đang đàm phán, thống nhất và ký các phụ lục điều chỉnh giá trị hợp đồng EPC. Đồng thời, Tổng Công ty đã và đang trong quá trình làm việc với các nhà thầu phụ để ký lại phụ lục điều chỉnh giá trị hợp đồng với các nhà thầu phụ. Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đánh giá đây là ước tính tốt nhất tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này và số liệu dự toán này luôn được soát xét và cập nhật để phản ánh đúng diễn biến lãi/lỗ thực hiện của dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Theo đó, Tổng công ty đã ghi nhận doanh thu và giá vốn của công trình này theo tỷ lệ lỗ gộp như dự kiến trên.

#### **Công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1**

Ngày 28 tháng 09 năm 2009, Tổng công ty đã ký hợp đồng xây dựng công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với Tổng công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA) theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-PVC với tổng giá trị trọn gói là khoảng 1.322 tỷ VND. Theo Nghị quyết số 686/NQ-ĐKVN ngày 27 tháng 01 năm 2014, Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN) đã chấp thuận chi phí phát sinh chưa lường hết của toàn bộ công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (bao gồm hạng mục đường nội bộ và phần xây dựng) là khoảng 1.090 tỷ VND. Giá trị dự toán sau thẩm tra/thẩm định đối với các hạng mục xây dựng do Tổng công ty thực hiện tăng khoảng 290 tỷ VND (chưa bao gồm giá trị thuế giá trị gia tăng được khấu trừ) so với giá trị hợp đồng xây lắp trọn gói Tổng công ty đã ký. Tổng công ty đã đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, PVN và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vẫn chưa có quyết định đối với quyết định của Tổng công ty, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty tin tưởng rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ sung.

#### **b) Thông tin tài cơ cấu Tổng Công ty**

Theo Nghị quyết số 332/NQ-XLDK-ĐHĐCĐ ngày 11/10/2022 của Đại Hội đồng Cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt nam về việc phê duyệt tài cơ cấu Tổng Công ty giai đoạn 2021-2025:

- Tổng công ty tiếp tục nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2021-2025 gồm: Công ty Cổ phần xây lắp Đường ống bể chứa dầu khí (PVC-PT) và Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy dầu khí (PVC-MS).
- Tổng công ty sẽ thoái toàn bộ vốn đầu tư vào các công ty con còn lại trong giai đoạn 2021-2025.
- Các công ty: Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Hà Nội (PVC-HN), Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy dầu khí (PVC-ME), Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT) và Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu Khí (PVC-Mekong) sẽ xử lý giải thể và phá sản trong trường hợp Tổng công ty không thể thoái vốn.
- Tổng công ty sẽ thoái vốn toàn bộ các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác và chứng khoán kinh doanh trong giai đoạn 2021-2025

#### **41 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.



## 42 NGHIỆP VỤ VÀ SỞ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN)	Công ty mẹ
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá dầu Nghi Sơn	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Viện Dầu khí Việt Nam	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Cùng chủ sở hữu
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Dầu khí	Cùng chủ sở hữu
Công ty CP Sản xuất Ống thép Dầu khí	Cùng chủ sở hữu
Công ty CP Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu
Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển công nghiệp tàu thủy phía Nam	Cùng chủ sở hữu
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	Cùng chủ sở hữu
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Cùng chủ sở hữu
Công ty TNHH MTV Tổng công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí	Cùng chủ sở hữu
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Công ty liên kết
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	Công ty liên kết
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	Công ty liên kết
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	Công ty liên kết
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	Công ty liên kết
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	Công ty liên kết
Công ty CP Trang trí Nội thất Dầu khí	Công ty liên kết
Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Công ty liên kết
Công ty CP Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí	Công ty liên kết
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, những người quản lý khác của Tổng Công ty	Thành viên quản lý chủ chốt của Tổng Công ty

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>266.315.923.130</b>	<b>362.819.482.096</b>
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	205.894.763.619	164.789.137.873
Chi nhánh phát điện Dầu khí - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	51.544.468.976	524.583.273
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	8.876.690.535	197.505.760.950
<b>Chi phí tài chính</b>	<b>14.309.817.676</b>	<b>2.146.395.040</b>
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	14.309.817.676	2.146.395.040
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>302.166.930</b>	<b>117.600.000</b>
Viện Dầu khí Việt Nam	302.166.930	117.600.000
<b>Chi phí khác</b>	<b>707.718.727</b>	<b>-</b>
Viện Dầu khí Việt Nam	707.718.727	-

Thù lao, tiền lương và các khoản thu nhập khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác như sau:

	Chức vụ	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
		VND	VND
<b>Hội đồng quản trị</b>		<b>1.240.291.291</b>	<b>1.220.258.282</b>
Ông Nghiêm Quang Huy	Chủ tịch HĐQT	309.237.143	302.879.303
Ông Phạm Văn Khánh	Thành viên độc lập HĐQT	122.520.000	123.665.000
Ông Trần Hải Bằng	Thành viên HĐQT	280.350.576	275.609.410
Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên HĐQT	261.580.000	257.200.070
Ông Chu Thanh Hải	Thành viên HĐQT	266.603.572	260.904.499
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>		<b>1.162.233.643</b>	<b>1.106.193.741</b>
Ông Trần Quốc Hoàn	Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/01/2024)	319.985.553	207.820.000
Ông Phan Tử Giang	Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/01/2024)	-	109.537.217
Ông Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng giám đốc	286.558.064	281.276.575
Ông Phạm Trung Kiên	Phó Tổng giám đốc	284.893.986	237.585.990
Ông Bùi Sơn Trường	Phó Tổng giám đốc	270.796.040	269.973.959
<b>Ban Kiểm soát</b>		<b>268.443.120</b>	<b>275.910.749</b>
Ông Hứa Xuân Nam	Trưởng Ban Kiểm soát	236.043.120	243.510.749
Bà La Minh Huệ	Thành viên Ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 29/05/2025)	-	-
Ông Phùng Văn Sỹ	Thành viên Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 29/05/2025)	16.200.000	16.200.000
Ông Nguyễn Ngọc Cương	Thành viên Ban Kiểm soát	16.200.000	16.200.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Tổng Công ty.



#### 43 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024. Theo đó số liệu so sánh của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch
		VND	VND	VND
<b>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</b>				
Tài sản cố định vô hình	227	257.674.706.668	252.008.862.049	(5.665.844.619)
- Nguyên giá	228	284.392.878.902	274.650.242.344	(9.742.636.558)
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(26.718.172.234)	(22.641.380.295)	4.076.791.939
Phải trả người bán ngắn hạn	311	3.254.938.639.111	3.267.033.909.932	12.095.270.821
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	(4.005.781.884.168)	(4.014.835.474.523)	(9.053.590.355)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	346.845.580.019	338.138.054.934	(8.707.525.085)



**Nguyễn Thị Thu Anh**  
Người lập biểu



**Vũ Minh Công**  
Kế toán trưởng



**Trần Quốc Hoàn**  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2025

**INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

**PETROVIETNAM CONSTRUCTION JOINT  
STOCK CORPORATION**

For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025

(Reviewed)





## **CONTENTS**

	Page
Report of the Board of Management	02 - 03
Review report on Interim Financial Information	04 - 07
Reviewed Interim Consolidated Financial Statements	08 - 62
Interim Consolidated Statement of Financial position	08 - 10
Interim Consolidated Statement of Income	11
Interim Consolidated Statement of Cash flows	12 - 13
Notes to the Interim Consolidated Financial Statements	14 - 62

## **REPORT OF THE BOARD OF MANAGEMENT**

The Board of Management of PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation ("the Corporation") presents its report and the Corporation's Interim Consolidated Financial Statements for the period from 01 January 2025 to 30 June 2025.

### **THE CORPORATION**

PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation ("the Corporation"), an entity under management of Vietnam National Industry - Energy Group (PVN), formerly known as PetroVietnam Construction Joint Stock Company, was established in Vietnam by privatizing Petroleum Design and Construction Company pursuant to Decision No. 532/QĐ-TCCB dated 26 March 2004 of the Minister of Industry (currently known as the Ministry of Industry and Trade). PetroVietnam Construction Joint Stock Company operates under Business Registration Certificate for Joint Stock Company No. 4903000232 dated 13 March 2006 issued by Department of Planning and Investment of Ba Ria - Vung Tau Province.

Pursuant to Resolution No. 3604/NQ-DKVN dated 26 October 2007, the Board of Members of Vietnam National Industry - Energy Group approved the proposal on transfer of Petro Construction Joint Stock Company into PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation, operating under parent-subsidiary model. The Corporation operates under Business Registration Certificate for Joint Stock Company No. 3500102365 dated 20 December 2007 and the 22nd amendment dated 18 January 2024, issued by Hanoi Authority for Planning and Investment.

The Corporation's head office, as per the latest amendment of the Enterprise Registration Certificate, is located at 14th floor, Petroleum Institute Building, No. 167 Trung Kinh Street, Yen Hoa Ward, Cau Giay District, Hanoi City, Vietnam. Currently, this address has been changed to: 14th Floor, Petroleum Institute Building, No. 167 Trung Kinh Street, Yen Hoa Ward, Hanoi City.

### **BOARD OF DIRECTORS, BOARD OF MANAGEMENT AND BOARD OF SUPERVISION**

Members of the Board of Directors during the period and to the reporting date are:

Mr. Nghiem Quang Huy	Chairman	(Reappointed on 29 May 2025)
Mr. Pham Van Khanh	Independent Member	(Reappointed on 29 May 2025)
Mr. Tran Hai Bang	Member	
Mr. Chu Thanh Hai	Member	
Mr. Nguyen Hoai Nam	Member	

Members of the Board of Management during the period and to the reporting date are:

Mr Tran Quoc Hoan	General Director
Mr. Nguyen Van Dong	Deputy General Director
Mr. Bui Son Truong	Deputy General Director
Mr. Pham Trung Kien	Deputy General Director

The legal representative of the Corporation during the period and until the preparation of this Interim Consolidated Financial Statements is Mr. Tran Quoc Hoan - General Director.

Members of the Board of Supervision are:

Mr. Hua Xuan Nam	Head of the Board of Supervision	(Reappointed on 29 May 2025)
Mr. Nguyen Ngoc Cuong	Member	
Mrs. La Minh Hue	Member	(Appointed on 29 May 2025)
Mr. Phung Van Sy	Member	(Resigned on 29 May 2025)

### **AUDITORS**

The auditors of AASC Auditing Firm Company Limited have taken the review of Interim Consolidated Financial Statements for the Corporation.



**STATEMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT'S RESPONSIBILITY IN RESPECT OF THE INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**

The Board of Management is responsible for the Interim Consolidated Financial Statements which give a true and fair view of the financial position of the Corporation, its operating results and its cash flows for the period. In preparing those Interim Consolidated Financial Statements, the Board of Management is required to:

- Establish and maintain an internal control system which is determined necessary by the Board of Management and Board of Directors to ensure the preparation and presentation of Interim Consolidated Financial Statements do not contain any material misstatement caused by errors or frauds;
- Select suitable accounting policies and then apply them consistently;
- Make judgments and estimates that are reasonable and prudent;
- State whether applicable accounting standards have been followed, subject to any material departures disclosed and explained in the Interim Consolidated Financial Statements;
- Prepare the Interim Consolidated Financial Statements on the basis of compliance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of the Interim Financial Statements;
- Prepare the Interim Consolidated Financial Statements on the going concern basis unless it is inappropriate to presume that the Corporation will continue in business.

The Board of Management is responsible for ensuring that accounting records are kept to reflect the financial position of the Corporation, with reasonable accuracy at any time and to ensure that the Interim Consolidated Financial Statements comply with the current State's regulations. It is responsible for safeguarding the assets of the Corporation and hence for taking reasonable steps for the prevention and detection of fraud and other irregularities.

The Board of Management confirms that the Interim Consolidated Financial Statements give a true and fair view of the financial position at 30 June 2025, its operation results and cash flows for the period from 01 January 2025 to 30 June 2025 of the Corporation in accordance with the Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System and the statutory requirements relevant to the preparation and presentation of the Interim Financial Statements.

**Other commitments**

The Board of Management pledges that the Corporation complies with Decree No. 155/2020/ND-CP dated 31 December 2020 on detailing and guiding the implementation of a number of articles of the Law on Securities and the Corporation does not violate the obligations of information disclosure in accordance with the regulations of the Circular No. 96/2020/TT-BTC dated 16 November 2020 issued by the Ministry of Finance guiding the disclosure of information on Securities Market and the Circular No. 68/2024/TT-BTC dated 18 September 2024 issued by Ministry of Finance amending and supplementing some articles of the Circular No. 96/2020/TT-BTC.

On behalf of the Board of Management



**Tran Quoc Hoan**  
General Director  
Hanoi, 29 August 2025



**REVIEW REPORT ON INTERIM FINANCIAL INFORMATION**

**To: Shareholders, Board of Directors and Board of Management  
PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation**

We have reviewed the Interim Consolidated Financial Statements of PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation ("the Corporation") prepared on 29 August 2025 from page 08 to page 62 including: Interim Consolidated Statement of financial position as at 30 June 2025, Interim Consolidated Statement of income, Interim Consolidated Statement of cash flows and Notes to Interim Consolidated Financial Statements for the period from 01 January 2025 to 30 June 2025.

**Board of Management' Responsibility**

The Board of Management is responsible for the preparation of Interim Consolidated Financial Statements that give a true and fair view in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Enterprise Accounting System and the statutory requirements relevant to preparation and presentation of interim financial statements and for such internal control as management determines is necessary to enable the preparation of interim financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

**Auditor's Responsibility**

Our responsibility is to express a conclusion on the accompanying Consolidated Financial Statements. Due to the matters described in the "Basis for Disclaimer of Conclusion" paragraph, however, we were not able to obtain sufficient appropriate evidence as a basis for expressing a conclusion on the Interim Consolidated Financial Statements.

**Basis for Disclaimer of Conclusion**

We were unable to assess the effect of the following statements on the Interim Consolidated Financial Statements for the accounting period from 01 January 2025 to 30 June 2025 (attached), details are as follows:

1. As at 30 June 2025, the Interim Consolidated Financial Statements reflect the following: an accumulated loss (code 421) of VND 4,022.14 billion, current liabilities (code 310) of VND 5,302.86 billion, which exceeded current assets (code 100) by VND 756.74 billion, and overdue debts as at 30 June 2025 amounting to VND 1,433.42 billion. The Corporation's financial position as at 01 January 2025 was similarly challenging. These factors, together with the disclosures in Note 1, lead to substantial doubt about the Corporation's ability to continue as a going concern. The Corporation's ability to maintain operations depends on its plans to recover outstanding receivables, restructure investments, complete and finalize works in progress to recover funds, and secure financial support from shareholders and creditors. Within the scope of our review of the Interim Consolidated Financial Statements, we did not obtain sufficient appropriate evidence to assess the feasibility and effectiveness of these operational plans.
2. As at 30 June 2025, the Corporation recorded a loan receivable of VND 200 billion, lent to Lam Kinh Hotel Joint Stock Company to support its business operations (as at 01 January 2025: VND 200 billion). A provision of VND 124.4 billion had been made for this loan (as at 01 January 2025: VND 124.4 billion) (Note 7). We were unable to obtain sufficient appropriate audit evidence regarding the recoverability of this receivable as at 30 June 2025 and 01 January 2025. Consequently, we were unable to determine whether any adjustments to these amounts were necessary.



3. As at 30 June 2025, the cost of work in progress related to Vung Ang 1 Thermal Power Plant Project (Note 10) and Quang Trach 1 Thermal Power Plant Project (Note 15) amounted to approximately VND 245.1 billion and VND 25.8 billion (as at 01 January 2025: VND 245.1 billion and VND 25.8 billion). As at the reporting date, the Corporation was still engaging with the relevant authorities on: (1) approval for adjustments relating to unexpected expenses incurred in the Vung Ang 1 Thermal Power Plant Project and (2) acceptance and finalization of the Corporation's incurred expenses under the Quang Trach 1 Thermal Power Plant Project. We were unable to obtain sufficient appropriate evidence to determine the net realizable value of these work in progress as at 30 June 2025 and 01 January 2025. Consequently, we were unable to determine whether any adjustments to these amounts were necessary.
4. In Note 15 of the Notes to the Interim Consolidated Financial Statements presents the balance of construction in progress as at 30 June 2025 including projects (where the Corporation is the Investor) that have been suspended in previous years namely (1) the Petroleum University Urban Areas Project and (2) the Tien Giang Petroleum Industrial Zone Project with a total amount of approximately VND 5.72 billion (as of 01 January 2025: approximately VND 5.72 billion). We were unable to obtain sufficient appropriate evidence regarding the potential future economic benefits of these projects. Consequently, we were unable to determine whether any adjustments to these amounts were necessary.
5. The Corporation is consolidating Petrovietnam Urban Development Joint Stock Company (a subsidiary) into the Corporation's Interim Consolidated Financial Statements based on the unaudited Financial Statements for the second quarter of 2024. As at 30 June 2024, the subsidiary reported total asset of VND 15.16 billion and negative equity of VND 193.44 billion, with revenue and profit after corporate income tax for the period (the first and second quarters of 2024) amounting to VND 0.09 billion and negative VND 0.53 billion, respectively. Regarding associate companies, except for Thanh Hoa Petroleum Construction Joint Stock Company and Mien Trung Petroleum Construction Joint Stock Company, whose financial statements have been audited, the value of investments in the remaining associates is presented using the equity method based on unaudited financial statements for the period from 01 January 2025 to 30 June 2025 or the most recent Financial Statements available to the Corporation (Note 04). We were unable to assess the appropriateness of these figures.
6. As at 30 June 2025, the Corporation was unable to obtain financial statements from the investee entities related to the "Equity investments in other entities" item (code 253) on the Consolidated Statement of Financial position. The total carrying amount and total provision for these investments were VND 191.595 billion and VND 149.99 billion, respectively (as at 01 January 2025: VND 191.595 billion and VND 149.99 billion, respectively). Provisions for these investments were made based on the latest financial statements available to the Corporation. We were unable to obtain sufficient appropriate documentation to access the impairment of these investments.
7. Thai Binh Petroleum Trading and Investment Joint Stock Company (a subsidiary) has neither assessed the impairment nor estimated the net realizable value of its real estate inventories, which had carrying value of VND 36.3 billion as at 01 January 2025 and 30 June 2025 (Note 10). We were unable to obtain appropriate documentation regarding the net realizable value of these real estate inventories.
8. At Thai Binh Petroleum Trading and Investment Joint Stock Company, we have carried out the necessary audit procedures. However, we were unable to obtain sufficient audit evidence to confirm the accuracy and recoverable value of the "Abandoned business production costs" of the Company as of 01 January 2025 and 30 June 2025 with amount of VND 33.65 billion and VND 29.17 billion. Therefore, we have not determined the necessary adjustments related to the "Abandoned business production costs" account and other related accounts, as well as any potential impacts (if any) on the accompanying Interim Consolidated Financial Statements.
9. As at 30 June 2025, the balance of inventories presented in the financial statements of Petroleum Dong Do Joint Stock Company (a subsidiary) includes construction in progress for Thai Binh 2 Thermal Power Plant, Song Hau 1 Thermal Power Plant, Tran Anh - Long An Apartment Building and Multi-purpose Building Project in District 1, with a total value of approximately VND 58.80 billion (as at 01 January 2025: VND 55.36 billion). We were unable to assess the net realizable value of these construction in progress projects as at the respective dates.



10. At Petroleum Dong Do Joint Stock Company (a subsidiary), the outstanding balances of receivables and payables are as follows: as of 01 January 2025 and 30 June 2025, receivables amounted to VND 25.88 billion and VND 23.18 billion, respectively; payables as of the same dates amounted to VND 15.83 billion and VND 16.07 billion, respectively. As of 30 June 2025, the company had not reviewed or assessed the collectability of the outstanding receivable balance of VND 22.13 billion for potential allowance for doubtful debts. We are unable to assess the existence, recoverability, or the necessary provision for these receivables.
11. At Petroleum Equipment Assembly and Metal Structure Joint Stock Company (a subsidiary), we were unable to obtain the necessary documentation related to the Thai Binh 2 Thermal Power Plant and Song Hau I Thermal Power Plant projects. Consequently, we were unable to express an opinion on the appropriateness of the cumulative revenue and cost of goods sold recognized as of 30 June 2025, which amounted to VND 893.96 billion and VND 935.62 billion, respectively (including revenue and cost of goods sold recognized in the first 6 months of 2025 of VND 987 million and VND 14.28 billion, respectively). Additionally, we have not been able to assess the appropriateness and completeness of the work-in-progress expenses related to these two projects as of 30 June 2025 and 01 January 2025, with values of VND 145.90 billion and VND 146.25 billion, respectively, nor their impact on the accompanying Interim Consolidated Financial Statements.
12. The work-in-progress balance of PetroVietnam Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (a subsidiary) includes the unfinished value of the Commercial - Service - Office - and Apartment Complex project, amounting to VND 32.99 billion (Note 10). The project was completed and put into use in 2018; however, as of the preparation date of these Interim Consolidated Financial Statements, its final settlement has yet to be approved.
13. At PetroVietnam Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (a subsidiary): The Company has not assessed the recoverability of the long-term receivable for the Long Son Riverside Apartment Project, amounting to VND 12.89 billion (Note 16), which was completed since 2019.
14. At PetroVietnam Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (a subsidiary), the outstanding balances of receivables and payables had not been fully reconciled and confirmed as at 01 January 2025 and 30 June 2025. Specifically, payables amounted to VND 21.27 billion and VND 15.86 billion, respectively, while receivables amounted to VND 4.21 billion and VND 5.59 billion, respectively.
15. At Petroleum Tank Pipeline Construction Joint Stock Company (a subsidiary), the outstanding balances of receivables and payables had not been fully reconciled and confirmed as at 01 January 2025 and 30 June 2025. Specifically, payables amounted to VND 15.55 billion and VND 26.99 billion, respectively; receivables amounted to VND 10.31 billion and VND 10.06 billion, respectively. Meanwhile, the outstanding receivables amounted to VND 131.89 billion and VND 112.33 billion as of the respective dates had not been reviewed and assessed for provision by the company.

#### **Disclaimer of Conclusion**

Due to the significance of the matters described in the "Basis for Disclaimer of Conclusion" paragraph, we were unable to obtain sufficient appropriate evidence to form a conclusion on the accompanying Interim Consolidated Financial Statement. Accordingly, we do not express a conclusion on these Financial Statements.



### Emphasis of Matter

As presented in Note 39 of Notes to the Interim Consolidated Financial Statements, as at 30 June 2025, the Corporation has certain contingent liabilities and has not yet determined the final outcomes regarding the Corporation's related obligations.

Our conclusion is not modified in respect of this matter.

**AASC Auditing Firm Company Limited**



**Phạm Anh Tuan**

Deputy General Director

Registered Auditor No: 0777-2023-002-1

Hanoi, 29 August 2025

**INTERIM CONSOLIDATED STATEMENT OF FINANCIAL POSITION**  
*As at 30 June 2025*

Code	ASSETS	Note	30/06/2025	01/01/2025
			VND	(adjusted) VND
<b>100</b>	<b>A. CURRENT ASSETS</b>		<b>4,546,118,798,037</b>	<b>4,611,664,998,814</b>
<b>110</b>	<b>I. Cash and cash equivalents</b>	<b>3</b>	<b>1,055,360,316,691</b>	<b>433,474,223,994</b>
111	1. Cash		948,482,835,687	255,791,531,076
112	2. Cash equivalents		106,877,481,004	177,682,692,918
<b>120</b>	<b>II. Short-term investments</b>	<b>4</b>	<b>269,779,898,323</b>	<b>254,505,326,478</b>
121	1. Trading securities		14,900,000,000	14,900,000,000
122	2. Provision for diminution in value of trading securities		(13,885,000,000)	(13,885,000,000)
123	3. Held-to-maturity investments		268,764,898,323	253,490,326,478
<b>130</b>	<b>III. Short-term receivables</b>		<b>1,317,875,541,644</b>	<b>1,957,524,578,173</b>
131	1. Short-term trade receivables	5	1,023,124,614,705	1,663,260,397,192
132	2. Short-term prepayments to suppliers	6	576,859,216,158	570,160,345,945
135	3. Short-term loan receivables	7	355,676,953,493	355,676,953,493
136	4. Other short-term receivables	8	421,619,402,433	419,600,886,765
137	5. Provision for short-term doubtful debts		(1,060,244,978,065)	(1,052,014,338,142)
139	6. Shortage of assets awaiting resolution		840,332,920	840,332,920
<b>140</b>	<b>IV. Inventories</b>	<b>10</b>	<b>1,763,563,308,443</b>	<b>1,817,989,197,656</b>
141	1. Inventories		1,884,990,036,593	1,937,818,905,304
149	2. Provision for devaluation of inventories		(121,426,728,150)	(119,829,707,648)
<b>150</b>	<b>V. Other short-term assets</b>		<b>139,539,732,936</b>	<b>148,171,672,513</b>
151	1. Short-term prepaid expenses	11	2,281,137,574	3,443,165,122
152	2. Deductible VAT		102,526,116,451	110,091,427,591
153	3. Taxes and other receivables from State budget	19	34,732,478,911	34,637,079,800




**INTERIM CONSOLIDATED STATEMENT OF FINANCIAL POSITION**  
**As at 30 June 2025**  
**(Continued)**

Code	ASSETS	Note	30/06/2025	01/01/2025
			VND	(adjusted) VND
<b>200</b>	<b>B. NON-CURRENT ASSETS</b>		<b>1,448,088,137,457</b>	<b>1,509,221,766,538</b>
<b>210</b>	<b>I. Long-term receivables</b>		<b>27,665,382,226</b>	<b>28,744,401,590</b>
212	1. Long-term prepayments to suppliers	6	-	9,262,236,011
216	2. Other long-term receivables	8	27,665,382,226	28,567,933,637
219	3. Provision for long-term doubtful debts		-	(9,085,768,058)
<b>220</b>	<b>II. Fixed assets</b>		<b>1,000,857,638,180</b>	<b>1,019,336,731,121</b>
221	1. Tangible fixed assets	12	749,204,390,827	767,327,869,072
222	- Historical cost		1,615,867,393,957	1,626,973,749,975
223	- Accumulated depreciation		(866,663,003,130)	(859,645,880,903)
227	2. Intangible fixed assets	13	251,653,247,353	252,008,862,049
228	- Historical cost		274,650,242,344	274,650,242,344
229	- Accumulated depreciation		(22,996,994,991)	(22,641,380,295)
<b>230</b>	<b>III. Investment properties</b>	<b>14</b>	<b>85,023,340,441</b>	<b>85,507,988,185</b>
231	- Historical cost		113,224,755,532	111,067,844,188
232	- Accumulated depreciation		(28,201,415,091)	(25,559,856,003)
<b>240</b>	<b>IV. Long-term assets in progress</b>	<b>15</b>	<b>136,737,625,943</b>	<b>138,515,570,946</b>
241	1. Long-term work in progress		24,664,351,980	25,064,213,539
242	2. Construction in progress		112,073,273,963	113,451,357,407
<b>250</b>	<b>V. Long-term investments</b>	<b>4</b>	<b>75,824,954,315</b>	<b>78,900,512,009</b>
252	1. Investments in joint ventures and associates		29,132,971,817	32,208,529,511
253	2. Equity investments in other entities		206,313,000,000	206,313,000,000
254	3. Provision for devaluation of long-term investments		(159,621,017,502)	(159,621,017,502)
<b>260</b>	<b>VI. Other long-term assets</b>		<b>121,979,196,352</b>	<b>158,216,562,687</b>
261	1. Long-term prepaid expenses	11	92,042,037,391	100,284,708,167
262	2. Deferred income tax assets	35	17,039,958,961	18,801,350,080
268	3. Other long-term assets	16	12,897,200,000	39,130,504,440
<b>270</b>	<b>TOTAL ASSETS</b>		<b>5,994,206,935,494</b>	<b>6,120,886,765,352</b>

**INTERIM CONSOLIDATED STATEMENT OF FINANCIAL POSITION**  
**As at 30 June 2025**  
**(Continued)**

Code CAPITAL	Note	30/06/2025	01/01/2025 (adjusted)
		VND	VND
<b>300 C. LIABILITIES</b>		<b>5,490,676,875,588</b>	<b>5,609,638,003,808</b>
<b>310 I. Current liabilities</b>		<b>5,302,856,315,037</b>	<b>5,405,607,203,291</b>
311 1. Short-term trade payables	17	3,210,147,094,806	3,267,033,909,932
312 2. Short-term prepayments from customers	18	224,102,257,692	232,242,459,037
313 3. Taxes and other payables to State budget	19	111,883,008,223	125,235,476,617
314 4. Payables to employees		61,880,393,648	48,701,521,223
315 5. Short-term accrued expenses	20	421,068,423,993	453,154,875,592
318 6. Short-term unearned revenue	21	4,757,449,020	6,249,109,721
319 7. Other short-term payables	22	576,214,864,085	582,456,022,299
320 8. Short-term borrowings and finance lease liabilities	24	691,147,067,252	694,791,647,252
321 9. Provisions for short-term payables	23	5,911,574,700	-
322 10. Bonus and welfare fund		(4,255,818,382)	(4,257,818,382)
<b>330 II. Non-current liabilities</b>		<b>187,820,560,551</b>	<b>204,030,800,517</b>
333 1. Long-term accrued expenses	20	115,497,608,588	115,497,608,588
336 2. Long-term unearned revenue	21	49,908,331,269	50,831,503,317
337 3. Other long-term payables	22	2,947,706,650	2,923,199,868
338 4. Long-term borrowings and finance lease liabilities	24	14,600,000,000	24,000,000,000
342 5. Provisions for long-term payables	23	4,866,914,044	10,778,488,744
<b>400 D. OWNER'S EQUITY</b>		<b>503,530,059,906</b>	<b>511,248,761,544</b>
<b>410 I. Owner's equity</b>	<b>25</b>	<b>503,530,059,906</b>	<b>511,248,761,544</b>
411 1. Contributed capital		4,000,000,000,000	4,000,000,000,000
411a - Ordinary shares with voting rights		4,000,000,000,000	4,000,000,000,000
412 2. Share Premium		6,831,719,482	6,831,719,482
414 3. Other capital		22,681,220,411	22,681,220,411
415 4. Treasury shares		(29,720,195)	(29,720,195)
418 5. Development and investment funds		150,859,427,814	150,859,427,814
420 6. Other reserves		233,648,426	233,648,426
421 7. Retained earnings		(4,022,135,234,279)	(4,007,465,589,328)
421a - Retained earnings accumulated to previous year		(4,007,465,589,328)	(4,014,835,474,523)
421b - Retained earnings of the current period		(14,669,644,951)	7,369,885,195
429 8. Non-Controlling Interests		345,088,998,247	338,138,054,934
<b>440 TOTAL CAPITAL</b>		<b>5,994,206,935,494</b>	<b>6,120,886,765,352</b>

  
Nguyen Thi Thu Anh  
Preparer


  
Vu Minh Cong  
Chief Accountant

  
TỔNG  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
XÂY LẬP DẦU KHÍ  
VIỆT NAM  
Trần Quốc Hoàn  
General Director  
Hanoi, 29 August 2025



**INTERIM CONSOLIDATED STATEMENT OF INCOME**  
*For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025*

Code	ITEMS	Note	The first 6 months of 2025 VND	The first 6 months of 2024 VND
01	1. Revenue from sales of goods and rendering of services	27	832,416,205,962	478,271,066,380
10	2. Net revenue from sales of goods and rendering of services		832,416,205,962	478,271,066,380
11	3. Cost of goods sold and services rendered	28	783,002,879,993	456,550,302,004
20	4. Gross profit from sales of goods and rendering of services		49,413,325,969	21,720,764,376
21	5. Financial income	29	29,868,039,589	16,115,307,190
22	6. Financial expense	30	21,999,580,522	49,795,339,718
23	<i>In which: Interest expense</i>		17,244,263,315	19,425,842,282
24	7. Share of joint ventures and associates' profit or loss		(3,075,557,694)	(904,837,501)
25	8. Selling expense		2,943,698,289	117,139,349
26	9. General and administrative expenses	31	61,559,537,032	61,088,988,236
30	10. Net profit from operating activities		(10,296,987,979)	(74,070,233,238)
31	11. Other income	32	6,869,074,394	5,710,628,604
32	12. Other expenses	33	2,393,429,099	3,706,466,568
40	13. Other profit		4,475,645,295	2,004,162,036
50	14. Total net profit before tax		(5,821,342,684)	(72,066,071,202)
51	15. Current corporate income tax expense	34	135,967,835	-
52	16. Deferred corporate income tax expense	35	1,761,391,119	(226,438,952)
60	17. Profit after corporate income tax		<u>(7,718,701,638)</u>	<u>(71,839,632,250)</u>
61	18. Profit after tax attributable to owners of the parent		(14,669,644,951)	(67,067,121,586)
62	19. Profit after tax attributable to non-controlling interest		6,950,943,313	(4,772,510,664)
70	20. Basic earnings per share	36	(37)	(168)

  
Nguyen Thi Thu Anh  
Preparer

  
Vu Minh Cong  
Chief Accountant

  
Tran Quoc Hoan  
General Director  
Hanoi, 29 August 2025



**INTERIM CONSOLIDATED STATEMENT OF CASH FLOWS**  
*For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025*  
*(Indirect method)*

Code	ITEMS	Note	The first 6 months of 2025 VND	The first 6 months of 2024 VND
	<b>I. CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES</b>			
01	<b>1. Profit before tax</b>		<b>(5,821,342,684)</b>	<b>(72,066,071,202)</b>
	<b>2. Adjustment for</b>			
02	- Depreciation and amortization of fixed assets and investment properties		20,098,991,865	21,344,079,540
03	- Provisions		741,892,367	(24,001,123,184)
04	- Exchange gains / losses from retranslation of monetary items denominated in foreign currency		(1,865,654,383)	9,538,230,798
05	- Gains / losses from investment activities		(5,372,082,936)	(6,232,961,814)
06	- Interest expense		17,244,263,315	19,425,842,282
08	<b>3. Operating profit before changes in working capital</b>		<b>25,026,067,544</b>	<b>(51,992,003,580)</b>
09	- Increase / decrease in receivables		677,818,978,330	(89,188,155,516)
10	- Increase / decrease in inventories		55,337,730,270	61,973,342,713
11	- Increase / decrease in payables		(122,083,030,622)	38,058,547,826
12	- Increase / decrease in prepaid expenses		9,404,698,324	4,129,782,650
14	- Interest paid		(2,057,682,098)	(5,309,527,598)
15	- Corporate income tax paid		-	(497,536,232)
16	- Other receipts from operating activities		1,065,300,000	871,000,000
17	- Other payments on operating activities		(954,900,000)	(919,200,000)
20	<b>Net cash flow from operating activities</b>		<b>643,557,161,748</b>	<b>(44,873,749,737)</b>
	<b>II. CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES</b>			
21	1. Purchase or construction of fixed assets and other long-term assets		(1,866,167,736)	(20,239,664,176)
22	2. Proceeds from disposals of fixed assets and other long-term assets		961,863,636	2,491,215,909
23	3. Loans and purchase of debt instruments from other entities		(63,274,571,845)	(21,400,000,000)
24	4. Collection of loans and resale of debt instrument of other entities		48,000,000,000	27,573,589,041
27	5. Interest and dividend received		4,648,831,328	8,785,272,761
30	<b>Net cash flow from investing activities</b>		<b>(11,530,044,619)</b>	<b>(2,789,586,465)</b>
	<b>III. CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES</b>			
33	1. Proceeds from borrowings		17,928,000,000	63,238,846,533
34	2. Repayment of principal		(30,972,580,000)	(48,236,791,110)
40	<b>Net cash flow from financing activities</b>		<b>(13,044,580,000)</b>	<b>15,002,055,423</b>



**INTERIM CONSOLIDATED STATEMENT OF CASH FLOWS**  
*The period from 01/01/2025 to 30/06/2025*  
(Indirect method)  
(Continued)

Code	ITEMS	Note	The first 6 months of 2025	The first 6 months of 2024
			VND	VND
50	Net cash flows in the period		618,982,537,129	(32,661,280,779)
60	Cash and cash equivalents at the beginning of the year		433,474,223,994	315,530,103,712
61	Effect of exchange rate fluctuations		2,903,555,568	4,903,570,885
70	Cash and cash equivalents at the end of the period	3	<u>1,055,360,316,691</u>	<u>287,772,393,818</u>



Nguyen Thi Thu Anh  
Preparer



Vu Minh Cong  
Chief Accountant




Tran Quoc Hoan  
General Director  
Hanoi, 29 August 2025

**NOTES TO THE INTERIM CONSOLIDATED FINANCIAL STATEMENTS**  
*For the period from 01/01/2025 to 30/06/2025*

**1 GENERAL INFORMATION**

**Form of ownership**

PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation ("the Corporation"), a member of the Vietnam National Industry – Energy Group (PVN), formerly known as PetroVietnam Construction Joint Stock Company, was established in Vietnam through the equitization of Petroleum Design and Construction Company pursuant to Decision No. 532/QĐ-TCCB dated 26 March 2004 by the Minister of Industry (currently known as the Ministry of Industry and Trade). PetroVietnam Construction Joint Stock Company operates under Enterprise Registration Certificate for Joint Stock Company No. 4903000232 dated 13 March 2006 issued by the Department of Planning and Investment of Ba Ria - Vung Tau Province.

Pursuant to Resolution No. 3604/NQ-DKVN dated 26 October 2007, the Board of Members of Vietnam National Industry – Energy Group approved the plan to transform PetroVietnam Construction Joint Stock Company into PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation, operating under a parent-subsidiary model. The Corporation operates under Enterprise Registration Certificate for Joint Stock Company No. 3500102365 dated 20 December 2007, and the 22nd amendment dated 18 January 2024, issued by the Hanoi Authority for Planning and Investment.

The Corporation's head office, as per the latest amendment of the Enterprise Registration Certificate, is located at 14th floor, Petroleum Institute Building, No. 167 Trung Kinh Street, Yen Hoa Ward, Cau Giay District, Hanoi City, Vietnam. Currently, this address has been changed to: 14th Floor, Petroleum Institute Building, No. 167 Trung Kinh Street, Yen Hoa Ward, Hanoi City.

According to the 22nd amended Enterprise Registration Certificate dated 18 January 2024, the total charter capital of the Corporation is VND 4,000,000,000,000 (divided into 400,000,000 shares, par value of one share is 10,000 VND).

The number of employees of the Corporation as at 30 June 2025 was 147 people (as at 01 January 2025: 154 people).

**Business field:** Construction

**Business activities**

Main business activities of the Corporation are: construction and installation of industrial and civil projects.

**The Corporation's operation during the period that affects the Interim Consolidated Financial Statements:**

During the period, the Corporation continued to implement the Thai Binh 2 Thermal Power Plant project with an expected gross loss ratio of 0.67% according to the decision of the Board of Directors of the PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation on the temporary approval of the implementation plan of the EPC Contract for the Thai Binh 2 Thermal Power Plant Project. Revenue during this period increased sharply across all categories, specifically:

- Sales revenue increased because during the period, Dong Do Petroleum Joint Stock Company implemented a package to supply waterproofing membranes for projects of GeoVietnam Joint Stock Company (recorded VND 74.3 billion)
- Revenue from construction and installation activities increased sharply because the parent company during this period accepted a number of high-value items at the Thai Binh 2 Thermal Power Plant project with the investor. Along with that, at the Petroleum Metal Structure and Installation Joint Stock Company (a subsidiary), an increase in construction and installation revenue was recorded due to the implementation of many large items at the Block B - O Mon and Lac Da Vang Projects.



- Service revenue increased due to the parent company recording revenue from electricity test runs at Thai Binh 2 Thermal Power Plant.

Meanwhile, financial expenses decreased sharply mainly due to the loss from exchange rate differences during this period was lower than in the previous period. These are the main reasons leading to significant fluctuations in the indicators reflecting business performance.

#### **Going concern assumption:**

As at 30 June 2025, the accumulated loss (code 421) of the Corporation was VND 4,022.14 billion, current liabilities (code 310) of VND 5,302.86 billion, which exceeded current assets (code 100) by VND 756.74 billion, while overdue debts as at 30 June 2025 amounted to VND 1,433.42 billion. The financial situation of the Corporation as of 01 January 2025 was also in a similar condition. These factors raise doubts about the Corporation's ability to continue as a going concern. Some financial statements of the Corporation's subsidiaries also contain material uncertainties that cast doubt on their ability to continue as a going concern, such as: Petrovietnam Urban Development Joint Stock Company, Petroleum Pipeline and Tank Construction Joint Stock Company, PetroVietnam Industrial and Civil Construction Joint Stock Company, Thai Binh Petroleum Trading and Investment Joint Stock Company, Petroleum Equipment Assembly and Metal Structure Joint Stock Company. The going concern of the Corporation and its subsidiaries depends on the plans to recover debts, restructure investments, complete and finalize works in progress to recover funds, and financial support from shareholders and creditors.

Up to now, the Corporation has had its investment restructuring plan approved by the Vietnam National Industry - Energy Group. The Corporation is also developing a 5-year plan for the period 2021-2025 and submitting its development strategy to the Group for approval. Additionally, the Board of Management of the Corporation is actively implementing other solutions and believes that these solutions will be successful, enabling the Corporation to continue its normal business operation. Therefore, the Consolidated Financial Statements are still prepared based on the going concern assumption.

#### **Group structure**

The Group's subsidiaries consolidated in Consolidated Financial Statements as at 30 June 2025 include:

Name of Corporation	Head office	Proportion of ownership	Proportion of voting rights	Principal activities
Thai Binh Petroleum Trading and Investment Joint Stock Company	Hung Yen	72,22%	72,22%	Construction, real estate business and services
Petroleum Equipment Assembly and Metal Structure Joint Stock Company	Ho Chi Minh	50,97%	50,97%	Construction, real estate business
Binh Son Petroleum Construction JSC	Quang Ngai	48,62%	52,56%	Trading real estate, building materials
Petroleum Dong Do Joint Stock Company	Hanoi	34,87%	34,87%	Real estate business and services
Petrovietnam Urban Development Joint Stock Company	Ca Mau	53,44%	53,44%	Construction, real estate business
Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company	Ho Chi Minh	51%	51%	Construction, industrial production, real estate business
Petroleum Pipeline and Tank Construction Joint Stock Company	Ho Chi Minh	51%	51%	Construction, real estate business



According to the assessment of the Board of Management of the Corporation, although the voting stake of the Corporation is less than 50% in Petroleum Dong Do Joint Stock Company, the Corporation still has the right to control this company through the right to dictate financial policies and activities, as well as assign and evaluate the implementation of the annual business plans, provide support in terms of work, construction and installation contracts, markets, and finance. Accordingly, Petroleum Dong Do Joint Stock Company is identified as a subsidiary of the Corporation.

## **2 ACCOUNTING SYSTEM AND ACCOUNTING POLICY**

### **2.1 Accounting period and accounting currency**

Annual accounting period commences from 01 January and ends as at 31 December.

The Corporation maintains its accounting records in Vietnam Dong (VND).

### **2.2 Standards and Applicable Accounting Policies**

#### *Applicable Accounting Policies*

The Corporation applies Corporate Accounting System issued under the Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 by the Ministry of Finance, the Circular No. 53/2016/TT-BTC dated 21 March 2016 issued by Ministry of Finance amending and supplementing some articles of the Circular No. 200/2014/TT-BTC and the Circular No. 202/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 by the Ministry of Finance guiding the preparation and presentation of Consolidated Financial Statements.

#### *Declaration of compliance with Accounting Standards and Accounting System*

The Corporation applies Vietnamese Accounting Standards and supplementary documents issued by the State. Financial Statements are prepared and presented in accordance with regulations of each standard and supplementary document as well as with current Accounting Standards and Accounting System.

### **2.3 Basis for the preparation of Consolidated Financial Statements**

Consolidated Financial Statements are prepared based on consolidating Separate Financial Statements of the Corporation and Financial Statements of its subsidiaries under its control for the period from 01/01/2025 to 30/06/2025.

Consistent accounting policies are applied in Financial Statements of subsidiaries and the Corporation. If necessary, adjustments are made to the Financial Statements of subsidiaries to ensure the consistency of application of accounting policies among the Corporation and its subsidiaries.

The operating results of subsidiaries acquired or disposed during the period are included in the Interim Consolidated financial statements from the effective date of acquisition or up to the effective date of disposal.

Balance, main incomes and expenses, including unrealized profits from intra-group transactions are eliminated in full from Consolidated financial statements.

#### *Non-Controlling interests*

Non-Controlling interests represents the portion of profit or loss and net assets of subsidiaries not held by owners.

### **2.4 Accounting estimates**

The preparation of Interim Consolidated Financial Statements in conformity with Vietnamese Accounting Standards, Vietnamese Corporate Accounting System and legal regulations relating to financial reporting requires the Board of Management to make estimates and assumptions that affect the reported amounts of liabilities, assets and disclosures of contingent liabilities and assets



at the date of the Interim Consolidated Financial Statements and the reported amounts of revenues and expenses during the accounting period.

The estimates and assumptions that have a material impact in the Interim Consolidated Financial Statements include:

- Provision for bad debts;
- Provision for devaluation of inventory;
- Provision for payables;
- Estimated allocation of prepaid expenses;
- Estimated useful life of fixed assets;
- Classification and provision of financial investments;
- Estimated income tax;

Such estimates and assumptions are continually evaluated. They are based on historical experience and other factors, including expectations of future events that may have a financial impact on the Corporation and that are assessed by the Board of Management to be reasonable under the circumstances.

## **2.5 Foreign currency transactions**

Foreign currency transactions during the period are translated into Vietnam Dong using the actual rate at transaction date.

Actual exchange rate when revaluating monetary items denominated in foreign currencies at the reporting date of Interim Consolidated Financial Statements is determined under the following principles:

- For asset accounts, applying the bid rate of the commercial bank where the Corporation regularly conducts transaction;
- For cash deposited in bank, applying the bid rate of the commercial bank where the Corporation opens its foreign currency accounts;
- For liability accounts, applying the offer rate of the commercial bank where the Corporation regularly conducts transactions.

All exchange differences arising as a result of transactions or revaluation at the balance sheet date shall be recorded into the financial income or expense in the period.

## **2.6 Cash and cash equivalents**

Cash comprises cash on hand, demand deposits and monetary gold held as a reserve asset, exclusive of gold classified as inventories and used as raw materials for production of goods for sale.

Cash equivalents are short-term investments with the maturity of not over than 3 months from the date of investment, that are highly liquid and readily convertible into known amount of cash and that are subject to an insignificant risk of conversion into cash.

## **2.7 Business combination and goodwill**

All business combinations shall be accounted for by applying the purchase method. The cost of a business combination includes the aggregate of the fair values, at the date of exchange, of assets given, liabilities incurred or assumed, and equity instruments issued by the acquirer, in exchange for control of the acquiree plus any costs directly attributable to the business combination. The acquiree's identifiable assets, liabilities and contingent liabilities in business combination are measured at their fair values at the acquisition date.

The goodwill or interest from a cheap purchase is defined as the difference between the cost of the business combination and the acquirer's interest in the net fair value of the identifiable subsidiary assets at the acquisition date held by Parent. Cheap purchase interest (if any) will be recognized in the consolidated income statement. Goodwill is allocated to costs by the straight-line method for an estimated useful period of 10 years. Periodically the Corporation will assess goodwill losses at the



subsidiary, if there is evidence that the loss of goodwill is greater than the annual allocation, the allocation shall be based on the loss of goodwill in the period of arising.

## **2.8 Financial investments**

*Trading securities* are initially recognized at original cost which includes purchase prices plus any directly attributable transaction costs such as brokerage, transaction fee, cost of information provision, taxes, bank's fees and charges. After initial recognition, trading securities are measured at original cost less provision for diminution in value of trading securities. Upon liquidation or transfer, cost of trading securities is determined using weighted average method.

*Investments held to maturity* comprise term deposits held to maturity to earn profits periodically and other held to maturity investments.

*Investments in joint ventures and associates:* During the period, the buyer determines the date of purchase and the cost of investments and implements accounting procedures in accordance with the Accounting Standards on "Financial reporting of interest in joint ventures" and "Accounting for investments in associates".

In the Consolidated Financial Statements, investments in joint ventures and associates are accounted for using equity method. Under this method, the investments are initially recognised at cost and adjusted thereafter for the post acquisition change in the Group's share in net assets of the associate after acquisition date. Goodwill incurred from the investment in the associates is reflected in the carrying amount of the investment in the associate. The Group will not allocate such goodwill but assess annually to determine whether the goodwill is under impaired loss or not.

For the adjustment of the value of investments in joint ventures and associates from the date of investment to the beginning of the reporting period, the Corporation shall:

- For the adjustment to the income statement of previous periods: make an adjustment to the undistributed profit after tax according to net adjusted accumulated amount to the beginning of the reporting period.
- For the adjustment due to the difference in revaluation of assets and the difference in foreign exchange rates, recorded in the balance sheet of the previous periods: determine the adjustment to the corresponding items on the Statement of Financial Position according to net accumulated adjusted amount.

For the adjustment of the value of investments in joint ventures and associates arising in the period, the Corporation shall exclude the preferred dividends of other shareholders (if preferred shares are classified as Owner's capital); expected number of deductions for bonus and welfare funds of joint ventures and associates; share of profits related to transactions of joint ventures, associates contributing capital or selling assets to the Corporation before determining the Corporation's share in the profit or loss of the joint venture or associated Corporation during the reporting period. The Corporation then adjusts the value of the investment in proportion to its share in profits and losses of joint ventures and associates and immediately recognizes it in the Interim Consolidated Statement of Income.

*Investments in other entities* comprise investments in equity instruments of other entities without having control, joint control, or significant influence on the investee. These investments are initially stated at original cost. After initial recognition, these investments are measured at original cost less provision for devaluation of investments.

For dividends received in the form of shares, only the number of shares received is recorded without any increase in the investment value and financial income.

*Provision for devaluation of investments is made at the end of the period as follows:*

- Investments in trading securities: provision shall be made on the basis of the excess of original cost of the investments recorded in the accounting book over their market value at the provision date.



- Long-term investments (other than trading securities) without significant influence on the investee: If the investment in listed shares or the fair value of the investment is determined reliably, provisions shall be made on the basis of the market value of the shares; if the fair value of the investment is not determined at the reporting date, provision shall be made based on the Financial Statements at the provision date of the investee.
- Investments held to maturity: provision for doubtful debts shall be made based on the recovery capacity in accordance with statutory regulations.

## **2.9 Receivables**

The receivables shall be recorded in details in terms of due date, entities receivable, types of currency and other factors according to requirements for management of the Corporation. The receivables shall be classified into short-term receivables or long-term receivables on the Interim Consolidated Financial Statements according to their remaining terms at the reporting date.

The provision for doubtful debts is made for receivables that are overdue under an economic contract, a loan agreement, a contractual commitment or a promissory note and for receivables that are not due but difficult to be recovered. Accordingly, the provisions for overdue debts shall be based on the due date stipulated in the initial sale contract, exclusive of the debt rescheduling between contracting parties and the case where the debts are not due but the debtor is in bankruptcy, in dissolution, or missing and making fleeing or estimating the possible losses.

## **2.10 Inventories**

Inventories are initially recognized at original cost including purchase price, processing cost and other costs incurred in bringing the inventories to their location and condition at the time of initial recognition. After initial recognition, at the reporting date, inventories are stated at the lower of cost and net realizable value.

Net realizable value is estimated based on the selling price of the inventory minus the estimated costs for completing the products and the estimated costs needed for their consumption.

The cost of inventory is calculated using weighted average method.

Inventory is recorded by perpetual method.

Method for valuation of work in process at the end of the period: The value of work in progress is recorded for each construction project which is incomplete or revenue is unrecognised, corresponding to the amount of work in progress at the end of the period.

Provision for devaluation of inventories made at the end of the period is based on the excess of original cost of inventory over their net realizable value.

## **2.11 Fixed assets**

Fixed assets (tangible and intangible) are initially stated at the historical cost. During the using time, fixed assets (tangible and intangible) are recorded at cost, accumulated depreciation and carrying amount.

### *Subsequent measurement after initial recognition*

If these costs augment future economic benefits obtained from the use of tangible fixed assets are extended to their initial standards conditions, these costs are capitalized as an incremental in their historical cost.

Other costs incurred after tangible fixed assets have been put into operation such as repair, maintenance and overhaul costs are recognized in the Statement of Income in the period in which the costs are incurred.



Fixed assets are depreciated using the straight-line method over their estimated useful lives as follows:

- Buildings, structures	05 - 48 years
- Other Machinery, equipment	03 - 15 years
- Vehicles, Transportation equipment	04 - 10 years
- Office equipment and furniture	03 - 10 years
- Land use rights	According to land lease term
- Management software	03 - 05 years

## 2.12 Investment properties

Investment properties are initially recognised at historical cost.

Investment properties held for capital appreciation prior to 01 January 2015 are depreciated on a straight-line basis similar to other fixed assets, but from 01 January 2015 are not depreciated.

Investment properties held for operating lease are recorded at cost, accumulated depreciation and carrying amount. Investment properties are depreciated using the straight-line method with expected useful lives as follows:

- Buildings, structures	25 - 38 years
-------------------------	---------------

An item of owner-occupied property or inventories only becomes an investment property when it using purposes has been changed, evidenced by commencement of stopping using that item and starting to operate leasing for the third party or completing the construction period. The investment property is transferred to owner-occupied property or inventories only where it undergoes a change in use, evidenced by commencement of starting using the assets by owner or development with a view to sale. The transferring from investment property to owner-occupied property or inventories will not change the original cost and carrying amount of asset as at the date of transfer.

## 2.13 Construction in progress

Construction in progress includes fixed assets which is being purchased and constructed as at the balance sheet date and is recognised in historical cost. This includes costs of construction, installation of equipment and other direct costs.

## 2.14 Operating lease

Operating leases is fixed asset leasing in which a significant portion of the risks and rewards of ownership are retained by the lessor. Payments made under operating leases are charged to Statement of Income on a straight-line basis over the period of the lease.

## 2.15 Business Cooperation Contract (BCC)

Business Cooperation Contract (BCC) is a contractual agreement between two or more venturers with the objectives of cooperating to carry out specific business activities without constitution of a new legal entity. This operation may be jointly controlled by venturers under BCC or controlled by one of them.

In case of receiving money or assets from other entities in the BCC, they should be recorded as payables. In case of contributing money or assets to BCC, they should be recorded as receivables. During the process of operating BCC, BCC in the form of jointly controlled operations, the accounting methods are adopted as follows:

All parties in the joint venture shall simultaneously do the bookkeeping in their own accounting system and present in its Financial Statements with the following items:

- Assets contributed by it and controlled by the joint venture;
- Its share of liabilities incurred;
- Its share of income from the sale of goods or rendering of services by the joint venture;
- Its share of expenses incurred.



All parties shall share revenue from the sale of goods or rendering of services and share joint expenses according to the BCC's agreements.

## **2.16 Prepaid expenses**

The expenses incurred but related to operating results of several accounting periods are recorded as prepaid expenses and are allocated to the operating results in the following accounting periods.

The calculation and allocation of long-term prepaid expenses to operating expenses in each accounting period should be based on the nature of those expenses to select a reasonable allocation method and criteria.

*Types of prepaid expenses include:*

Prepaid land expenses include prepaid land rental, including those related to leased land for which the Corporation has received certificate of land use right but not eligible for recording as intangible fixed asset in accordance with the Circular No. 45/2013/TT-BTC dated 25 April 2013 issued by the Ministry of Finance guiding regulation on management, use and depreciation of fixed assets and other expenses related to ensure for the use of leased land. These expenses are recognized in the Interim Consolidated Statement of Income on a straight-line basis according to the lease term of the contract.

Tools and supplies include assets which are possessed by the Corporation in an ordinary course of business, with historical cost of each asset less than 30 million dong and therefore not eligible for recording as fixed asset under current legal regulations. The historical cost of tools and supplies are allocated on the straight-line basis from 01 to 03 years.

Office rent represents the amount of prepaid rent amortized to the consolidated statement of income on a straight-line basis over the lease term.

Expenses for leasing Sao Mai Ben Dinh port facility are allocated to the income statement during the lease period (49 years) from 16 September 2010.

## **2.17 Payables**

The payables shall be recorded in details in terms of due date, entities payable, types of currency and other factors according to the requirements for management of the Corporation. The payables shall be classified into short-term payables or long-term payables on the Interim Consolidated Financial Statements according to their remaining terms at the reporting date.

## **2.18 Borrowings**

Borrowings shall be recorded in details in terms of lending entities, loan agreement and terms of borrowings. In case of borrowings denominated in foreign currency, they shall be recorded in details in terms of types of currency.

## **2.19 Borrowing costs**

Borrowing costs are recognized as operating expenses in the period, in which it is incurred excepting those which are directly attributable to the construction or production of a qualifying asset are capitalized as part of the cost of that asset in accordance with VAS No. 16 "Borrowing costs". Besides, regarding borrowings serving the construction of fixed assets and investment properties, the interests shall be capitalized even when the construction duration is under 12 months.



## **2.20 Accrued expenses**

Accrued expenses include payables to goods or services received from the suppliers or provided for the customers during the reporting period, but the payments for such goods or services have not been made and other payables such as annual leave salary, expenses arising from seasonal cessation of production, interest expenses, etc. which are recorded as operating expenses of the reporting period.

The recording of accrued expenses as operating expenses during the period shall be carried out under the matching principle between revenues and expenses during the period. Accrued expenses are settled with actual expenses incurred. The difference between accrued and actual expenses is reverted.

## **2.21 Provision for payables**

Provision for payables is only recognized when meeting all of the following conditions:

- The Corporation has a present debt obligation (legal obligation or joint obligation) as a result of past events;
- It is probable that the decrease in economic benefits may lead to the requirement for debt settlement;
- Debt obligation can be estimated reliably

Value recorded as a provision for payables is the most reasonably estimated amount required to settle the current debt obligation at the end of the accounting period.

Only expenses related to the previously recorded provision for payables shall be offset by that provision for payables.

Provisions for payables are recorded as operating expenses of the accounting period. In case provision made for the previous accounting period but not used up exceeds the one made for the current accounting period, the difference is recorded as a decrease in operating expenses. The excess of the provision for payables relating to construction warranty is recorded as other income in the period.

## **2.22 Unearned revenues**

Unearned revenues include prepayments from customers for one or many accounting periods relating to asset leasing.

Unearned revenues are transferred to revenue from sale of goods and rendering of services with the amount corresponding to each accounting period.

## **2.23 Owner's equity**

Owner's equity is stated at actually contributed capital of owners.

Share premium is recorded at the difference between the par value with costs directly attributable to the issuance of shares and issue price of shares (including the case of re-issuing treasury shares) and can be a positive premium (if the issue price is higher than par value and costs directly attributable to the issuance of shares) or negative premium (if the issue price is lower than par value and costs directly attributable to the issuance of shares).

Other capital is the operating capital formed from the operating results or from gifts, presents, financing, assets revaluation (if these items are allowed to be recorded as a decrease or increase in the owner's equity).

Treasury shares bought before the effective date of the Securities Law 2019 (January 1, 2021) are shares issued by the Company and bought-back by itself, but these are not cancelled and may be re-issued subsequently in accordance with the Law on Securities. Treasury shares bought after January 1, 2021 will be cancelled and adjusted to reduce equity.

Retained earnings are used to present the Corporation's operating results (profit, loss) after corporate income tax and profit appropriation or loss handling of the Corporation.



Dividends to be paid to shareholders are recognised as a payable in Statement of Financial position after the announcement of dividend payment from the Board of Management and announcement of cut-off date for dividend payment of Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation.

## **2.24 Revenue**

Revenue is recognized to extent that it is probable that the economic benefits will flow to the Corporation and the revenue can be reliably measures regardless of when payment is being made. Revenue is measured at the fair value of the consideration received, excluding discounts, rebates, and sales returns. The following specific recognition conditions must also be met when recognizing revenue:

### *Revenue from construction contracts*

- In case the construction contract stipulates that the contractor is paid according to the value of the volume performed, when the results of construction contract performance are reliably determined and confirmed by the customer, then revenue, Contract-related costs are recorded in proportion to the completed work confirmed by the customer during the year reflected in the invoices issued.

### *Revenue from rendering of services:*

- The percentage of completion of the transaction at the Balance sheet date can be measured reliably.

### *Financial income*

Financial incomes include income from assets yielding interest, royalties, dividends and other financial gains by the Corporation shall be recognised when the two conditions are satisfied:

- It is probable that the economic benefits from the transaction will flow to the Corporation;
- The amount of the revenue can be measured reliably.

Dividend income shall be recognised when the Corporation's right to receive dividend is established.

## **2.25 Cost of goods sold and services rendered**

Cost of goods sold and services rendered are cost of finished goods, merchandises, materials sold or services rendered during the period, and recorded on the basis of matching with revenue and on a prudence basis. Cases of loss of materials and goods exceeded the norm, labour cost and fixed manufacturing overheads not allocated to the value of inventory, provision for devaluation of inventory, abnormal expenses and losses of inventories after deducting the responsibility of collective and individuals concerned, etc. is recognized fully and promptly into cost of goods sold in the year even when products and goods have not been determined as sold.

## **2.26 Financial expenses**

Items recorded into financial expenses comprise:

- Expenses or losses relating to financial investment activities;
- Borrowing costs;
- Losses from the disposal and transfer of short-term securities, transaction cost of selling securities;
- Provision for diminution in value of trading securities price; provision for losses from investment in other entities, losses from sale of foreign currency, exchange loss, etc.

The above items are recorded by the total amount arising in the period without offsetting against financial income.

## 2.27 Corporate income tax

### *Current corporate income tax expenses and deferred corporate income tax expenses*

Current corporate income tax expenses are determined based on taxable income during the period and current corporate income tax rate.

Deferred corporate income tax expenses are determined based on deductible temporary differences, the taxable temporary differences and corporate income tax rate.

Current corporate income tax expenses and deferred corporate income tax expenses are not offset against each other.

### *Current corporate income tax rate*

The Corporation is subject to corporate income tax of 20% for the operating activities which has taxable income for the period from 01/01/2025 to 30/06/2025.

## 2.28 Earnings per share

Basic earnings per share are calculated by dividing net profit or loss after tax for the period attributable to ordinary shareholders of the Corporation (after adjusting for the bonus and welfare fund and allowance for Board of Management) by the weighted average number of ordinary shares outstanding during the period.

## 2.29 Related Parties

The parties are regarded as related parties if that party has the ability to control or significantly influence the other party in making decisions about the financial policies and activities. The Corporation's related parties include:

- Companies, directly or indirectly through one or more intermediaries, having control over the Corporation or being under the control of the Corporation, or being under common control with the Corporation, including the Corporation's parent, subsidiaries and associates;
- Individuals, directly or indirectly, holding voting power of the Corporation that have a significant influence on the Corporation, key management personnel including directors and employees of the Corporation, the close family members of these individuals;
- Enterprises that the above-mentioned individuals directly or indirectly hold an important part of the voting power or have significant influence on these enterprises.

In considering the relationship of related parties to serve for the preparation and presentation of Interim Consolidated Financial Statements, the Corporation should consider the nature of the relationship rather than the legal form of the relationship.

## 2.30 Segment information

As the Corporation operates mainly in the field of construction and installation in the territory of Vietnam, the Corporation does not prepare segment reports by business segment and geographical segment.



### 3 CASH AND CASH EQUIVALENTS

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Cash on hand	3,685,996,238	5,238,205,288
Demand deposits	944,796,839,449	250,553,325,788
- Vietnam Public Joint Stock Commercial Bank	26,449,408,713	13,978,111,303
- Modern Bank of Vietnam Limited	2,264,905,650	2,254,370,501
- Others	916,082,525,086	234,320,843,984
Cash equivalents (i)	106,877,481,004	177,682,692,918
- Vietnam Public Joint Stock Commercial Bank	-	4,200,000,000
- Others	106,877,481,004	173,482,692,918
	<b>1,055,360,316,691</b>	<b>433,474,223,994</b>
<b>In which: Balance with related parties</b>		
Vietnam Public Joint Stock Commercial Bank	26,449,408,713	18,178,111,303
- Demand deposits	26,449,408,713	13,978,111,303
- Cash equivalents	-	4,200,000,000

(i) At 30 June 2025, cash equivalents are deposits with terms from 01 to 03 months amounting to VND 106,877,481,004 at commercial banks, with interest rate ranging from 1.6% to 4.1% per year.

### 4 FINANCIAL INVESTMENTS

#### a) Held to maturity investments

	30/06/2025		01/01/2025	
	Original cost VND	Provision VND	Original cost VND	Provision VND
<b>Short-term investments</b>				
Term deposits (i)	268,764,898,323	-	253,490,326,478	-
- Vietnam Public Joint Stock	37,880,000,000		35,780,000,000	
- Modern Bank of Vietnam Limited	45,316,000,000		45,316,000,000	
- Others	185,568,898,323		172,394,326,478	
	<b>268,764,898,323</b>	<b>-</b>	<b>253,490,326,478</b>	<b>-</b>
<b>In which: Balance with related parties</b>				
Vietnam Public Joint Stock Commercial	37,880,000,000		35,780,000,000	

(i) At 30 June 2025, term deposits are deposits with terms from 03 months to less than 12 months amounting to VND 268,764,898,323 at commercial banks, with interest rate ranging from 2.9% to 5.9% per year.

Of which:

- Deposits at Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV) - Ha Dong Branch, amounting to VND 153,794,326,478, are pledged for loans at the bank (Detailed in Note 24);
- The term deposit of VND 45.316 billion at Modern Bank of Vietnam Limited - Vung Tau Branch is temporarily suspended from transactions under the direction of the State Bank of Vietnam. This amount will be paid upon instructions from the Government and the State Bank. Therefore, the Board of Management of the Corporation assesses that the above deposits are still recoverable, have no risk of loss, and accordingly no provision for loss is required.

**b) Trading securities**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Original cost	Provision	Original cost	Provision
	VND	VND	VND	VND
<b>Shares</b>	<b>14,900,000,000</b>	<b>(13,885,000,000)</b>	<b>14,900,000,000</b>	<b>(13,885,000,000)</b>
- Petroleum Internal and External Equipment Joint Stock Company	14,600,000,000	(13,885,000,000)	14,600,000,000	(13,885,000,000)
- Others	300,000,000	-	300,000,000	-
	<u>14,900,000,000</u>	<u>(13,885,000,000)</u>	<u>14,900,000,000</u>	<u>(13,885,000,000)</u>

The Corporation has not determined the fair value of financial investments since Vietnamese Accounting Standards and Vietnamese Corporate Accounting System have not had any detailed guidance on the determination of the fair value.



c) Equity investments in associates

	Stock code	Address	30/06/2025			01/01/2025		
			Proportion of ownership	Proportion of voting rights	Book value according to the equity method	Proportion of ownership	Proportion of voting rights	Book value according to the equity method
			%	%	VND	%	%	VND
- Heerim-PVC International Design JSC		Hanoi	44.00	44.00	-	44.00	44.00	-
- Petroleum Interior Decoration JSC	PID	Hanoi	49.98	49.98	-	49.98	49.98	-
- PetroVietnam - Nghe An Construction Joint Stock Company	PVA	Nghe An	22.64	22.64	-	22.64	22.64	-
- Sai Gon Petroleum construction and investment Joint Stock Company	PSG	Ho Chi Minh city	24.72	24.72	-	24.72	24.72	-
- Duyen Hai Petro Construction Investment Joint Stock Company		Hai Phong	42.46	42.46	28,574,743,188	42.46	42.46	31,417,598,211
- Petroleum Link Communication and Trading Joint Stock Company (l)		Hanoi	97.22	35.00	558,228,629	97.22	35.00	790,931,300
- Petroleum Interior Decoration Joint Stock Company (PVC-HN)		Hanoi	35.83	35.83	-	35.83	35.83	-
- Petroleum Mechanical Executing And Assembly Joint Stock Company		Hanoi	40.00	40.00	-	40.00	40.00	-
- Thanh Hoa Petroleum Investment and Construction Joint Stock Company	PVH	Thanh Hoa	36.00	36.00	-	36.00	36.00	-
- Lam Kinh Hotel Joint Stock Company		Thanh Hoa	35.01	43.16	-	35.01	43.16	-
- Mien Trung Petroleum Construction JSC	PXM	Da Nang	48.27	48.27	-	48.27	48.27	-
					<b>29,132,971,817</b>	<b>32,208,529,511</b>		

(l) According to the assessment of the Board of Management of the Corporation, although the Corporation's ownership stake in Petroleum Link Communication and Trading Joint Stock Company (Petro-link) as at 30 June 2025 is 97%, this stake is temporary because other members have not yet contributed sufficient capital. The Corporation's ownership stake according to the Business Registration Certificate is 35%, and the Corporation does not have controlling interest in this company. Therefore, the Board of Management identified Petro-link as an associate and presented this investment as an investment in an associate.

As at 30 June 2025, the value of investments in associates was assessed by the Corporation using the equity method, based on the financial statements of the entities available at the nearest reporting date.

**Material transactions between the Corporation and the associates in the period:** Detailed in Note 42

d) Investments in other entities

	30/06/2025			01/01/2025		
	Original cost	Provision	Rate of voting rights	Original cost	Provision	Rate of voting rights
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ha Long Cement Joint Stock Company (ii)	147,300,000,000	(147,300,000,000)	7.58%	147,300,000,000	(147,300,000,000)	7.58%
- Petro Kinh Bac Investing And Construction JSC (ii)	23,500,000,000	(1,200,936,821)	15.67% (*)	23,500,000,000	(1,200,936,821)	15.67% (*)
- Vietnam Port and Infrastructure Construction Investment JSC (ii)	12,500,000,000	(1,488,246,800)	2.50%	12,500,000,000	(1,488,246,800)	2.50%
- Truong Son Investment Group Joint Stock Company (ii)	3,000,000,000	-	3.99%	3,000,000,000	-	3.99%
- Number 2 Petrovietnam Construction JSC (ii)	2,795,000,000	-	5.00%	2,795,000,000	-	5.00%
- Petro Vietnam Building Materials and Construction Joint Stock Company 4 (ii)	2,500,000,000	-	10.00%	2,500,000,000	-	10.00%
- Petrovietnam investment and construction - 3C Joint Stock Company (ii)	5,400,000,000	(5,400,000,000)	7.25%	5,400,000,000	(5,400,000,000)	7.25%
- Others (ii)	9,318,000,000	(4,231,833,881)		9,318,000,000	(4,231,833,881)	
	<b>206,313,000,000</b>	<b>(159,621,017,502)</b>		<b>206,313,000,000</b>	<b>(159,621,017,502)</b>	

(ii) As at 30 June 2025, the Corporation had investments in various companies with a total book value and total provision for these investments of approximately VND 206.31 billion and VND 159.62 billion. At the date of preparing these Consolidated Financial Statements, the Corporation has not yet collected the reviewed financial statements as of 30 June 2025 from these companies. Therefore, the Corporation has not fully assessed the decline in the value of the above investments. The Interim Consolidated Financial Statements do not include any adjustments that may be related to this issue.

As at 30 June 2025, the Corporation could not collect the Financial Statements of other investments, therefore, provision for financial investments were made base on the financial statements of previous years of these companies.

The Corporation has not determined the fair value of these financial investments since Vietnamese Accounting Standards and the Vietnamese Corporate Accounting System do not provide detailed guidance on determining fair value.



(\*) The investment in Petro Kinh Bac Investing and Construction Joint Stock Company ("PVC Kinh Bac") is VND 23.5 billion, consisting of two parts:

- An amount of VND 2.5 billion, representing capital contributed before 2010, accounting for 5% of PVC Kinh Bac's charter capital at that time, which was VND 50 billion;
- An amount of VND 21 billion, arising in 2010 from offsetting debts against the amount advanced by the Corporation to PVC Kinh Bac for construction contracts, when PVC Kinh Bac's charter capital was VND 150 billion. This amount was determined to have been used by PVC Kinh Bac to purchase 3,400 m<sup>2</sup> of land at plot No. 06, map sheet No. 20, Hamlet 1, Tam Dao town, Tam Dao district, Vinh Phuc province ("the Tam Dao land lot"). Subsequently, PVC Kinh Bac transferred the land to Mai Phuong Investment Company Limited ("Mai Phuong").

The verdict No. 412/2021/HSPT dated 29 September 2021 concluded:

- The advance of funds to PVC Kinh Bac was against regulations, therefore, the Tam Dao land lot must be returned to the Corporation;
- The Corporation's capital contribution ratio at PVC Kinh Bac will be resolved by the relevant parties. If required, it will be addressed in separate civil litigation.

On 1 June 2022, the Director of the Civil Judgment Enforcement Department of Hanoi issued Decision No. 905/QĐ-CTHSDS to execute the aforementioned judgment.

On 25 September 2024, the Corporation received the handover of the Land Use Rights for 3,400 m<sup>2</sup> at plot No. 06, map sheet No. 20, Hamlet 1, Tam Dao town, Tam Dao district, Vinh Phuc province from Mai Phuong Investment Company Limited.

On 27 June 2025, the Corporation was granted the Certificate of Land Use Rights and Ownership of Assets Attached to Land.

As of the date of preparation of the interim consolidated financial statement, the Corporation is carrying out procedures related to the assets on the Tam Dao land lot and is working with PVC Kinh Bac to re-determine the capital contribution ratio.

#### **Investments in other entities**

Detailed information about the investments in other entities as of 30 June 2025 is as follows:

Name of financial investments	Head office	Rate of interest	Rate of voting rights	Principal activities
Ha Long Cement Joint Stock Company	Quang Ninh	7.58%	7.58%	Manufacture of construction
Petro Kinh Bac Investing And Construction Joint Stock Company	Bac Ninh	15.67%	15.67%	Construction
Vietnam Port and Infrastructure Construction Investment Joint Stock Company	Hanoi	2.50%	2.50%	Construction
Truong Son Investment Group Joint Stock Company	Quang Tri	3.99%	3.99%	Construction
Number 2 Petrovietnam Construction Joint Stock Company	Ninh Binh	5.00%	5.00%	Construction
Petro Vietnam Building Materials and Construction Joint Stock Company 4	Hanoi	10.00%	10.00%	Construction
Petrovietnam investment and construction - 3C Join Stock Company	Hanoi	7.25%	7.25%	Construction

5 SHORT-TERM TRADE RECEIVABLES

	30/06/2025		01/01/2025	
	Value VND	Provision VND	Value VND	Provision VND
<b>Related parties</b>	<b>660,791,230,890</b>	<b>(157,219,916,726)</b>	<b>1,262,598,515,463</b>	<b>(157,219,916,726)</b>
Duyen Hai Petro Construction Investment JSC	1,259,134,326	-	1,259,134,326	-
Vietnam National Industry - Energy Group (PVN)	5,653,475,269	-	5,548,525,269	-
Thai Binh 2 Petroleum Power Project Management Board	280,552,850,791	-	881,154,608,947	-
Vietnam Petroleum Institute	35,900,754,233	(747,531,048)	36,963,772,960	(747,531,048)
Nghi Son Refinery and Petrochemical Complex Project	50,006,385,426	-	50,006,385,426	-
Hanoi Petroleum Construction JSC	91,619,056,480	(91,619,056,480)	91,619,056,480	(91,619,056,480)
Petroleum Mechanical Executing and Assembly JSC	23,113,811,922	(200,156,144)	23,291,878,505	(200,156,144)
Saigon Petroleum Construction and Investment JSC	27,858,853,155	(27,158,853,155)	27,858,853,155	(27,158,853,155)
Heerim-PVC International Design JSC	6,097,621,800	(1,518,493,750)	6,097,621,800	(1,518,493,750)
Mien Trung Petroleum Construction JSC	16,811,955	-	16,811,955	-
PetroVietnam - Nghe An Construction JSC	37,060,810,724	(23,330,868,807)	41,635,737,524	(23,330,868,807)
Thanh Hoa Petroleum Investment And Construction JSC	23,115,000	-	23,115,000	-
Petro Vietnam Engineering Consultancy JSC	532,785,009	(532,785,009)	532,785,009	(532,785,009)
PetroVietnam Gas Joint Stock Corporation	9,518,282,409	(9,518,282,409)	9,518,282,409	(9,518,282,409)
Petrovietnam Steel Pipe JSC	15,500,000,000	-	15,500,000,000	-
PetroVietnam Construction Land Corporation	366,052,500	(366,052,500)	366,052,500	(366,052,500)
Petro Vietnam Technical Services Corporation (PTSC)	15,000,550,992	-	16,235,738,266	-
PTSC Mechanical and Construction Limited Company	56,483,041,473	-	50,742,318,506	-
Vietnam Public Joint Stock Commercial Bank	2,000,000,002	-	2,000,000,002	-
PetroVietnam Low Pressure Gas Distribution JSC	62,166,603	(62,166,603)	62,166,603	(62,166,603)
Petroleum Internal and External Equipment JSC	2,165,670,821	(2,165,670,821)	2,165,670,821	(2,165,670,821)
<b>Others</b>	<b>362,333,383,815</b>	<b>(117,478,043,063)</b>	<b>400,661,881,729</b>	<b>(118,331,077,589)</b>
Viet Nam Machinery Installation Corporation - JSC	56,855,203,109	-	69,049,973,934	-
Other customers	305,478,180,706	(117,478,043,063)	331,611,907,795	(118,331,077,589)
	<b>1,023,124,614,705</b>	<b>(274,697,959,789)</b>	<b>1,663,260,397,192</b>	<b>(275,550,994,315)</b>



6 SHORT-TERM PREPAYMENTS TO SUPPLIERS

	30/06/2025		01/01/2025	
	Value VND	Provision VND	Value VND	Provision VND
<b>a) Short-term</b>				
<i>Related parties</i>	<b>263,575,778,518</b>	<b>(176,901,545,306)</b>	<b>263,575,778,518</b>	<b>(176,901,545,306)</b>
Petroleum Mechanical Executing and Assembly JSC	54,324,395,257	(26,196,864,426)	54,324,395,257	(26,196,864,426)
Heerim-PVC International Design JSC	229,674,800	(160,772,360)	229,674,800	(160,772,360)
Hanoi Petroleum Construction JSC	108,864,918,776	(108,864,918,776)	108,864,918,776	(108,864,918,776)
PetroVietnam - Nghe An Construction JSC	11,617,459,964	(11,617,459,964)	11,617,459,964	(11,617,459,964)
Petroleum Interior Decoration JSC	3,418,342,062	-	3,418,342,062	-
Mien Trung Petroleum Construction JSC	28,268,366,989	(26,744,518,395)	28,268,366,989	(26,744,518,395)
Southern Shipbuilding Industry Investment Development Co., Ltd	42,215,869,300	-	42,215,869,300	-
Petro Kinh Bac Investing And Construction JSC	14,556,466,443	(3,236,726,458)	14,556,466,443	(3,236,726,458)
Petro Vietnam Engineering Consultancy JSC	80,284,927	(80,284,927)	80,284,927	(80,284,927)
<i>Others</i>	<b>313,283,437,640</b>	<b>(142,254,652,296)</b>	<b>306,584,567,427</b>	<b>(134,263,221,795)</b>
Vietnam Port and Infrastructure Construction Investment JSC	120,028,310,242	(24,497,588,138)	113,386,879,741	(17,856,157,637)
Others	193,255,127,398	(117,757,064,158)	193,197,687,686	(116,407,064,158)
	<b>576,859,216,158</b>	<b>(319,156,197,602)</b>	<b>570,160,345,945</b>	<b>(311,164,767,101)</b>
<b>b) Long-term</b>				
Vietnam Port and Infrastructure Construction Investment JSC	-	-	6,641,430,501	(6,641,430,501)
Others suppliers	-	-	2,620,805,510	(2,444,337,557)
	-	-	<b>9,262,236,011</b>	<b>(9,085,768,058)</b>

**7 SHORT-TERM LOAN RECEIVABLES**

	01/01/2025		During the period		30/06/2025	
	Value	Provision	Increase	Decrease	Value	Provision
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Related parties</b>						
Lam Kinh Hotel JSC (i)	200,000,000,000	(124,356,150,003)	-	-	200,000,000,000	(124,356,150,003)
Saigon Petroleum Construction and Investment JSC (i)	128,357,292,532	(128,357,292,532)	-	-	128,357,292,532	(128,357,292,532)
PetroVietnam - Nghe An	16,321,991,226	(5,461,481,782)	-	-	16,321,991,226	(5,461,481,782)
Petroleum Internal and External Equipment JSC	10,997,669,735	(10,997,669,735)	-	-	10,997,669,735	(10,997,669,735)
	<b>355,676,953,493</b>	<b>(269,172,594,052)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>355,676,953,493</b>	<b>(269,172,594,052)</b>

- (i) The Corporation used the loan from Credit Contract No. 603/2011/11DTD-OCEANBANK-PVC dated 30 June 2011 signed with OceanBank (now renamed as Modern Bank of Vietnam Limited - MBV) to lend to Lam Kinh Hotel Joint Stock Company ("Hotel Lam Kinh") for the purpose of supporting its business capital.
- (ii) The Corporation used the loan from the Credit Contract No. 10/2010/HDTD-OCEANBANK-PVC dated 20 October 2010 between Ocean Commercial Joint Stock Bank (now renamed as Modern Bank of Vietnam Limited - MBV) and the Corporation to pay for the Sai Gon Petroleum Construction and Investment Joint stock Company and Nghe An Petroleum Construction Corporation Joint Stock Company for the transfer of shares;

According to Official Letter No.7697/2014/CV - Oceanbank dated 9 December 2014 of Oceanbank (now renamed as Modern Bank of Vietnam Limited - MBV), the time to pay the loans after being extended is 31 December 2017. As at the date of these Interim Consolidated Financial Statements, the Corporation is working with related parties to extend the payment period for loans at Modern Bank of Vietnam Limited - MBV. The Corporation is also working with the above companies to collect payments on behalf of or lend to have a source of payment for loans at Modern Bank of Vietnam Limited - MBV, in order to enhance the Corporation's solvency as well as to comply with regulations on corporate governance applicable to public companies.



**8 OTHER RECEIVABLES**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Value VND	Provision VND	Value VND	Provision VND
<b>a) Short-term</b>				
Receivables from interest	5,831,920,816	-	2,994,975,148	-
Dividends and profits receivable	6,750,990,000	(6,750,990,000)	6,750,990,000	(6,750,990,000)
Advance	48,470,741,344	(5,074,811,895)	48,314,987,793	(3,630,344,555)
Mortgages	4,150,270,801	-	4,158,250,243	-
Receivables from loan interest, capital support, late payment penalty	112,417,670,580	(27,733,568,215)	109,513,848,523	(27,733,568,215)
Receivables relating to guarantee obligations (i)	42,770,314,825	(42,328,848,975)	42,770,314,825	(42,328,848,975)
International arbitration fees without a ruling (ii)	4,889,875,320	-	4,889,875,320	-
Petroleum internal and External Equipment JSC	26,414,393,577	(26,414,393,577)	26,414,393,577	(26,414,393,577)
Receivables of construction teams	16,819,381,673	(16,819,381,673)	16,819,381,673	(16,819,381,673)
Surplus of bonus and welfare fund	4,917,824,644	(4,917,824,644)	4,917,824,644	(4,917,824,644)
Others	148,186,018,853	(67,178,407,643)	152,056,045,019	(67,530,631,035)
	<b>421,619,402,433</b>	<b>(197,218,226,622)</b>	<b>419,600,886,765</b>	<b>(196,125,982,674)</b>
<b>b) Long-term</b>				
Mortgages	23,851,920,501	-	23,954,471,912	-
Hop Thanh Investment and Mineral JSC	3,813,461,725	-	4,613,461,725	-
	<b>27,665,382,226</b>	<b>-</b>	<b>28,567,933,637</b>	<b>-</b>

	30/06/2025		01/01/2025	
	Value VND	Provision VND	Value VND	Provision VND
<b>c) In which: Other payables from related parties</b>				
- Saigon Petroleum Construction and Investment JSC	58,003,886,586	(3,778,366,082)	56,894,768,733	(3,778,366,082)
- Lam Kinh Hotel JSC	50,283,788,073	(6,138,310,290)	48,630,948,027	(6,138,310,290)
- Petroleum Mechanical Executing And Assembly JSC	6,840,056,555	(4,742,067,735)	6,840,056,555	(4,742,067,735)
- Heerim-PVC International Design JSC	5,360,238,712	(3,899,613,813)	5,360,238,712	(3,899,613,813)
- Petroleum Interior Decoration JSC	33,584,659,686	(33,584,659,686)	33,584,659,686	(33,584,659,686)
- Hanoi Petroleum Construction JSC	20,507,270,308	(8,125,138,911)	20,507,270,308	(8,125,138,911)
- Petro Vietnam Nghe An Construction JSC	2,583,751,546	-	2,441,887,388	-
- Vietnam National Industry - Energy Group (PVN)	2,008,154,052	(2,008,154,052)	2,008,154,052	(2,008,154,052)
- Thanh Hoa Petroleum Investment And Construction JSC	368,366,166	-	368,366,166	-
- Thai Binh 2 Petroleum Power Project Management Board	274,000,624	-	274,000,624	-
- Vietnam Petroleum Institute	124,742,000	-	124,742,000	-
- Mien Trung Petroleum Construction JSC	28,795,218,993	(28,795,218,993)	28,795,218,993	(28,795,218,993)
- Petro Vietnam Technical Services Corporation (PTSC)	1,669,212,234	-	1,669,212,234	-
- Vietnam Public Joint Stock Commercial Bank	1,916,027,273	-	1,920,077,263	-
	<b>212,319,372,808</b>	<b>(91,071,529,562)</b>	<b>209,419,600,741</b>	<b>(91,071,529,562)</b>

(i) Receivables from the performance of guarantee obligations are the amounts the bank has deducted from the Corporation's account to perform the guarantee obligations for the credit contracts that the Corporation has guaranteed (Detailed in Note 39).

(ii) This arbitration fee was paid to the Vietnam International Arbitration Center (VIAC) to facilitate the submission of a counterclaim against DL E&C Co., Ltd, related to Arbitration Case No. 05/24 VIAC between the Parent Company and DL E&C Co., Ltd (Note 17). On 31 May 2024, the Corporation submitted the counterclaim against DL E&C Co., Ltd to VIAC and paid the arbitration fee as per VIAC's notice, requesting the Arbitral Tribunal to resolve the Corporation's claims regarding DL E&C Co., Ltd's breaches during the execution of the EPS Contract. This arbitration fee will be allocated by the Arbitral Tribunal upon the issuance of the arbitration award.



## 9 DOUBTFUL DEBTS

Receivables that are overdue or not yet overdue but difficult to recover:

	30/06/2025		01/01/2025	
	Original cost	Recoverable value	Original cost	Recoverable value
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Trade receivables</b>	<b>327,343,984,785</b>	<b>52,646,024,996</b>	<b>328,178,418,416</b>	<b>52,627,424,101</b>
Hanoi Petroleum Construction JSC	91,619,056,480	-	91,619,056,480	-
Saigon Petroleum Construction and Investment JSC	27,158,853,155	-	27,158,853,155	-
Petroleum Mechanical Executing and Assembly JSC	23,112,242,922	22,912,086,778	23,291,878,505	23,091,722,361
PetroVietnam - Nghe An Construction JSC	25,401,643,107	2,070,774,300	25,401,643,107	2,070,774,300
Vietnam Port and Infrastructure Construction Investment JSC	29,273,930,682	-	29,273,930,682	-
Vinaconex 39 JSC	1,080,360,052	-	1,080,360,052	-
Truong Son Investment Group JSC	572,219,050	-	572,219,050	-
PetroVietnam Premier Recreation JSC	18,000,000,000	-	18,000,000,000	-
Petroleum Internal and External Equipment JSC	2,165,670,821	-	2,165,670,821	-
TID JSC	19,604,536,064	17,448,428,851	19,604,536,064	17,448,428,851
Others	89,355,472,452	10,214,735,067	90,010,370,500	10,016,498,589
<b>b) Prepayments to suppliers</b>	<b>353,958,546,730</b>	<b>34,802,349,128</b>	<b>355,052,884,287</b>	<b>34,802,349,128</b>
Vietnam Port and Infrastructure Construction Investment JSC	31,212,207,481	6,714,619,343	31,212,207,481	6,714,619,343
Hanoi Petroleum Construction JSC	108,864,918,776	-	108,864,918,776	-
Petrovietnam - Nghe An Construction Joint Stock Corporation	11,617,459,964	-	11,617,459,964	-
Petroleum Mechanical Executing and Assembly JSC	47,905,728,732	21,708,864,306	47,905,728,732	21,708,864,306
Mien Trung Petroleum Construction JSC	26,744,518,395	-	26,744,518,395	-
Vinaconex 39 JSC	34,069,058,988	1,057,959,818	34,069,058,988	1,057,959,818
Truong Son Investment Group JSC	29,923,230,049	100,965,000	29,923,230,049	100,965,000
Petroleum Construction 2 JSC	26,176,673,819	-	26,176,673,819	-
Others	37,444,750,526	5,219,940,661	38,539,088,083	5,219,940,661

	30/06/2025		01/01/2025	
	Original cost	Recoverable value	Original cost	Recoverable value
	VND	VND	VND	VND
<b>c) Loan receivable</b>	<b>355,676,953,493</b>	<b>86,504,359,441</b>	<b>355,676,953,493</b>	<b>86,504,359,441</b>
Lam Kinh Hotel JSC	200,000,000,000	75,643,849,997	200,000,000,000	75,643,849,997
Saigon Petroleum Construction and Investment JSC	128,357,292,532	-	128,357,292,532	-
Petrovietnam - Nghe An Construction Joint Stock Corporation	16,321,991,226	10,860,509,444	16,321,991,226	10,860,509,444
Petroleum Internal and External Equipment JSC	10,997,669,735	-	10,997,669,735	-
<b>d) Other short-term receivables</b>	<b>231,006,392,710</b>	<b>33,788,166,088</b>	<b>221,087,755,915</b>	<b>24,961,773,241</b>
Lam Kinh Hotel JSC	6,138,310,290	-	6,138,310,290	-
Mien Trung Petroleum Construction JSC	28,795,218,993	-	28,795,218,993	-
Viet Nam Port and Infrastructure Construction Investment JSC	163,889,314	-	163,889,314	-
Hanoi Petroleum Construction JSC	8,125,138,911	-	8,125,138,911	-
Sai Gon Petroleum construction and investment JSC	21,447,520,000	17,731,272,367	21,447,520,000	17,731,272,367
Petroleum Mechanical Executing and Assembly JSC	4,742,067,735	4,742,067,735	4,742,067,735	4,742,067,735
Vinaconex 39 JSC	103,192,384	-	103,192,384	-
Modern Bank of Vietnam Limited	42,328,848,975	-	42,328,848,975	-
PetroVietnam Premier Recreation JSC	5,575,990,000	-	5,575,990,000	-
Petroleum Internal and External Equipment JSC	33,584,659,686	-	33,584,659,686	-
Hasky JSC	1,796,348,696	-	2,196,348,696	-
Thien Phuc Gia Coporation	5,000,000,000	-	5,000,000,000	-
Others	73,205,207,726	11,314,825,986	62,886,570,931	2,488,433,139
	<b>1,267,985,877,718</b>	<b>207,740,899,653</b>	<b>1,259,996,012,111</b>	<b>198,895,905,911</b>



**10 INVENTORIES**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Original cost	Provision	Original cost	Provision
	VND	VND	VND	VND
Raw materials	6,265,952,008	(3,088,469,608)	6,465,655,339	(3,169,300,408)
Tools, supplies	4,701,208,153	(641,939,651)	4,920,179,637	(641,939,651)
Work in progress (i)	1,831,935,691,278	(117,696,318,891)	1,867,032,182,874	(104,607,633,381)
Goods (ii)	42,087,185,154	-	59,400,887,454	(11,410,834,208)
	<b><u>1,884,990,036,593</u></b>	<b><u>(121,426,728,150)</u></b>	<b><u>1,937,818,905,304</u></b>	<b><u>(119,829,707,648)</u></b>

(i) Detailed information of work in progress is as follows:

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Thai Binh 2 Thermal Power Plant	1,307,360,694,436	1,400,422,457,557
Vung Ang 1 Thermal Power Plant (*)	245,057,868,468	245,057,868,468
Apartment 33A, street 30/4, Vung Tau city (**)	32,986,594,500	32,986,594,500
Song Hau 1 Thermal Power Plant	109,184,185,760	109,132,879,549
Others	137,346,348,114	79,432,382,800
	<b><u>1,831,935,691,278</u></b>	<b><u>1,867,032,182,874</u></b>

(\*) The Corporation is a sub-contractor of the EPC general contractor of these constructions. As presented in Note 39 in the Notes to the Consolidated Financial Statements, due to changes in design and unit price, the Corporation is requesting the Owner, General Contractor and competent authorities to consider this provision adjustment to the unexpired value of the Vung Ang 1 Thermal Power Plant Project. The Consolidated Financial Statements do not include any adjustments that may be related to this matter.

(\*\*) This is the remaining work-in-progress cost of the construction item under the Commercial, Service - Office - and Apartment Complex project at 33A, 30/4 Street, Tam Thang Ward, Ho Chi Minh City. The project was completed and put into use in 2019; however, its final settlement has not yet been approved.

(ii) The value of inventory at 01 January 2025 and 30 June 2025 includes apartments from the Thai Binh Petroleum Hotel Apartment with a value of VND 36,302,881,834 owned by Thai Binh Petroleum Trading and Investment Joint Stock Company. The Corporation has not assessed the decline in value nor estimated the net realizable value of these properties and has decided not to make a provision for the corresponding inventory impairment.

**11 PREPAID EXPENSES**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>a) Short-term</b>		
Dispatched tools and supplies	981,251,571	2,739,278,366
Others	1,299,886,003	703,886,756
	<b><u>2,281,137,574</u></b>	<b><u>3,443,165,122</u></b>
<b>b) Long-term</b>		
Infrastructure rental at Sao Mai Ben Dinh port	75,995,871,462	77,108,006,166
Office rental	4,819,870,285	5,472,381,608
Dispatched tools and supplies	5,767,848,106	11,290,062,911
Property repair costs	3,609,067,577	5,680,032,353
Others	1,849,379,961	734,225,129
	<b><u>92,042,037,391</u></b>	<b><u>100,284,708,167</u></b>

12 TANGIBLE FIXED ASSETS

	Buildings, structures VND	Machinery, equipment VND	Vehicles, transportation VND	Office equipment VND	Total VND
<b>Historical cost</b>					
Beginning balance	1,195,965,028,491	292,882,481,565	110,421,257,838	27,704,982,081	1,626,973,749,975
Purchase in the period	-	241,640,000	1,340,911,515	-	1,582,551,515
Completed construction investment	1,661,699,665	-	-	-	1,661,699,665
Liquidation, disposal	-	(6,378,903,545)	(804,001,007)	(2,790,791,302)	(9,973,695,854)
Transfer to investment properties	(4,376,911,344)	-	-	-	(4,376,911,344)
<b>Ending balance of the period</b>	<b>1,193,249,816,812</b>	<b>286,745,218,020</b>	<b>110,958,168,346</b>	<b>24,914,190,779</b>	<b>1,615,867,393,957</b>
<b>Accumulated depreciation</b>					
Beginning balance	446,854,077,643	276,299,653,562	109,026,573,665	27,465,576,033	859,645,880,903
Depreciation in the period	14,022,488,288	4,540,959,956	81,251,687	72,841,950	18,717,541,881
Liquidation, disposal	-	(6,378,903,545)	(804,001,007)	(2,790,791,302)	(9,973,695,854)
Transfer to investment properties	(1,726,723,800)	-	-	-	(1,726,723,800)
<b>Ending balance of the period</b>	<b>459,149,842,131</b>	<b>274,461,709,973</b>	<b>108,303,824,345</b>	<b>24,747,626,681</b>	<b>866,663,003,130</b>
<b>Net carrying amount</b>					
Beginning balance	749,110,950,848	16,582,828,003	1,394,684,173	239,406,048	767,327,869,072
<b>Ending balance</b>	<b>734,099,974,681</b>	<b>12,283,508,047</b>	<b>2,654,344,001</b>	<b>166,564,098</b>	<b>749,204,390,827</b>

The carrying amount of tangible fixed assets pledged as collaterals for borrowings as at 30 June 2025 was VND 330,708,199,548 (as at 01 January 2025 was VND 374,037,139,512);

Cost of fully depreciated tangible fixed assets but still in use at 30 June 2025 is VND 391,569,505,388 (as at 01 January 2025 was VND 401,187,220,987).



### 13 INTANGIBLE FIXED ASSETS

	Land use rights	Manager software	Total
	VND	VND	VND
<b>Historical cost</b>			
Beginning balance (adjusted)	253,189,029,962	21,461,212,382	274,650,242,344
<b>Ending balance of the period</b>	<b>253,189,029,962</b>	<b>21,461,212,382</b>	<b>274,650,242,344</b>
<b>Accumulated depreciation</b>			
Beginning balance (adjusted)	2,411,211,376	20,230,168,919	22,641,380,295
Depreciation in the period	73,961,364	281,653,332	355,614,696
<b>Ending balance of the period</b>	<b>2,485,172,740</b>	<b>20,511,822,251</b>	<b>22,996,994,991</b>
<b>Net carrying amount</b>			
Beginning balance	250,777,818,586	1,231,043,463	252,008,862,049
<b>Ending balance</b>	<b>250,703,857,222</b>	<b>949,390,131</b>	<b>251,653,247,353</b>

Cost of fully amortized intangible fixed assets but still in use at 30 June 2025 is VND 19,571,292,382 (as at 01 January 2025 was VND 19,571,292,382).

### 14 INVESTMENT PROPERTIES

#### a) Investment properties held for lease

	Buildings	Total
	VND	VND
<b>Historical cost</b>		
Beginning balance	111,067,844,188	111,067,844,188
Increase due to conversion from tangible fixed assets	4,376,911,344	4,376,911,344
Decrease due to reclassification to inventory	(2,220,000,000)	(2,220,000,000)
<b>Ending balance of the period</b>	<b>113,224,755,532</b>	<b>113,224,755,532</b>
<b>Accumulated depreciation</b>		
Beginning balance	25,559,856,003	25,559,856,003
Depreciation in the period	1,025,835,288	1,025,835,288
Increase due to conversion from tangible fixed assets	1,726,723,800	1,726,723,800
Decrease due to reclassification to inventory	(111,000,000)	(111,000,000)
<b>Ending balance of the period</b>	<b>28,201,415,091</b>	<b>28,201,415,091</b>
<b>Net carrying amount</b>		
Beginning balance	85,507,988,185	85,507,988,185
<b>Ending balance</b>	<b>85,023,340,441</b>	<b>85,023,340,441</b>

Carrying amount of investment properties pledged as collaterals for borrowings as at 30 June 2025 is VND 56,305,500,356 (as at 01 January 2025 was VND 54,565,800,473).

Fair value of investment properties has not been appraised and determined exactly as at 30 June 2025. However, based on leasing activities and market prices of these assets, the Board of General Directors believes that the fair value of investment properties is higher than their carrying amount on the books at the end of period.

## 15 LONG-TERM ASSET IN PROGRESS

	30/06/2025		01/01/2025	
	Original cost	Recoverable value	Original cost	Recoverable value
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Long-term asset in progress</b>				
- Quang Trach 1 Thermal Power Plant Project (i)	25,781,820,546	12,890,910,273	25,781,820,546	12,890,910,273
- Dinh Vu Polyester Plant Project	25,759,325,212	9,162,306,880	25,759,325,212	9,162,306,880
- Long Phu Thermal Power Operation Center	12,180,083,636	800,000,000	12,180,083,636	800,000,000
- Others	7,522,744,186	1,811,134,827	7,922,605,745	2,210,996,386
	<b>71,243,973,580</b>	<b>24,664,351,980</b>	<b>71,643,835,139</b>	<b>25,064,213,539</b>

(i) According to Official Letter No. 1828/TTg-KTN dated 15 October 2016 of the Prime Minister on certain changes relating to thermal power projects under management of Quang Trach and Quynh Lap Power Centres, Vietnam Electricity will replace Vietnam Oil and Gas Group (now renamed as Vietnam National Industry - Energy Group) as the investor of the Quang Trach 1 Thermal Power Plant Project. As of the date of preparing these Consolidated Financial Statements, the Corporation is still in the process of working with relevant parties to finalize and settle the expenses incurred by the Corporation for the construction work performed on this project.

## b) Construction in progress

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Procurement of fixed assets</b>	<b>147,550,832</b>	<b>147,550,832</b>
- Procurement of fixed assets	147,550,832	147,550,832
<b>Construction in progress</b>	<b>111,925,723,131</b>	<b>113,303,806,575</b>
- Soai Rap Petroleum Service Industrial Project (ii)	103,182,526,261	103,182,526,261
- Petro Vietnam University Urban Area (iii)	3,883,984,985	3,883,984,985
- Tien Giang Petroleum Industrial Zone Project (iii)	1,835,100,923	1,835,100,923
- Tam Dao Land - Vinh Phuc	289,000,000	-
- Others (iii)	2,735,110,962	4,402,194,406
	<b>112,073,273,963</b>	<b>113,451,357,407</b>

(ii) This is the capital construction in progress of Soai Rap Petroleum Service Industrial Park Project (referred to as "the project") which the Corporation inherited and became the investor from Vietnam Oil And Gas Group (PVN) (now renamed as Vietnam National Industry - Energy Group) according to Decision No. 7089/QĐ-DKVN dated 12 August 2010 of the Board of Members of PVN.

On 22 August 2016, the Ministry of Finance issued Document No. 11704/BTC-TCDN to the People's Committee of Tien Giang Province and PVN to provide detailed instructions on the transfer of the above project from PVN to the People's Committee of Tien Giang Province.

According to Minutes No. 1421/BB-SKH&DT dated 31 July 2017 between the Project Acceptance Team and the People's Committee of Tien Giang Province, it was agreed to recognize the project value during the period of implementation by the Corporation as VND 143 billion.

On 01 October 2018, the Corporation signed Minutes of liquidation of the land lease contract with the Department of Natural Resources and Environment of Tien Giang province, handing over the land and the assets attached to the land to this agency.



On 28 February 2019, the Government Office issued Document No. 1630/VPCP-CN directing the Ministry of Planning and Investment, the Ministry of Justice, the Ministry of Natural Resources and Environment, the Ministry of Industry and Trade, the Committee for Management of State Capital at Enterprises to instruct the People's Committee of Tien Giang province and the project investor to settle the incurred expenses for the project investor due to the recovery of project land, ensuring compliance with the provisions of law, preventing the loss of state assets and safeguarding the rights and interests of the project investor.

Despite multiple directives from the Government, the relevant ministries have not yet provided an official plan to resolve and guide the reimbursement of expenses invested by the Corporation in the Soai Rap Oil and Gas Industrial Park project in Tien Giang province.

On 29 March 2021, the Corporation issued Document No. 426/XLDK-KHDT&TCC requesting to continue its role as the Investor of Soai Rap Petroleum Service Industrial Park Project in Tien Giang Province.

On 06 August 2021, the Ministry of Planning and Investment continued to send Document No. 5183/BKHDT-QLKKT proposing that the Prime Minister instructs the People's Committee of Tien Giang Province to conclusively resolve all issues related to the Project in 2021 in accordance with the law and regulations.

On 15 February 2022, the Government Office issued Document No. 964/VPCP-CN announcing the specific directive of Deputy Prime Minister Le Van Thanh, assigning the Ministry of Natural Resources and Environment to have specific opinions on the compliance with legal procedures and provisions of the Law on land recovery process for the project of the People's Committee of Tien Giang province. This will serve as a basis for considering whether the Corporation is entitled to compensation for assets on the project land.

As at the preparation date of the Consolidated Financial Statements, the project transfer process has not yet been completed. The Board of Management of the Corporation believes that the Corporation will fully recover the expenses incurred or be entrusted with the project for further implementation.

(iii) The Projects that have been suspended for several years have not yet been assessed by the Board of Management regarding their potential future economic benefits.

## 16 OTHER ASSETS

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Contribution to the investment of the Dolphin Plaza	-	26,233,304,440
Contribution to Long Son Riverside project (i)	12,897,200,000	12,897,200,000
	<b>12,897,200,000</b>	<b>39,130,504,440</b>

(i) The capital contribution under Business Cooperation Contract No. 20/2010/BCC/KT-PIVLS-PETROLAND-PVFC LAND dated 08 June 2010:

- Participants, contribution ratio, form, and schedule: The participating parties include IDICO Long Son Investment Joint Stock Company (IDICO Long Son), Khang Thong Construction Trading Service Joint Stock Company (Khang Thong), and Petroleum Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (PVC-IC - a subsidiary of the Corporation), with respective capital contribution ratios of 85%, 5%, and 10%.
- Purpose of business cooperation: Joint investment in and management of the "Long Son Riverside Apartment" project located at 1351 Huynh Tan Phat Street, Phu Thuan Ward, Ho Chi Minh City.
- Cooperation details: Business activities include the sale and leasing of apartment units, commercial center spaces, and other assets formed during the investment, operation, and business process of the project.
- Profit-sharing method: The parties share profits, bear losses, and assume business risks based on the business performance of the Operator (IDICO Long Son) and in proportion to their capital contribution ratio.

As of 30 June 2025: the project has completed construction, opened for sale and business with the apartment part, commercial center floor area. Up to now, because the project is stuck in legal procedures for converting land use purpose to long-term residential land, PVC-IC has not received the business division results from this Contract.



17 SHORT-TERM TRADE PAYABLES

	30/06/2025		01/01/2025 (Adjusted)	
	Outstanding balance	Amount can be paid	Outstanding balance	Amount can be paid
	VND	VND	VND	VND
<b>Related parties</b>	<b>409,424,320,380</b>	<b>409,424,320,380</b>	<b>410,901,334,379</b>	<b>410,901,334,379</b>
Duyen Hai Petro Construction Investment JSC	2,191,483,485	2,191,483,485	7,976,738,009	7,976,738,009
Mien Trung Petroleum Construction JSC	3,947,951,289	3,947,951,289	4,042,951,289	4,042,951,289
Thanh Hoa Petroleum Investment And Construction JSC	32,838,792,751	32,838,792,751	27,903,667,974	27,903,667,974
Vietnam National Industry - Energy Group (PVN)	177,259,565,265	177,259,565,265	177,207,065,265	177,207,065,265
Petrovietnam Exploration Production Corporation (PVEP) (i)	115,973,338,811	115,973,338,811	115,973,338,811	115,973,338,811
Petroleum Mechanical Executing And Assembly JSC	60,120,064,452	60,120,064,452	60,399,700,035	60,399,700,035
Hanoi Petroleum Construction JSC	14,987,074,805	14,987,074,805	15,291,823,474	15,291,823,474
Petro Vietnam Nghe An Construction JSC	2,106,049,522	2,106,049,522	2,106,049,522	2,106,049,522
<b>Others</b>	<b>2,800,722,774,426</b>	<b>2,800,722,774,426</b>	<b>2,856,132,575,553</b>	<b>2,844,037,304,732</b>
DL E&C Co., Ltd (iii)	1,044,419,642,304	1,044,419,642,304	1,044,419,642,304	1,044,419,642,304
Viet Nam Machinery Installation Corporation	207,108,219,700	207,108,219,700	206,781,647,084	206,781,647,084
Sojitz Corporation	111,744,046,642	111,744,046,642	111,744,046,642	111,744,046,642
Viet Nam Electricity	165,972,251,767	165,972,251,767	166,965,691,507	166,965,691,507
Boilermaster Vietnam Co.,Ltd	98,260,299,744	98,260,299,744	95,708,461,469	95,708,461,469
Ba Son Corporation - LLC	60,978,955,914	60,978,955,914	60,978,955,914	60,978,955,914
S-Tank Engineering Co.,Ltd	69,114,732,182	69,114,732,182	68,276,803,542	68,276,803,542
Others	1,043,124,626,173	1,043,124,626,173	1,101,257,327,091	1,089,162,056,270
	<b>3,210,147,094,806</b>	<b>3,210,147,094,806</b>	<b>3,267,033,909,932</b>	<b>3,254,938,639,111</b>
<b>Unpaid overdue payables</b>				
Others	438,015,215,900	438,015,215,900	557,350,620,505	557,350,620,505
	<b>438,015,215,900</b>	<b>438,015,215,900</b>	<b>557,350,620,505</b>	<b>557,350,620,505</b>

(i) The amount that Thai Binh Petroleum Trading and Investment Joint Stock Company (PVC Thai Binh - a subsidiary of the Corporation) was required to pay to PVEP regarding PVC Thai Binh's acceptance of transfer of the Thai Binh Petroleum Hotel Investment from PVEP (Detailed in Note 39).



(ii) On 25 January 2024, DL E&C Co., Ltd submitted a Statement of Claim to the Vietnam International Arbitration Center (VIAC), initiating a dispute related to EPS Contract No. 30/HDKT/2012/PVC-SDC dated 22 May 2012, between the Corporation (the main contractor) and DL E&C Co., Ltd (the subcontractor).

The subcontractor has requested the Arbitral Tribunal to review and decide on the following matters: the conditions for granting the Operational Acceptance Certificate (completion certificate) for the work performed under the contract have been satisfied; the warranty period for the equipment and services provided by the subcontractor has ended; the Corporation must settle the overdue debts amounting to USD 7.67 million and VND 287.3 million; the Corporation must refund the performance deposit for the EPS Contract, totaling USD 13.4 million and VND 532.9 million; the Corporation must return the retained amount for warranty obligations, totaling USD 20.05 million and VND 799.3 million; the costs incurred due to project delays amounting to USD 11.85 million; other related claims amounting to USD 6.23 million; and the estimated late payment penalty amounting to USD 17.81 million.

On 31 May 2024, the Corporation submitted a Statement of Defense against DL E&C Co., Ltd's Statement of Claim to VIAC, with the following key arguments: the Corporation does not recognize DL E&C Co., Ltd's legal standing to initiate the claim, disputes the Arbitral Tribunal's jurisdiction over the case, and rejects all claims made by DL E&C Co., Ltd.

On the same day, the Corporation also filed a Counterclaim with VIAC, requesting DL E&C Co., Ltd to compensate for damages resulting from breaches in the execution of the EPS Contract, with a total counterclaim value of VND 17,955.47 million and USD 36.64 million.

On 13 June 2024, VIAC issued Notice No. 1722/VIAC, informing that the Arbitral Tribunal had decided to hold a case management conference, scheduled for early August 2024.

On 14 September 2024, VIAC signed Document No. 2747/VIAC issuing a Procedural Directive ("PO No. 1") on behalf of the Court.

On 12 December 2024, VIAC conducted an online hearing attended by representatives of both the claimant and the respondent.

During the period, VIAC is working to collect testimony from witnesses. On 25 July 2025, DL E&C sent a letter of proposal to the Arbitration Council regarding the addition of a factual witness, Mr. Choi Ok Jin - the legal representative of DL E&C Co., Ltd.

Parallel to the arbitration proceedings at VIAC, the Corporation continues to engage in negotiations and mediation efforts with Daelim E&C to resolve the disputes amicably and urges the contractor to withdraw the aforementioned claims.

## 18 SHORT-TERM PREPAYMENTS FROM CUSTOMERS

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Related parties</b>	<b>82,778,475,899</b>	<b>82,778,475,899</b>
Vung Ang - Quang Trach Petroleum Power Project Management Board	82,778,475,899	82,778,475,899
<b>Others</b>	<b>141,323,781,793</b>	<b>149,463,983,138</b>
University of Petroleum Project Management Board	17,612,939,300	17,612,939,300
Viet Nam Machinery Installation Corporation - JSC	63,770,025,034	63,770,025,034
Others	59,940,817,459	68,081,018,804
	<b>224,102,257,692</b>	<b>232,242,459,037</b>

19 TAX AND OTHER PAYABLES TO THE STATE BUDGET

	Tax receivable at the beginning of year VND	Tax payable at the beginning of year VND	Tax payable in the period VND	Tax paid in the period VND	Tax receivable at the end of the period VND	Tax payable at the end of the period VND
Value-added tax	30,465,765	54,182,602,026	11,342,064,910	18,307,918,988	207,115,853	47,393,398,036
Export, import duties	19,254,703	-	-	-	19,254,703	-
Corporate income tax	34,516,789,923	2,596,625,299	135,967,835	-	34,380,822,088	2,596,625,299
Personal income tax	66,785,689	6,354,605,687	3,330,234,464	3,512,485,587	89,831,202	6,195,400,077
Land tax and land rental	-	16,796,024,496	5,752,333,972	12,748,365,324	34,671,345	9,834,664,489
Other taxes	-	767,032,930	6,221,167,379	3,951,547,548	-	3,036,652,761
Fees, charges and other payables	3,783,720	44,538,586,179	878,885,565	2,588,204,183	783,720	42,826,267,561
	<b>34,637,079,800</b>	<b>125,235,476,617</b>	<b>27,660,654,125</b>	<b>41,108,521,630</b>	<b>34,732,478,911</b>	<b>111,883,008,223</b>

The Corporation's tax settlements are subject to examination by the tax authorities. Because the application of tax laws and regulations on many types of transactions is susceptible to varying interpretations, amounts reported in the Consolidated Financial Statements could be changed at a later date upon final determination by the tax authorities.

20 ACCRUED EXPENSES

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Short-term		
Interest expense	213,592,502,025	200,381,246,911
Accrual of construction work	198,859,762,151	246,186,568,775
Other accrued expenses	8,616,159,817	6,587,059,906
	<b>421,068,423,993</b>	<b>453,154,875,592</b>
b) Long-term		
Accrual of construction work	115,497,608,588	115,497,608,588
	<b>115,497,608,588</b>	<b>115,497,608,588</b>
c) In which: Accrued expenses from related parties		
Vietnam Public Joint Stock Commercial Bank	136,004,478,199	121,694,660,523



**21 UNEARNED REVENUES**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>a) Short-term</b>		
Revenues from property leasing	4,757,449,020	6,249,109,721
	<b>4,757,449,020</b>	<b>6,249,109,721</b>
<b>b) Long - term</b>		
Revenues from property leasing (i)	49,908,331,269	50,632,252,045
Gains from sale of assets and sublease of financial	-	199,251,272
	<b>49,908,331,269</b>	<b>50,831,503,317</b>

(i) This includes VND 42,996,289,426, the balance of land rent received in advance from PetroVietnam Steel Pipe Joint Stock Company under Contract 01/HDTD/PVPIPE-PVC dated 01 November 2012 for a lease term of 588 months with a contract value of VND 46,818,181,818 at Soai Rap Industrial Park - Tien Giang province. The Corporation has allocated the lease payments up to December 2014 to revenue in the amount of VND 3,821,892,393. After December 2014, the project has been planned for handover to the People's Committee of Tien Giang province, which has not been completed yet (Detailed in note 15). Therefore, the Corporation has not yet resumed negotiations with the customer regarding the remaining balance of land lease payment.

**22 OTHER PAYABLES**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>a) Short-term</b>		
Surplus of assets awaiting resolution	17,130,137	17,130,137
Trade union fee	7,917,901,449	8,590,345,771
Social insurance	5,350,533,963	7,137,502,411
Health insurance	920,239,060	732,541,283
Unemployment insurance	516,232,833	485,828,275
Short-term deposits, collateral received	4,135,556,188	4,128,850,588
Dividends or profits payable	40,394,150,917	40,394,150,917
Interest expense	1,670,835,176	1,246,252,165
Provision for guarantee obligations (i)	137,942,779,492	137,942,779,492
Modern Bank of Vietnam Limited (ii)	177,674,072,491	172,784,334,551
Vietnam National Industry - Energy Group (iii)	54,098,464,510	54,098,464,510
PetroVietnam Gas Joint Stock Corporation (iv)	56,212,500,000	56,212,500,000
Payable for condominium maintenance fee	10,783,753,530	10,249,210,378
Aid Funds	4,128,361,961	3,876,584,784
Others	74,452,352,378	84,559,547,037
	<b>576,214,864,085</b>	<b>582,456,022,299</b>
<b>b) Long-term</b>		
Long-term deposits, collateral received	2,897,706,650	2,873,199,868
Other payables	50,000,000	50,000,000
	<b>2,947,706,650</b>	<b>2,923,199,868</b>

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>c) Unpaid overdue payables</b>		
- Payables to the insurance agency	2,438,782,637	12,378,319,651
- Dividends or profits payable	40,357,947,640	42,451,440,707
- Payables for Petroleum assistance funds	1,607,595,962	1,334,818,785
	<b>44,404,326,239</b>	<b>56,164,579,143</b>
<b>d) In which: Other payables to related parties</b>		
- Vietnam Oil and Gas Group	54,098,464,510	54,098,464,510
- PetroVietnam Gas Joint Stock Corporation	56,212,500,000	56,212,500,000
- Vietnam Petroleum Institute	2,698,186,687	2,698,186,687
- Camau Gas Power Fertilizer Project Management	8,697,686,626	8,697,686,626
- Mien Trung Petroleum Construction JSC	667,975,776	667,975,776
- Hanoi Petroleum Construction JSC	14,715,555	14,715,555
	<b>122,389,529,154</b>	<b>122,389,529,154</b>

(i) As at 30 June 2025, the provision for guarantee obligations was as presented in Note 39.

(ii) Interest payable to Ocean Commercial Bank Limited (Oceanbank – now renamed as Modern Bank of Vietnam Limited) includes interest expense of the Corporation and interest expense that the Corporation will collect from companies that the Corporation has paid or lent under capital support contracts (detailed in Note 07) to pay OceanBank. According to Resolution No. 7548/NQ-DKVN dated 29 October, 2014 of the Members' Council of Vietnam Oil and Gas Group (now renamed as Vietnam National Industry - Energy Group) and according to Official Letter No. 7697/2014/CV-OceanBank dated 9 December 2014 of OceanBank, the payment deadline of these amounts has been extended to 31 December 2017 and the loan interest rate has been reduced to 1%/year from 01 January 2015 as presented in Note 24. From 01 January 2018, the loan has been subject to an overdue interest rate equal to 150% of the current interest rate. As at the date of these Consolidated Financial Statements, the Corporation is looking for solutions to pay the overdue loan interest payable.

(iii) The payable to Vietnam National Industry - Energy Group is the amount that supported the Corporation to pay for contractors of the Soai Rap - Tien Giang Petroleum Service Industrial Zone Project.

(iv) The payable to PetroVietnam Gas Joint Stock Corporation is related to the transfer of investor status to PetroVietnam Urban Development Joint Stock Company (a subsidiary of the Corporation) in the Bac Lieu Tower project. PetroVietnam Urban Development Joint Stock Company is obligated to pay this amount to PetroVietnam Gas Joint Stock Corporation according to the contract signed on 12 August 2010.

## 23 PROVISIONS FOR PAYABLES

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>a) Short-term</b>		
Provision for construction warranty	5,911,574,700	-
	<b>5,911,574,700</b>	<b>-</b>
<b>b) Long-term</b>		
Provision for construction warranty	4,866,914,044	10,778,488,744
	<b>4,866,914,044</b>	<b>10,778,488,744</b>



## 24 BORROWINGS AND FINANCE LEASE LIABILITIES

	01/01/2025		During the period		30/06/2025	
	Outstanding balance	Amount can be paid	Increase	Decrease	Outstanding balance	Amount can be paid
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Short-term borrowings (i)</b>						
Short-term debts	53,826,410,130	53,826,410,130	14,728,000,000	30,972,580,000	37,581,830,130	37,581,830,130
Current portion of long-term debts	640,965,237,122	640,965,237,122	12,600,000,000	-	653,565,237,122	653,565,237,122
	<u>694,791,647,252</u>	<u>694,791,647,252</u>	<u>27,328,000,000</u>	<u>30,972,580,000</u>	<u>691,147,067,252</u>	<u>691,147,067,252</u>
<b>b) Long-term borrowings</b>						
Long-term debts (ii)	664,965,237,122	664,965,237,122	3,200,000,000	-	668,165,237,122	668,165,237,122
	<u>664,965,237,122</u>	<u>664,965,237,122</u>	<u>3,200,000,000</u>	<u>-</u>	<u>668,165,237,122</u>	<u>668,165,237,122</u>
Amount due for settlement within 12 months	(640,965,237,122)	(640,965,237,122)	(12,600,000,000)	-	(653,565,237,122)	(653,565,237,122)
Amount due for settlement after 12 months	<u>24,000,000,000</u>	<u>24,000,000,000</u>			<u>14,600,000,000</u>	<u>14,600,000,000</u>
<b>c) Overdue borrowings and finance lease liabilities</b>						
	30/06/2025		01/01/2025			
	Principal	Interest	Principal	Interest		
	VND	VND	VND	VND		
- Modern Bank of Vietnam Limited	575,670,157,122	177,674,072,491	575,670,157,122	172,784,334,551		
- Vietnam Public Joint Stock Commercial Bank	61,655,910,130	136,004,478,199	62,562,090,130	121,694,660,523		
	<u>637,326,067,252</u>	<u>313,678,550,690</u>	<u>638,232,247,252</u>	<u>294,478,995,074</u>		

(i) Detailed information on Short-term borrowings and Current portion of long-term debts:

	Currency	Interest Rate	Maturity	Loan purpose	Guarantee	30/06/2025	01/01/2025
						VND	VND
<b>Short-term borrowings</b>						<b>37,581,830,130</b>	<b>53,826,410,130</b>
<i>Related parties</i>						<b>19,860,830,130</b>	<b>20,767,010,130</b>
Vietnam Public Joint Stock Commercial Bank	VND	Floating	8 months	Supplementing working capital for business activities	Unsecured	19,860,830,130	20,767,010,130
<i>Others</i>						<b>17,721,000,000</b>	<b>33,059,400,000</b>
Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam	VND	Floating	11 months	Supplement working capital, guarantee to open LC	Secured	-	9,336,400,000
Others	VND	(*)	1 year	Supplementing working capital for business activities	Unsecured	17,721,000,000	23,723,000,000
<b>Current portion of long-term debts</b>						<b>653,565,237,122</b>	<b>640,965,237,122</b>
						<b>691,147,067,252</b>	<b>694,791,647,252</b>

Loans from banks and other credit institutions are secured by the mortgage contract/ collaterals/ guarantee with the lender and fully registered as secured transactions.

(\*) Other loans are personal loans with interest rates from 0% to 12%.



(ii) Detailed information on Long-term borrowings:

	Currency	Interest Rate	Date due	Loan purpose	Guarantee	30/06/2025	01/01/2025
						VND	VND
<b>Related parties</b>							
Vietnam Public Joint Stock Commercial Bank							
- Contract No. 02/2015/HDDHMPVB-CNTB dated 04 June 2015	VND	Floating	Year 2017	Offsetting the investment capital of Thai Binh Petroleum Hotel	Unsecured	89,295,080,000 89,295,080,000	89,295,080,000 89,295,080,000
<b>Others</b>							
Modern Bank of Vietnam Limited (*)							
- Contract No. 803/2011/HDTD-Oceanbank-PVC dated 20/10/2010	VND	4.90%	Year 2017	Investment in Lam Kinh Hotel Joint Stock Company	Unsecured	578,870,157,122 200,000,000,000	575,670,157,122 200,000,000,000
- Contract No. 602/2011/HDTD-Oceanbank-PVC dated 30/06/2011	VND	4.90%	Year 2017	Investment in Thai Binh Petroleum Investment and Trading Joint Stock Company	Unsecured	65,000,000,000	65,000,000,000
- Contract No. 10/2010/HDTD-Oceanbank-PVC dated 30/06/2011	VND	5.50%	Year 2017	Payment and offsetting of investment payment received from PVFC under the Purchase and Sale Contract/Transfer Contract	Unsecured	310,670,157,122	310,670,157,122
- Personal loan	VND	11%-12%		Supplement working capital to serve production and business activities	Unsecured	3,200,000,000	-
Amount due for settlement within 12 months						<u>668,165,237,122</u> (653,565,237,122)	<u>664,965,237,122</u> (640,965,237,122)
Amount due for settlement after 12 months						<u>14,600,000,000</u>	<u>24,000,000,000</u>

Loans from banks and other credit institutions are secured by the mortgage contract/ collaterals/ guarantee with the lender and fully registered as secured transactions.

(\*) According to Resolution No. 7548/NQ-DKVN dated 29 October 2014 of PVN's Board of Directors (now renamed as Vietnam National Industry - Energy Group) and OceanBank's Official Letter No. 7697/2014/CV-OceanBank dated 09 December 2014 (now renamed as Modern Bank of Vietnam Limited), the deadline for loans from Modern Bank of Vietnam Limited has been extended until 31 December 2017. The interest rate applicable to the loans from the time interest was overdue until 31 December 2014 was 2.4% per year, and 1% per year from 01 January 2015. From 01 January 2018, overdue loans bear interest at 150% of the in-term interest rate. At the date of preparing these Consolidated financial statements, the Corporation is actively seeking solutions to repay the principal amounts of these overdue loans.

25 OWNER'S EQUITY

a) Changes in owner's equity

	Contributed capital	Share premium	Other capital	Treasury shares	Development and investment funds	Other reserves	Retained earnings	Non-Controlling Interests	Total
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Beginning balance of previous year (adjusted)	4,000,000,000,000	6,831,719,482	22,681,220,411	(29,720,195)	150,859,427,814	233,648,426	(4,014,386,374,347)	342,885,466,816	508,875,388,407
Loss for previous period	-	-	-	-	-	-	(67,067,121,586)	(4,772,510,664)	(71,839,632,250)
Other decrease	-	-	-	-	-	-	787,151,048	(346,451,048)	440,700,000
Ending balance of previous period (adjusted)	4,000,000,000,000	6,831,719,482	22,681,220,411	(29,720,195)	150,859,427,814	233,648,426	(4,080,666,344,885)	337,566,505,104	437,476,456,157
Beginning balance of current year (adjusted)	4,000,000,000,000	6,831,719,482	22,681,220,411	(29,720,195)	150,859,427,814	233,648,426	(4,007,465,599,328)	338,138,054,934	511,248,761,544
Profit/ loss for this period	-	-	-	-	-	-	(14,669,644,951)	6,950,943,313	(7,718,701,638)
Ending balance of this period	4,000,000,000,000	6,831,719,482	22,681,220,411	(29,720,195)	150,859,427,814	233,648,426	(4,022,135,234,279)	345,088,998,247	503,530,059,906



**b) Details of Contributed capital**

	<u>30/06/2025</u>	<u>Rate</u>	<u>01/01/2025</u>	<u>Rate</u>
	<u>VND</u>		<u>VND</u>	
Vietnam National Industry - Energy Group	2,178,733,330,000	54.47%	2,178,733,330,000	54.47%
Others	1,821,266,670,000	45.53%	1,821,266,670,000	45.53%
<b>Total</b>	<b><u>4,000,000,000,000</u></b>	<b><u>100%</u></b>	<b><u>4,000,000,000,000</u></b>	<b><u>100%</u></b>

**c) Capital transactions with owners and distribution of dividends and profits**

	<u>The first 6</u>	<u>The first 6</u>
	<u>months of 2025</u>	<u>months of 2024</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Owner's contributed capital</b>		
- At the beginning of the year	4,000,000,000,000	4,000,000,000,000
- At the end of the period	4,000,000,000,000	4,000,000,000,000

**d) Share**

	<u>30/06/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Quantity of Authorized issuing shares	400,000,000	400,000,000
Quantity of issued shares	400,000,000	400,000,000
- Common shares	400,000,000	400,000,000
Quantity of shares repurchased (Treasury shares)	2,971	2,971
- Common shares	2,971	2,971
Quantity of outstanding shares in circulation	399,997,029	399,997,029
- Common shares	399,997,029	399,997,029
Par value per share: VND 10,000 / share		

**e) Company's reserves**

	<u>30/06/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Development and investment funds	150,859,427,814	150,859,427,814
Other reserves	233,648,426	233,648,426
	<b><u>151,093,076,240</u></b>	<b><u>151,093,076,240</u></b>

**26 OFF STATEMENT OF FINANCIAL POSITION ITEMS AND OPERATING LEASE COMMITMENT**

**a) Foreign currencies**

	<u>30/06/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
USD	29,550,746.12	7,365,086.17

**b) Doubtful debts written-off**

	<u>30/06/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doubtful debts written-off	11,112,006,001	11,112,006,001

**27 TOTAL REVENUE FROM SALES OF GOODS AND RENDERING OF SERVICES**

	The first 6 months of 2025 VND	The first 6 months of 2024 VND
Revenue from sale of goods	74,306,982,362	-
Revenue from rendering of services	91,104,235,601	25,438,864,727
Revenue from construction contracts	649,789,835,078	439,490,884,299
Revenue from real estate transfer	9,014,619,964	-
Other revenue	8,200,532,957	13,341,317,354
	<b>832,416,205,962</b>	<b>478,271,066,380</b>
Revenue deductions	-	-
<b>Net revenue from sales of goods and rendering of</b>	<b>832,416,205,962</b>	<b>478,271,066,380</b>
In which: Revenue from related parties (Detailed in Note 42)	266,315,923,130	362,819,482,096

**28 COST OF GOODS SOLD**

	The first 6 months of 2025 VND	The first 6 months of 2024 VND
Cost of goods sold	68,790,554,323	-
Cost of services rendered	82,291,905,390	22,253,733,424
Cost of construction contracts	604,915,003,157	444,729,035,360
Expenses of sales of investment properties	7,047,860,604	-
Provision for devaluation of inventories	1,597,020,502	(22,217,874,702)
Others	18,360,536,017	11,785,407,922
	<b>783,002,879,993</b>	<b>456,550,302,004</b>

**29 FINANCIAL INCOME**

	The first 6 months of 2025 VND	The first 6 months of 2024 VND
Interest income	7,485,776,994	6,689,708,406
Gains on exchange difference in the period	11,811,809,629	4,527,514,774
Gains on exchange difference at the period-end	2,900,452,733	4,898,084,010
Other financial income	7,670,000,233	-
	<b>29,868,039,589</b>	<b>16,115,307,190</b>



**30 FINANCIAL EXPENSES**

	The first 6 months of 2025 VND	The first 6 months of 2024 VND
Interest expenses	17,244,263,315	19,425,842,282
Loss on exchange difference in the period	827,990,526	13,517,677,289
Loss on exchange difference at the period-end	1,034,798,350	14,436,314,808
Other financial expenses	2,892,508,331	2,415,505,339
	<b>21,999,560,522</b>	<b>49,795,339,718</b>
In which: Financial expenses paid to related parties (Detailed in Note 42)	14,309,817,676	2,146,395,040

**31 GENERAL AND ADMINISTRATIVE EXPENSE**

	The first 6 months of 2025 VND	The first 6 months of 2024 VND
Raw materials	383,749,895	358,770,792
Labour expenses	38,427,660,110	39,546,756,742
Tools, instruments and supplies expenses	485,409,139	405,902,533
Depreciation expenses	1,737,339,523	1,784,513,229
Tax, Charge, Fee	4,303,081,968	2,974,632,112
Provision expenses/ (Reversal) of provision expenses	(855,128,135)	(1,783,248,482)
Expenses of outsourcing services	8,700,574,023	7,577,744,520
Other expenses in cash	8,376,850,509	10,223,916,790
	<b>61,559,537,032</b>	<b>61,088,988,236</b>
In which: Expenses purchased from related parties (Detailed in Note 42)	302,166,930	117,600,000

**32 OTHER INCOME**

	The first 6 months of 2025 VND	The first 6 months of 2024 VND
Gain from liquidation, disposal of fixed assets	961,863,636	448,090,909
Income from unpayable commission	4,709,306,464	2,056,082,615
Income from compensation	183,365,297	444,318,134
Others	1,014,538,997	2,762,136,946
	<b>6,869,074,394</b>	<b>5,710,628,604</b>

**33 OTHER EXPENSES**

	The first 6 months of 2025	The first 6 months of 2024
	VND	VND
Interest on late payment of tax and insurance	440,650,157	1,144,418,965
Fines	1,607,406,503	2,119,595,591
Others	345,372,439	442,452,012
	<b>2,393,429,099</b>	<b>3,706,466,568</b>
In which: Other expenses from related parties (Detailed in Note 42)	707,718,727	-

**34 CURRENT CORPORATE INCOME TAX EXPENSES**

	The first 6 months of 2025	The first 6 months of 2024
	VND	VND
Current corporate income tax expense in parent	-	-
Current corporate income tax expense in subsidiaries	135,967,835	-
- Binh San Petroleum Construction JSC	135,967,835	-
<b>Total current corporate income tax expense</b>	<b>135,967,835</b>	<b>-</b>

**35 DEFERRED INCOME TAX**

**a) Deferred income tax assets**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Corporate income tax rate used to determine deferred income tax assets	20%	20%
Deferred income tax assets related to deductible temporary differences	17,039,958,961	18,801,350,080
	<b>17,039,958,961</b>	<b>18,801,350,080</b>

**b) Deferred corporate income tax expense**

	The first 6 months of 2025	The first 6 months of 2024
	VND	VND
Deferred CIT expense relating to reversal of deferred income tax assets	1,761,391,119	(226,438,952)
	<b>1,761,391,119</b>	<b>(226,438,952)</b>



**36 BASIC EARNINGS PER SHARE**

Basic earnings per share distributed to common shareholders of the Company are calculated as follows:

	The first 6 months of 2025	The first 6 months of 2024
	VND	VND
Net profit after tax	(14,669,644,951)	(67,067,121,586)
Profit distributed to common shares	(14,669,644,951)	(67,067,121,586)
Average number of outstanding common shares in circulation	399,997,029	399,997,029
<b>Basic earnings per share</b>	<b>(37)</b>	<b>(168)</b>

The Corporation has not planned to allocate the Bonus and Welfare Fund or the Management Bonus Fund from the after-tax profit at the time of preparing the interim consolidated financial statements.

As at 30 June 2025, the Corporation does not have shares with dilutive potential for earnings per share.

**37 BUSINESS AND PRODUCTIONS COST BY ITEMS**

	The first 6 months of 2025	The first 6 months of 2024
	VND	VND
Raw materials	76,668,582,201	91,530,240,859
Labour expenses	164,718,646,585	126,249,653,578
Tools, instruments and supplies	695,786,700	1,198,208,527
Depreciation expenses	20,688,828,109	21,344,079,540
Taxes, fees and charges	2,772,974,541	2,628,368,793
Provisions	(855,128,135)	(1,783,248,482)
Expenses of outsourcing services	418,886,917,270	212,809,221,639
Other expenses in cash	21,180,204,045	12,852,358,150
	<b>704,756,811,316</b>	<b>466,828,882,604</b>

**38 ADDITIONAL INFORMATION FOR THE ITEMS OF THE INTERIM CONSOLIDATED STATEMENT OF CASH FLOWS**

**a) Proceeds from borrowings during the period**

	The first 6 months of 2025	The first 6 months of 2024
	VND	VND
Proceeds from ordinary contracts	17,928,000,000	63,238,846,533

**b) Actual repayments on principal during the period**

	The first 6 months of 2025	The first 6 months of 2024
	VND	VND
Repayment on principal from ordinary contracts	30,972,580,000	48,236,791,110

### 39 CONTINGENCIES

#### a) Guarantees for borrowings

As at 30 June 2025, the Corporation had guarantees for overdue loans taken by other companies from credit institutions, specifically as follows:

Guaranteed unit	Guarantor institution	Guarantee period	Guarantee balance at the end of the period VND	Overdue loan balance at the end of the period VND	Provision for end-of-term liabilities VND
Hanoi Petroleum Construction Company Limited	Vietnam International Bank - Head Office	From 31/12/2011 to 30/04/2012	73,668,464,073	73,668,464,073	73,668,464,073
Petroleum Machine Executing Company Limited	Fortune Vietnam Joint Stock Commercial Bank - Dong Do Branch	From 01/01/2012 to 30/06/2012	49,961,348,093	49,961,348,093	49,961,348,093
Petroleum Machine Executing Company Limited	Vietnam Public Joint Stock Commercial Bank - Head Office	From 26/07/2011 to 26/07/2012	14,312,967,325	14,312,967,325	14,312,967,325
Sai Gon Petroleum Construction And Investment JSC (PVC-SG) (*)	Modern Bank of Vietnam Limited - Sai Gon Branch	From 31/12/2011 to 30/08/2012	17,103,570,845	17,103,570,845	-
			<b>155,046,350,336</b>	<b>155,046,350,336</b>	<b>137,942,779,491</b>

The Corporation, as a guarantor, has committed to pay the creditors the amounts equal to the value of the relevant letters of guarantee plus any interest, penalties and other financial obligations incurred (if any) immediately after receiving the first request document accompanied with the records proving that the guaranteed entities fail to perform, or inadequately perform, repayment obligations (if any). Accumulated to 30 June 2025:

- Credit institutions have deducted approximately VND 91 billion from the Corporation's deposit accounts for fulfilment of its guarantee obligations;
- Guaranteed entities have repaid the Corporation approximately VND 49 billion out of the amount as mentioned above.
- Thus, the outstanding balance of receivables relating to guarantee obligations as at 30 June 2025 is approximately VND 42.8 billion (detailed in Note 08).

Following the recommendations of the State Audit Office stated in the Audit Report for the year 2014 dated 10 March 2016, the Corporation made provision for all payable liabilities in respect of these guarantees in the separate financial statements (check lai tìeng viet) for the year ended 31 December 2014. At the reporting date of these Consolidated financial statements, the guaranteed companies were still working with credit institutions about the extension of the repayment term. The Corporation was still working with guaranteed companies and credit institutions to release its guarantee obligations in order to enhance the solvency of the Corporation.

(\*) In 2016, the Corporation reviewed all of its letters of guarantee and assessed that its obligation under the guarantee for Saigon Petroleum Construction and Investment Joint Stock Company (PVC-SG) to borrow from Ocean Commercial Joint Stock Bank - Saigon Branch (after that is OceanBank - Saigon Branch, and now renamed as Modern Bank of Vietnam Limited - Saigon Branch) has changed. The Provision Appraisal Council of the Corporation assessed and agreed to reverse the provision that had been made for the Corporation's obligation under the said letter of guarantee for PVC-SG's loan from Modern Bank of Vietnam Limited - Saigon Branch with the amount of approximately VND 99.9 billion; the provision reversal reduces the Corporation's financial expenses for 2016.



On 18 August 2016, PVC-SG sent Official Letter No. 58/XLDSG to the Corporation to report some contents related to the collateral for the entrusted loan and the situation of working with Oceanbank. Accordingly, on 10 August 2016, Oceanbank - Saigon Branch sent to PVC-SG Official Letter No. 784/2016/CV-CNSG replying to the debt settlement plan of PVC-SG. In this Official Letter, Oceanbank - Saigon Branch approved for PVC-SG to carry out a business investment plan for the Urban Development Project of Areas 2 and 3, Ward 5, Vi Thanh City, Hau Giang Province (Vi Thanh Project) as well as to partially disburse collateral for PVC-SG to sell goods/assets to create a source of repayment for Oceanbank and PVC-SG to pay all outstanding principal (approximately VND 148 billion).

As at 30 June 2025, PVC-SG has paid back VND 131 billion out of VND 148 billion of principal; At the same time, PVC-SG performed quite well the debt repayment plan proposed by Oceanbank - Saigon Branch. The Board of Management assesses that the payable obligations of the Parent Company - the Corporation for the guarantee will not incur because PVC SG is able to make payment to Oceanbank (now renamed as Modern Bank of Vietnam – MBV).

**b) Payment guarantee**

On 29 December 2010, the Holding Company signed Guarantee Agreement No. 0112/2010/HDBL.TT-PVCTB with Thai Binh Petroleum Tourism Company Limited (currently known as Thai Binh Petroleum Trading and Investment Joint Stock Company (PVC Thai Binh - a subsidiary of the Corporation)) and issued a letter of guarantee for the payment by this company with the guaranteed value of approximately VND 111.8 billion. Accordingly, the Holding Company guaranteed that PVC Thai Binh would fulfil all of its obligations to PetroVietnam Exploration Production Corporation (PVEP) in a timely manner in accordance with the agreement dated 28 December 2010 on the transfer of Thai Binh Petroleum Hotel construction project between PVEP and PVC Thai Binh. The letter of guarantee takes effect from the signing date until the time PVC Thai Binh fulfils all of its obligations to PVEP in accordance with the above transfer agreement.

In 2016, the Holding Company received a document from PVEP requesting the Holding Company to fulfil its guarantee obligation. The Board of Management of the Corporation assesses that such obligation will not be incurred since PVC Thai Binh is able to fulfil its payment obligation to PVEP.

**c) Conclusion of the Government Inspectorate**

The Corporation is the contractor of Northern ethanol biofuel factory construction project and Dinh Vu polyester manufacturing plant construction project.

On 24 November 2016, the Government Inspectorate issued Announcement No. 3129/TB-TTCTP about the conclusion of the inspection of the biofuel projects funded by Vietnam Oil and Gas Group (now renamed as Vietnam National Industry - Energy Group) and its subsidiaries. Accordingly, the Government Inspectorate proposed that the Corporation should be responsible for the economic loss to the project owner as a result of the breach of EPC Contract on the construction of Northern ethanol biofuel factory.

On 24 November 2016, the Government Inspectorate issued the Announcement No. 3130/TB-TTCTP about the conclusion of the inspection of the construction of Dinh Vu polyester manufacturing plant. According to the Government Inspectorate:

- The acceptance value of the work performed by the Corporation should be reduced by approximately VND 46.8 billion due to the Corporation's violation of the Ordinance on Foreign exchange when signing contract;
- The acceptance value of the work performed by the Corporation under the EPC contract should be reduced by approximately VND 8.1 billion and USD 23 thousand due to duplication of the same acceptance value and the acceptance of some work volume incurred not in accordance with regulations.

The Corporation's Board of Management assessed that the Announcements of the Government Inspectorate as mentioned above are applicable to the owners of the projects to whom the Corporation is a related party under relevant economic contracts. As at the reporting date, the Corporation was still working with the projects' owners and the Government Inspectorate on the above conclusions of the Government Inspectorate.



In 2022, the Corporation received the conclusion of the Government Inspectorate No. 2090/KL-TTCT dated 23 November 2022 on the observance of policies and laws in production and business activities of the Corporation during the period 2008-2013. The Corporation has been coordinating with relevant parties to implement the recommendations of the Government Inspector in accordance with the above document.

**d) Other contingent liabilities**

At the reporting date of these Consolidated Financial Statements, the Corporation and its subsidiaries had certain litigation cases related to their receivables, payables, borrowings and contingent liabilities relating to value added tax and penalties for late payment of tax on revenue generated but not yet billed. The outcomes of these litigation cases could not be determined.

**e) Petroleum Equipment Assembly and Metal Structure Joint Stock Company (The Subsidiary) leases premises and infrastructure in Sao Mai - Ben Dinh Petroleum Marine Services Base**

Petroleum Equipment Assembly and Metal Structure Joint Stock Company (The Subsidiary) ("PVC-MS") signed Economic Contract No. 15/PVSB-PVC.MS/08-10/B dated August 9, 2010 with Sao Mai - Ben Dinh Petroleum Investment Joint Stock Company ("Sao Mai - Ben Dinh Company") to lease premises and infrastructure in the Sao Mai - Ben Dinh Petroleum Marine Services Base with a total lease area of 229,330 m<sup>2</sup> for a lease term of 49 years. According to the terms of the contract, the lease payments include investment costs and statutory obligations to the State related to the leased area.

According to Notice No. 757/SMBĐ-KTKT dated July 29, 2025 of Sao Mai - Ben Dinh Company, PVC-MS is liable for land rent with a total amount of VND 219,800,682,802; comprising:

- For the period from September 16, 2010 to February 12, 2015: VND 45,954,446,137;
- For the period from February 12, 2015 to February 11, 2018: exempted from land rent;
- For the period from February 12, 2018 to June 30, 2025: VND 173,846,236,665.

During the period, PVC-MS made a provisional payment to Sao Mai - Ben Dinh Company and retroactively adjusted to record a decrease in Retained Earnings and an increase in Trade Payables as of December 31, 2024 with an amount of VND 12,095,270,821.

The remaining amount has not yet been settled, as the parties are working with the competent authorities to request a reduction or exemption of the aforesaid land rent under the special "Seaport" investment incentive policy. As of the reporting date, the competent authorities are still considering the matter and have not issued an official decision.

**40 OTHER INFORMATION**

**a) The value of issuance has not yet been estimated at the Corporation's constructed works**

Due to the influence of fluctuations in the economy, the Corporation's operations contain risks of fluctuations in the market value of materials used for construction. Major changes in the price of construction materials can greatly affect the benefits and economic obligations of the Corporation. However, the Board of Management of the Corporation believes that the changes of the market as well as the influence of the Government's macro management policies are very difficult to predict. Therefore, the Board of Management of the Corporation cannot quantify the impact of this issue on the Corporation's ongoing construction projects. The final result will only be determined when the construction is completed, and the acceptance is handed over to the project owners.

**Thai Binh 2 Thermal Power Plant Project**

The Corporation signed an EPC contract to build Thai Binh 2 Thermal Power Plant with the Thai Binh 2 Petroleum Power Project Management Board (under Vietnam National Industry - Energy Group) with a value of about USD 918 million and VND 5,874 billion. At the date of these consolidated financial statements, the total value of the provisional contracts signed by the Corporation with subcontractors for the Thai Binh 2 Thermal Power Plant project has exceeded the value of the EPC contract signed with the Thai Binh 2 Petroleum Power Project Management Board. According to



Official Letter No. 737/TTg-KTN dated 23 May 2014 of the Prime Minister, the Thai Binh 2 Thermal power plant was included in the list of urgent power projects for the period 2013-2020.

The project applies specific mechanisms and policies issued in Decision No.2414/QĐ-TTg dated 11 December 2013 of the Prime Minister.

According to the decision of the Board of Management of PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation on temporarily approving the implementation plan of the EPC Contract of Thai Binh 2 Thermal Power Plant Project, the expected revenue for the project implementation is USD 926.6 million and VND 11,076.2 billion; the estimated cost of the project is USD 921.2 million and VND 11,402.1 billion; the expected gross loss ratio of the whole project is 0.67%. Up to the date of these Consolidated financial statements, the Corporation and the Thai Binh 2 Petroleum Power Project Management Board are negotiating, agreeing and signing the appendices to adjust the value of the EPC contract. At the same time, the Corporation has been working with subcontractors to re-sign the appendix to adjust the contract value with subcontractors. The Board of Management of the Corporation considers this to be the best estimate at the time of preparation of these consolidated financial statements and this estimate is always reviewed and updated to reflect the true movements of realized profit/loss of Thai Binh 2 Thermal Power Plant Project. Accordingly, the Corporation has recognized the revenue and cost of this project at the expected gross loss ratio.

#### ***Vung Ang 1 Thermal Power Plant***

On 28 September 2009, the Corporation signed a contract to build Vung Ang 1 Thermal Power Plant with Viet Nam Machinery Installation Corporation (LILAMA) under Contract No. 280909/LILAMA-PVC with a total package value of about VND 1,322 billion. According to Resolution No. 686/NQ-DKVN dated 27 January 2014, Vietnam National Industry - Energy Group (PVN) approved the unforeseeable costs of the entire Vung Ang 1 Thermal Power Plant project (include internal road and construction) at about VND 1,090 billion. The estimated value after verification/appraisal for construction items performed by the Corporation increased by about VND 290 billion (excluding the deductible value-added tax value) compared to the value of the lump-sum construction contract signed by the Corporation. The Corporation has requested PVN to consider adjusting the unexpected arising value of this project. At the date of these Consolidated Financial Statements, PVN and the competent State agencies have not yet made a decision on the Corporation's decision, the Board of Management of the Corporation believes that the value arising outside the contract will be signed additionally.

#### **b) Information on the Corporation's restructuring**

According to Resolution No. 332/NQ-XLDK-DHDCD dated 11 October 2022 of the General Meeting of Shareholders of PetroVietnam Construction Joint Stock Corporation on approving the restructuring of the Corporation for the period of 2021-2025:

- The Corporation continues to hold at least 51% of charter capital in the period 2021-2025, including: Petroleum Pipeline and Tank Construction Joint Stock Company (PVC-PT) and Petroleum Equipment Assembly & Metal Structure., JSC (PVC-MS).
- The Corporation will divest all investment capital in the remaining subsidiaries in the period of 2021-2025.
- The following companies: Hanoi Petroleum Construction JSC (PVC-HN), Petroleum Mechanical Executing and Assembly Joint Stock Company (PVC-MEA), Mien Trung Petroleum Construction JSC (PVC-MT) and PetroVietnam Urban Development JSC (PVC-Mekong) will handle dissolution or bankruptcy in case the Corporation cannot divest its capital.
- The Corporation will divest all other long-term financial investments and trading securities in the period 2021-2025.

#### **41 SUBSEQUENT EVENTS AFTER THE REPORTING PERIOD**

There have been no significant events occurring after the reporting period, which would require adjustments or disclosures to be made in the Interim Consolidated Financial Statements.



## 42 TRANSACTIONS AND BALANCES WITH RELATED PARTIES

List and relations between related parties and the Company are as follows:

Related parties	Relation
Vietnam National Industry - Energy Group (PVN)	Parent company
Vung Ang - Quang Trach Petroleum Power Project Management Board	PVN's dependent entity
Thai Binh 2 Petroleum Power Project Management	PVN's dependent entity
Nghi Son Refinery and Petrochemical Complex Project Management Board	PVN's dependent entity
Song Hau 1 Petroleum Power Project Management	PVN's dependent entity
Vietnam Petroleum Institute	PVN's dependent entity
PetroVietnam Technical Services Corporation	Same owner
PetroVietnam Gas Joint Stock Corporation	Same owner
Petro Vietnam Engineering Consultancy JSC	Same owner
Petrovietnam Steel Pipe JSC	Same owner
Petrovietnam Construction Land Corporation	Same owner
Southern Shipbuilding Industry Investment Development Company Limited	Same owner
Petroleum Internal and External Equipment JSC	Same owner
Vietnam Public Joint Stock Commercial Bank	Same owner
PetroVietnam Exploration Production Corporation	Same owner
Petroleum Mechanical Executing And Assembly JSC	Associate
Hanoi Petroleum Construction JSC	Associate
Sai Gon Petroleum Construction And Investment JSC	Associate
Duyen Hai Petro Construction Investment JSC	Associate
Thanh Hoa Petroleum Construction JSC	Associate
Mien Trung Petroleum Construction JSC	Associate
Lam Kinh Hotel JSC	Associate
Petrovietnam-Nghe An Construction Joint Stock	Associate
Petroleum Interior Decoration JSC	Associate
Heerim - Pvc International Design JSC	Associate
Petroleum Link Communication And Trading JSC	Associate
Members of the Board of Directors, Board of Management, Supervisory Board, and other key management personnel of the Corporation	Key management personnel of the Corporation



In addition to the information with related parties presented in the above Notes, during the period, the Company has transactions with related parties as follows:

	The first 6 months of 2025	The first 6 months of 2024
	VND	VND
<b>Sales of goods and rendering of services</b>	<b>266,315,923,130</b>	<b>362,819,482,096</b>
Thai Binh 2 Petroleum Power Project Management	205,894,763,619	164,789,137,873
Petrovietnam Power Generation branch - Vietnam Oil and Gas Group	51,544,468,976	524,583,273
PetroVietnam Technical Services Corporation	8,876,690,535	197,505,760,950
<b>Purchase of goods and services</b>	<b>14,309,817,676</b>	<b>2,146,395,040</b>
Vietnam Public Joint Stock Commercial Bank	14,309,817,676	2,146,395,040
<b>General and administrative expense</b>	<b>302,166,930</b>	<b>117,600,000</b>
Vietnam Petroleum Institute	302,166,930	117,600,000
<b>Other expenses</b>	<b>707,718,727</b>	<b>-</b>
Vietnam Petroleum Institute	707,718,727	-

Remuneration, salaries and other income of members of the Board of Directors, Board of Management, Supervisory Board and other managers are as follows:

	Position	The first 6 months of 2025	The first 6 months of 2024
		VND	VND
<b>Board of Directors</b>		<b>1,240,291,291</b>	<b>1,220,258,282</b>
Mr. Nghiem Quang Huy	Chairman	309,237,143	302,879,303
Mr. Pham Van Khanh	Independent Member	122,520,000	123,665,000
Mr. Tran Hai Bang	Member	280,350,576	275,609,410
Mr. Nguyen Hoai Nam	Member	261,580,000	257,200,070
Mr. Chu Thanh Hai	Member	266,603,572	260,904,499
<b>Board of Management</b>		<b>1,162,233,643</b>	<b>1,106,193,741</b>
Mr. Tran Quoc Hoan	General Director (appointed on 01/01/2024)	319,985,553	207,820,000
Mr. Phan Tu Giang	General Director (resigned on 01/01/2024)	-	109,537,217
Mr. Nguyen Van Dong	Deputy General Director	286,558,064	281,276,575
Mr. Pham Trung Kien	Deputy General Director	284,893,986	237,585,990
Mr. Bui Son Truong	Deputy General Director	270,796,040	269,973,959
<b>Board of Supervision</b>		<b>268,443,120</b>	<b>275,910,749</b>
Mr. Hua Xuan Nam	Head of the Board	236,043,120	243,510,749
Ms La Minh Hue	Member (appointed on 29/05/2025)	-	-
Mr. Phung Van Sy	Member (resigned on 29/05/2025)	16,200,000	16,200,000
Mr. Nguyen Ngoc Cuong	Member	16,200,000	16,200,000

In addition to the above related parties' transactions, other related parties did not have any transactions during the period and have no balance at the end of the accounting period with the Corporation.

#### 43 COMPARATIVE FIGURES

The comparative figures on the Interim Consolidated Statement of Financial Position and corresponding Notes are taken from the Consolidated Financial Statements for the fiscal year ended as at 31 December 2024, which was audited by AASC Auditing Firm Company Limited. The comparative figures on the Interim Consolidated Statement of Income, Interim Consolidated Statement of Cash flows and corresponding Notes are taken from the Interim Consolidated Financial Statements which have been reviewed for the period from 01/01/2024 to 30/06/2024.

The Board of Management of the Company has decided to retrospectively adjust some of the items in the Consolidated Financial Statements for the year ended as at 31 December 2024. Accordingly, the comparative figures of the interim consolidated financial statements for the period from 01 January 2025 to 30 June 2025 were adjusted as follows:

	Code	Figures in the Consolidated Financial Statements of previous year	Adjusted figures	Difference
		VND	VND	VND
<b>Interim Consolidated Statement of Financial position</b>				
Intangible Fixed Assets	227	257,674,706,668	252,008,862,049	(5,665,844,619)
- Historical cost	228	284,392,878,902	274,650,242,344	(9,742,636,558)
- Accumulated amortization	229	(26,718,172,234)	(22,641,380,295)	4,076,791,939
Short-term trade payables	311	3,254,938,639,111	3,267,033,909,932	12,095,270,821
Retained earnings accumulated to the end of previous year	421a	(4,005,781,884,168)	(4,014,835,474,523)	(9,053,590,355)
Non-controlling interests	429	346,845,580,019	338,138,054,934	(8,707,525,085)

  
**Nguyen Thi Thu Anh**  
Preparer

  
**Vu Minh Cong**  
Chief Accountant

  
  
**Tran Quoc Hoan**  
General Director  
Hanoi, 29 August 2025





Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2025

Số: 1062 /XLDK-TCKT

V/v: Công bố giải trình BCTC hợp nhất  
06 tháng đầu năm 2025 sau soát xét kiểm toán

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước  
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH11 ngày 26/11/2019 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 68/2024/TT-BTC ngày 18/08/2024 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (Petrocons) xin được giải trình về kết quả và sự biến động chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau soát xét kiểm toán so với trước soát xét kiểm toán từ 5% trở lên; sự biến động chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau soát xét kiểm toán 06 tháng đầu năm 2025 so với cùng kỳ 2024 từ 10% trở lên như sau:

**1. Về chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế của hợp nhất trước và sau soát xét kiểm toán:**

- Lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2025 sau soát xét : (7,718) tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2025 trước soát xét : (3,219) tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế sau soát xét giảm so với trước soát xét : (4,498) tỷ đồng.

Sau soát xét kiểm toán lợi nhuận sau thuế báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty giảm 4,498 tỷ đồng tương đương 139,72% do báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty được lập trên cơ sở hợp cộng báo cáo tài chính của Công ty Mẹ và các Công ty con do đó phụ thuộc nhiều vào Báo cáo tài chính sau soát xét kiểm toán của Công ty Mẹ và các Công ty con. Sau kiểm toán, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Mẹ và các Công ty con có một số thay đổi, vì vậy Báo cáo tài chính hợp nhất thay đổi theo.

**2. Về chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau soát xét kiểm toán 06 tháng năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024:**

- Lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2025 sau soát xét : (7,718) tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2024 sau soát xét : (71,839) tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế sau soát xét tăng so với cùng kỳ năm trước : 64,12 tỷ đồng.

Lợi nhuận sau thuế Báo cáo tài chính hợp nhất sau soát xét kiểm toán năm 2025 tăng so với năm 2024 là 64,12 tỷ đồng tương đương 89 %, do: Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty được lập trên cơ sở hợp cộng Báo cáo tài chính của Công ty Mẹ và các



Công ty con có loại trừ một số yếu tố nội bộ. Sự biến động chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính hợp nhất nguyên nhân chủ yếu là do sự biến động của lợi nhuận gộp, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí hoạt động tài chính của Công ty Mẹ và các đơn vị thành viên cụ thể:

+ Lợi nhuận gộp tăng mạnh 27,692 tỷ đồng tương đương 127,49 % so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do trong 06 tháng đầu năm 2025 các đơn vị trong tổng công ty đã tìm kiếm được những nguồn việc mới có lợi nhuận gộp từ các công trình xây lắp, đánh dấu sự nỗ lực của toàn thể Tổng công ty trong công tác sản xuất kinh doanh, tìm kiếm việc làm.

+ Doanh thu hoạt động tài chính 06 tháng đầu năm 2025 sau soát xét kiểm toán tăng 13,752 tỷ đồng tương đương 85,34% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện trong 06 tháng đầu năm 2025 tăng so với cùng kỳ năm trước.

+ Chi phí tài chính 06 tháng đầu năm 2025 sau soát xét kiểm toán giảm 27,795 tỷ đồng tương đương 55,82 % so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do lỗ chênh lệch tỷ giá 06 tháng đầu năm 2025 giảm so với cùng kỳ năm trước.

### **3. Ý kiến từ chối trên báo cáo kiểm toán:**

**Ý kiến 1:** “Tại ngày 30/06/2025, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty đang phản ánh: Lỗ lũy kế (mã số 421) của Tổng Công ty là 4.022,14 tỷ VND, nợ phải trả ngắn hạn (mã số 310) là 5.302,86 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn (mã số 100) là 756,74 tỷ VND, các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 30/06/2025 là 1.433,42 tỷ VND. Tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 01/01/2025 cũng trong tình trạng tương tự. Các yếu tố này cùng với các nội dung tại thuyết minh số 1 dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ. Trong phạm vi của một cuộc soát xét báo cáo tài chính, chúng tôi không có đủ thông tin để có thể đánh giá được mức độ thích hợp, hiệu quả của các kế hoạch hoạt động này.”

Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thu thập được đầy đủ thông tin do đó, không thể xác định liệu báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập với giả định Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục có phù hợp hay không.

**Ý kiến 2:** “Tại ngày 30/06/2025, Tổng Công ty có số dư khoản phải thu cho Công ty CP Khách sạn Lam Kinh vay để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh của Khách sạn Lam Kinh với số tiền là 200 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 200 tỷ VND) và số dư dự phòng đã trích lập cho khoản phải thu này là 124,4 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 124,4 tỷ VND) (Thuyết minh số 7). Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến giá trị có thể thu hồi của khoản phải thu này tại ngày 30/06/2025 và ngày 01/01/2025. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.”

Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp để đánh giá ảnh hưởng của vấn đề trên đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Do đó, không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

**Ý kiến 3:** “Tại ngày 30/06/2025, số dư chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (Thuyết minh số 10) và dự án Nhà máy Nhiệt điện



Quảng Trạch 1 (Thuyết minh số 15) có giá gốc lần lượt là 245,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 245,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND). Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Tổng Công ty đang làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để: (1) xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và; (2) nghiệm thu, quyết toán chi phí của Tổng Công ty thực hiện tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các tài liệu thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của các chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang nêu trên tại ngày 30/06/2025 và ngày 01/01/2025. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.”

Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của các chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang nêu trên tại ngày lập báo cáo, do đó, không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

**Ý kiến 4:** “Tại Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trình bày số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 30/06/2025 bao gồm các dự án (Tổng Công ty là Chủ đầu tư) đã tạm dừng thực hiện từ các năm trước là (1) Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí và (2) Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang với tổng số tiền là khoảng 5,72 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là khoảng 5,72 tỷ VND). Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của các dự án này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.”

Ý kiến của kiểm toán viên nêu trong báo cáo là do không thể thu thập được các bằng chứng thích hợp liên quan đến khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của các dự án này. Do đó, kiểm toán viên không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục có liên quan hay không.

**Ý kiến 5.** “Tổng Công ty đang hợp nhất Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí (công ty con) vào Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty theo số liệu báo cáo tài chính quý II năm 2024 chưa được soát xét (trong đó: Tại ngày 30/06/2024 Tổng tài sản là 15,16 tỷ VND và Vốn chủ sở hữu là âm 193,44 tỷ VND; Doanh thu và Lợi nhuận sau thuế TNDN trong kỳ (Quý I, II/2024) lần lượt là 0,09 tỷ VND và âm 0,53 tỷ VND). Đối với các công ty liên kết, trừ Báo cáo tài chính của Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung và Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa đã được soát xét, giá trị khoản đầu tư vào các Công ty liên kết còn lại đang được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu dựa trên số liệu Báo cáo tài chính tự lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 hoặc Báo cáo tài chính gần nhất mà Tổng Công ty thu thập được (thuyết minh số 04). Chúng tôi không thể đánh giá được sự phù hợp của các số liệu này.”

Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp để đánh giá ảnh hưởng của vấn đề trên đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Do đó, không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính soát xét kiểm toán của Petrocons, đơn vị chưa thu thập được báo cáo tài chính soát xét kiểm toán của các Công ty nêu trên do đó Petrocons đã sử dụng báo cáo tài chính thời điểm gần nhất của các đơn vị trên để hợp



nhất. Petrocons tin tưởng rằng, việc hợp nhất nêu trên là phù hợp với các chuẩn mực kế toán và các quy định hiện hành.

**Ý kiến 6:** “Tại ngày 30/06/2025, Công ty mẹ Tổng Công ty không thu thập được báo cáo tài chính của các đơn vị nhận vốn đầu tư đối với các khoản “Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác” (mã số 253) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ với tổng giá trị ghi sổ và tổng giá trị dự phòng cho các khoản đầu tư này lần lượt là 191,595 tỷ VND và 149,99 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 lần lượt là 191,595 tỷ VND và 149,99 tỷ VND). Dự phòng đầu tư vào các công ty này trích lập dựa trên số liệu Báo cáo tài chính gần nhất mà Tổng Công ty thu thập được. Chúng tôi không thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này.”

Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp để đánh giá ảnh hưởng của vấn đề trên đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Do đó, không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính soát xét của Petrocons, đơn vị chưa thu thập được báo cáo tài chính soát xét kiểm toán của các Công ty nêu trên do đó Petrocons đã sử dụng báo cáo tài chính thời điểm gần nhất của các đơn vị trên để hợp nhất. Petrocons tin tưởng rằng, việc hợp nhất nêu trên là phù hợp với các chuẩn mực kế toán và các quy định hiện hành.

**Ý kiến 7:** “Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (Công ty con) chưa đánh giá được sự suy giảm giá trị cũng như chưa ước tính được giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là thành phẩm bất động sản có giá trị ghi sổ tại ngày 01/01/2025 và ngày 30/06/2025 là 36,3 tỷ VND (Thuyết minh số 10). Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là các thành phẩm bất động sản này.”

Đây là ý kiến trên báo cáo kiểm toán của Công ty con trực thuộc Tổng công ty. Ý kiến của kiểm toán viên là do không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nêu trên, cũng như không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng cần phải trích lập không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

**Ý kiến 8:** Cũng tại Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình, chúng tôi đã thực hiện các thủ tục soát xét cần thiết, tuy nhiên không thể thu thập được đầy đủ tài liệu thích hợp để khẳng định được tính chính xác và giá trị có thể thu hồi được của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty tại ngày 01/01/2025 và ngày 30/06/2025 với số tiền lần lượt là 33,65 tỷ VND và 29,17 tỷ VND. Do đó, chúng tôi chưa xác định được các điều chỉnh cần thiết liên quan đến khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" và những khoản mục khác có liên quan cũng như những ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề này đối với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm

Đây là ý kiến trên báo cáo kiểm toán của Công ty con trực thuộc Tổng công ty. Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp do đó không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.



**Ý kiến 9:** “Tại ngày 30/06/2025, số dư Hàng tồn kho trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty CP Dầu khí Đông Đô (Công ty con) bao gồm các công trình Nhiệt điện Thái Bình 2, Nhiệt điện Sông Hậu 1, Chung cư Trần Anh - Long An và Thi công nhà đa năng Quận 1 với tổng giá trị thi công dở dang là khoảng 58,80 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025: 55,36 tỷ VND). Chúng tôi không thể đánh giá được giá trị thuần có thể thực hiện được của các công trình thi công dở dang nêu trên tại các thời điểm nêu trên.”

Đây là ý kiến trên báo cáo kiểm toán của Công ty con trực thuộc Tổng công ty Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp do đó không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

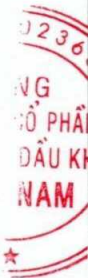
**Ý kiến 10:** Cũng tại Công ty CP Dầu khí Đông Đô (công ty con), số dư các khoản công nợ, cụ thể: nợ phải thu tại ngày 01/01/2025 và 30/06/2025 với giá trị lần lượt là 25,88 tỷ VND và 23,18 tỷ VND; nợ phải trả tại ngày 01/01/2025 và 30/06/2025 với giá trị lần lượt là: 15,83 tỷ VND và 16,07 tỷ VND. Khoản nợ phải thu tồn đọng tại ngày 30/06/2025 là 22,13 tỷ VND chưa được công ty xem xét và đánh giá khả năng trích lập dự phòng. Chúng tôi không đánh giá được tính hiện hữu, khả năng thu hồi cũng như số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập đối với các khoản công nợ này.”

Đây là ý kiến trên báo cáo kiểm toán của Công ty con trực thuộc Tổng công ty Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp do đó không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

**Ý kiến 11:** Tại Công ty CP Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (Công ty con): Chúng tôi đã không thể thu thập được các tài liệu cần thiết có liên quan đến một số hạng mục thuộc Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 và Dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu I. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra kết luận về sự phù hợp của doanh thu, giá vốn đã ghi nhận lũy kế đến ngày 30/06/2025 với tổng giá trị lần lượt là 893,96 tỷ VND và 935,62 tỷ VND (trong đó giá trị doanh thu, giá vốn đã được Công ty ghi nhận trong kỳ này lần lượt là 987 triệu VND và 14,28 tỷ VND); chưa đánh giá được sự phù hợp và đầy đủ của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến các hạng mục nêu trên tại ngày 30/06/2025 và 01/01/2025 với giá trị lần lượt là 145,90 tỷ VND và 146,25 tỷ VND, cũng như ảnh hưởng của các vấn đề này tới Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.”

Đây là ý kiến trên báo cáo kiểm toán của Công ty con trực thuộc Tổng công ty Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp do đó không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

**Ý kiến 12:** Số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (Công ty con) bao gồm giá trị dở dang của dự án Khu phức hợp Thương mại - Dịch vụ - Văn phòng và Căn hộ với giá trị là 32,99 tỷ VND (Thuyết minh số 10). Dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng từ năm 2018 nhưng đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này vẫn chưa được phê duyệt quyết toán dự án.





Đây là ý kiến trên báo cáo kiểm toán của Công ty con trực thuộc Tổng công ty. Hiện nay Công ty đã thuê đơn vị kiểm toán vốn đầu tư của dự án, sau khi có kết quả phê duyệt quyết toán vốn đầu tư thì Công ty sẽ hạch toán chi phí dở dang còn lại trên.

**Ý kiến 13** Tại Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (Công ty con): Công ty chưa thực hiện đánh giá khả năng thu hồi đối với khoản phải thu dài hạn Hợp tác Dự án chung cư Long Sơn Riverside số tiền là 12,89 tỷ VND (Thuyết minh 16) đã hoàn thành từ năm 2019.

Đây là ý kiến trên báo cáo kiểm toán của Công ty con trực thuộc Tổng công ty. Hiện nay dự án đang được hoàn thiện hồ sơ pháp lý và làm thủ tục để kiểm toán vốn đầu tư của dự án. Vì vậy Công ty chưa đánh giá hiệu quả của việc góp vốn vào dự án này.

**Ý kiến 14:** Cũng tại Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (Công ty con): chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các tài liệu liên quan đến số dư tại ngày 01/01/2025 và ngày 30/06/2025 của các khoản nợ phải thu với giá trị lần lượt là 4,21 tỷ VND và 5,59 tỷ VND; nợ phải trả với giá trị lần lượt là 21,27 tỷ VND và 15,86 tỷ VND.

Đây là ý kiến trên báo cáo kiểm toán của Công ty con trực thuộc Tổng công ty. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính Công ty đã làm xác nhận tương đối đầy đủ các khoản nợ phải thu, phải trả. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo còn có một số ít khách hàng vẫn chưa gửi thư xác nhận nợ. Công ty chúng tôi sẽ tiếp tục liên hệ với khách hàng để xác nhận đầy đủ công nợ này.

**Ý kiến 15:** Tại Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (Công ty con): chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các tài liệu liên quan đến số dư tại ngày 01/01/2025 và ngày 30/06/2025 của các khoản nợ phải trả với giá trị lần lượt là 15,55 tỷ VND và 26,99 tỷ VND, các khoản nợ phải thu với giá trị lần lượt là 10,31 tỷ VND và 10,06 tỷ VND. Giá trị các khoản nợ phải thu tồn đọng tại ngày 01/01/2025 và ngày 30/06/2025 lần lượt là 131,89 tỷ VND và 112,33 tỷ VND chưa được công ty xem xét và đánh giá trích lập dự phòng.

Đây là ý kiến trên báo cáo kiểm toán của Công ty con trực thuộc Tổng công ty. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty đã làm xác nhận tương đối đầy đủ các khoản nợ phải thu, phải trả. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo còn có một số ít khách hàng vẫn chưa gửi thư xác nhận nợ. Công ty chúng tôi sẽ tiếp tục liên hệ với khách hàng để xác nhận đầy đủ công nợ này.

#### **4. Về những vấn đề cần nhấn mạnh của kiểm toán trên báo cáo tài chính sau kiểm toán:**

Kiểm toán viên đã đưa ra các điểm cần nhấn mạnh trong báo cáo kiểm toán theo chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 706, Tổng công ty nhận định rằng các điểm cần nhấn mạnh trên báo cáo này không phải là các điểm ngoại trừ hay từ chối. Các điểm cần nhấn mạnh này cũng không phải là phần hạn chế phạm vi kiểm toán, do Tổng công ty đã cung cấp đầy đủ toàn bộ các chứng từ cần thiết cho kiểm toán viên để kiểm toán viên có cơ sở đánh giá các vấn đề liên quan đến các điểm cần nhấn mạnh này. Các điểm nhấn mạnh này đưa ra để hướng người đọc lưu ý hơn đối với các vấn đề đã được trình bày trong Báo cáo Tài chính. Đồng thời các điểm cần nhấn mạnh này không phải là các sự kiện để kiểm toán viên cho rằng báo cáo tài chính không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính cũng



như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp luật có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**5. Để khắc phục khó khăn và giảm lỗ lũy kế trong thời gian tới, Ban lãnh đạo Petrocon đã có định hướng và giải pháp khắc phục như sau:**

Ban lãnh đạo Petrocons nhận thức rõ Petrocons đang gặp khó khăn và đã từng bước vượt qua. Do vậy, cùng với sự ủng hộ của Tập đoàn và các đơn vị thành viên trong Tập đoàn, Petrocons đã rất tích cực trong việc rà soát, xây dựng và triển khai các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, khôi phục và ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh. Một số giải pháp trong thời gian tới, cụ thể như sau:

- Quyết liệt trong công tác điều hành thi công trên tất cả các công trình, dự án mà Petrocons và các đơn vị thành viên thực hiện;
- Tích cực thực hiện công tác tiếp thị, đấu thầu để tìm kiếm và bổ sung nguồn việc;
- Tiếp tục triển khai công tác tái cấu trúc tổng thể Petrocons theo đúng định hướng được Tập đoàn phê duyệt, theo hướng công ty Mẹ trực tiếp tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực xây lắp, thực hiện vai trò định hướng hoạt động cho các công ty trực thuộc, thoái toàn bộ vốn đầu tư tại các đơn vị không thuộc chuỗi ngành nghề hoạt động chính của Petrocons; nâng cao vai trò quản lý, giám sát và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư của Petrocons;
- Quyết liệt trong công tác rà soát, đối chiếu và thu hồi công nợ, xây dựng kế hoạch chi tiết việc thu hồi và xử lý công nợ cho từng tháng, từng quý, nhằm thu hồi vốn đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh, giảm tối đa chi phí tài chính do bị chiếm dụng vốn;
- Tích cực làm việc với Tập đoàn/đơn vị thành viên Tập đoàn và các cơ quan quản lý nhà nước để đẩy nhanh việc phê duyệt các chi phí phát sinh tại các dự án mà Petrocons đang tham gia;
- Chủ động và tích cực làm việc với các Ngân hàng/tổ chức tín dụng để cơ cấu lại các khoản nợ, đàm phán giảm lãi suất vay vốn và thu xếp đủ vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và giải tỏa các khoản bảo lãnh trong thời gian tới.

Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam xin báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Xin trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT (b/cáo);
- BKS (b/cáo);
- Website PVC;
- Bộ phận Công bố thông tin;
- Lưu VT, TCKT.



Trần Quốc Hoàn



No: 1062/XLTK-TCKT

Hanoi, 29 August 2025

Re: Disclosure of the Explanation for the Reviewed  
Interim consolidated Financial Statements.

To: Hanoi Stock Exchange

Pursuant to the Securities Law No. 54/2019/QH14 dated November 26, 2019, by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam;

Pursuant to Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020, by the Ministry of Finance guiding the disclosure of information on the securities market;

Pursuant to Circular No. 68/2024/TT-BTC dated August 18, 2024, issued by the Ministry of Finance, providing guidance on the amendment and supplementation of certain provisions of the circulars governing securities transactions on the securities trading system; clearing and settlement of securities transactions; operations of securities companies; and information disclosure in the securities market.

**1. Regarding the consolidated profit after tax before and after the review audit:**

- Profit after tax for the first six months of 2025 after review : (VND 7.718 billion)
- Profit after tax for the first six months of 2025 before review : (VND 3.219 billion)
- Net profit after tax decreased after review : (VND 4.498 billion)

After the review, the consolidated profit after tax of the Corporation decreased by VND 4.498 billion, equivalent to 139.72%, because the consolidated financial statements are prepared on the basis of aggregating the financial statements of the Parent Company and its subsidiaries. As a result, they are heavily dependent on the post-review financial statements of the Parent Company and its subsidiaries. Following the audit review, there were some changes in the business performance reports of the Parent Company and several subsidiaries; therefore, the consolidated financial statements changed accordingly.

**2. Regarding the post-review consolidated profit after tax indicator for the first six months of 2025 compared to the same period in 2024:**

- Profit after tax for the first six months of 2025 after review : (VND 7.718 billion)
- Profit after tax for the first six months of 2024 after review : (VND 71.839 billion)
- Increase in profit after tax after review compared to the same period last year: VND 64.12 billion

The profit after tax in the reviewed consolidated financial statements for the first six months of 2025 increased by VND 64.12 billion, equivalent to 89%, compared to the same period in 2024. This increase is due to the fact that Petrocons' consolidated financial statements are prepared based on the aggregation of the financial statements of the Parent Company and its subsidiaries, with the elimination of certain internal



transactions. The change in the consolidated profit after tax primarily stems from fluctuations in gross profit, financial income, and financial expenses of the Parent Company and its subsidiaries, specifically:

- + Gross profit increased significantly by VND 27.692 billion, equivalent to 127.49% compared to the same period last year, mainly because in the first six months of 2025, the Company and its subsidiaries secured new projects generating gross profit from construction and installation works — reflecting the overall efforts of the Corporation in business operations and job acquisition.
- + Financial income in the first six months of 2025 after audit increased by VND 13.752 billion, or 85.34% year-on-year, primarily due to higher realized foreign exchange gains during the period compared to the same period last year.
- + Financial expenses in the first six months of 2025 after audit decreased by VND 27.795 billion, equivalent to 55.82%, mainly due to a decrease in foreign exchange losses compared to the same period last year.

### **3. Disclaimer of opinion in the audit report:**

**Opinion 1:** As at 30 June 2025, the Interim Consolidated Financial Statements reflect the following: an accumulated loss (code 421) of VND 4,022.14 billion, current liabilities (code 310) of VND 5,302.86 billion, which exceeded current assets (code 100) by VND 756.74 billion, and overdue debts as at 30 June 2025 amounting to VND 1,433.42 billion. The Corporation's financial position as at 01 January 2025 was similarly challenging. These factors, together with the disclosures in Note 1, lead to substantial doubt about the Corporation's ability to continue as a going concern. The Corporation's ability to maintain operations depends on its plans to recover outstanding receivables, restructure investments, complete and finalize works in progress to recover funds, and secure financial support from shareholders and creditors. Within the scope of our review of the Interim Consolidated Financial Statements, we did not obtain sufficient appropriate evidence to assess the feasibility and effectiveness of these operational plans.

The auditor's opinion stated in the audit report is due to the inability to obtain sufficient appropriate information and, as a result, the auditor was unable to determine whether the accompanying consolidated financial statements were prepared appropriately under the assumption that the Corporation would continue as a going concern.

**Opinion 2:** As at 30 June 2025, the Corporation recorded a loan receivable of VND 200 billion, lent to Lam Kinh Hotel Joint Stock Company to support its business operations (as at 01 January 2025: VND 200 billion). A provision of VND 124.4 billion had been made for this loan (as at 01 January 2025: VND 124.4 billion) (Note 7). We were unable to obtain sufficient appropriate audit evidence regarding the recoverability of this receivable as at 30 June 2025 and 01 January 2025. Consequently, we were unable to determine whether any adjustments to these amounts were necessary.

The auditor's opinion stated in the report is due to the inability to obtain sufficient appropriate audit evidence regarding the recoverable amount of this receivable as at the reporting date. As a result, the auditor was unable to determine whether any adjustments to the related figures were necessary.



**Opinion 3:** As at 30 June 2025, the cost of work in progress related to Vung Ang 1 Thermal Power Plant Project (Note 10) and Quang Trach 1 Thermal Power Plant Project (Note 15) amounted to approximately VND 245.1 billion and VND 25.8 billion (as at 01 January 2025: VND 245.1 billion and VND 25.8 billion). As at the reporting date, the Corporation was still engaging with the relevant authorities on: (1) approval for adjustments relating to unexpected expenses incurred in the Vung Ang 1 Thermal Power Plant Project and (2) acceptance and finalization of the Corporation's incurred expenses under the Quang Trach 1 Thermal Power Plant Project. We were unable to obtain sufficient appropriate evidence to determine the net realizable value of these work in progress as at 30 June 2025 and 01 January 2025. Consequently, we were unable to determine whether any adjustments to these amounts were necessary.

The auditor's opinion stated in the report is due to the inability to obtain sufficient appropriate audit evidence regarding the net realizable value of the work-in-progress balance, as well as the inability to perform alternative procedures to assess the required provision for inventory devaluation. Accordingly, the auditor was unable to determine whether any adjustments to the related items were necessary.

**Opinion 4:** In Note 15 of the Notes to the Interim Consolidated Financial Statements presents the balance of construction in progress as at 30 June 2025 including projects (where the Corporation is the Investor) that have been suspended in previous years namely (1) the Petroleum University Urban Areas Project and (2) the Tien Giang Petroleum Industrial Zone Project with a total amount of approximately VND 5.72 billion (as of 01 January 2025: approximately VND 5.72 billion). We were unable to obtain sufficient appropriate evidence regarding the potential future economic benefits of these projects. Consequently, we were unable to determine whether any adjustments to these amounts were necessary.

The auditor's opinion stated in the report is due to the inability to obtain sufficient appropriate audit evidence regarding the net realizable value of the work-in-progress balance, as well as the inability to perform alternative procedures to assess the required provision for inventory devaluation. Accordingly, the auditor was unable to determine whether any adjustments to the related items were necessary.

**Opinion 5:** The Corporation is consolidating Petrovietnam Urban Development Joint Stock Company (a subsidiary) into the Corporation's Interim Consolidated Financial Statements based on the unaudited Financial Statements for the second quarter of 2024. As at 30 June 2024, the subsidiary reported total asset of VND 15.16 billion and negative equity of VND 193.44 billion, with revenue and profit after corporate income tax for the period (the first and second quarters of 2024) amounting to VND 0.09 billion and negative VND 0.53 billion, respectively. Regarding associate companies, except for Thanh Hoa Petroleum Construction Joint Stock Company and Mien Trung Petroleum Construction Joint Stock Company, whose financial statements have been audited, the value of investments in the remaining associates is presented using the equity method based on unaudited financial statements for the period from 01 January 2025 to 30 June 2025 or the



most recent Financial Statements available to the Corporation (Note 04). We were unable to assess the appropriateness of these figures.

The auditor's opinion stated in the audit report was due to the inability to obtain sufficient appropriate audit evidence to assess the impact of the aforementioned matter on the Corporation's consolidated financial statements. As a result, the auditor was unable to determine whether any adjustments to these figures were necessary.

As of the issuance date of Petrocons' reviewed interim financial statements, Petrocons had not yet obtained the reviewed interim financial statements of the aforementioned entities. Accordingly, Petrocons used the most recently available financial statements of those entities for consolidation purposes. Petrocons believes that the aforementioned consolidation was conducted in accordance with applicable accounting standards and prevailing regulations.

**Opinion 6:** As at 30 June 2025, the Corporation was unable to obtain financial statements from the investee entities related to the "Equity investments in other entities" item (code 253) on the Consolidated Statement of Financial position. The total carrying amount and total provision for these investments were VND 191.595 billion and VND 149.99 billion, respectively (as at 01 January 2025: VND 191.595 billion and VND 149.99 billion, respectively). Provisions for these investments were made based on the latest financial statements available to the Corporation. We were unable to obtain sufficient appropriate documentation to access the impairment of these investments.

The auditor's opinion stated in the audit report was due to the inability to obtain sufficient appropriate audit evidence to assess the impact of the aforementioned matter on the Corporation's consolidated financial statements. As a result, the auditor was unable to determine whether any adjustments to these figures were necessary.

As of the issuance date of Petrocons' reviewed interim financial statements Petrocons had not yet obtained the reviewed interim financial statements of the aforementioned entities. Accordingly, Petrocons used the most recently available financial statements of those entities for consolidation purposes. Petrocons believes that the aforementioned consolidation was conducted in accordance with applicable accounting standards and prevailing regulations.

**Opinion 7:** Thai Binh Petroleum Trading and Investment Joint Stock Company (a subsidiary) has neither assessed the impairment nor estimated the net realizable value of its real estate inventories, which had carrying value of VND 36.3 billion as at 01 January 2025 and 30 June 2025 (Note 10). We were unable to obtain appropriate documentation regarding the net realizable value of these real estate inventories.

This is the audit opinion issued on the audited financial statements of a subsidiary under the Corporation. The auditor's opinion was expressed due to the inability to obtain sufficient appropriate audit evidence regarding the net realizable value of the aforementioned inventories, as well as the inability to perform alternative audit procedures to assess the necessary provision. Accordingly, the auditor was unable to determine whether any adjustments to these figures were required.



**Opinion 8:** At Thai Binh Petroleum Trading and Investment Joint Stock Company, we have carried out the necessary audit procedures. However, we were unable to obtain sufficient audit evidence to confirm the accuracy and recoverable value of the "Abandoned business production costs" of the Company as of 01 January 2025 and 30 June 2025 with amount of VND 33.65 billion and VND 29.17 billion. Therefore, we have not determined the necessary adjustments related to the "Abandoned business production costs" account and other related accounts, as well as any potential impacts (if any) on the accompanying Interim Consolidated Financial Statements.

This is the audit opinion stated in the audited financial statements of a subsidiary under the Corporation. The auditor's opinion, as presented in the audit report, was due to the inability to obtain sufficient appropriate audit evidence, and therefore, the auditor was unable to determine whether any adjustments to these figures were necessary.

**Opinion 9:** As at 30 June 2025, the balance of inventories presented in the financial statements of Petroleum Dong Do Joint Stock Company (a subsidiary) includes construction in progress for Thai Binh 2 Thermal Power Plant, Song Hau 1 Thermal Power Plant, Tran Anh - Long An Apartment Building and Multi-purpose Building Project in District 1, with a total value of approximately VND 58.80 billion (as at 01 January 2025: VND 55.36 billion). We were unable to assess the net realizable value of these construction in progress projects as at the respective dates.

This is the audit opinion stated in the audited financial statements of a subsidiary under the Corporation. The auditor's opinion, as presented in the audit report, was due to the inability to obtain sufficient appropriate audit evidence, and therefore, the auditor was unable to determine whether any adjustments to these figures were necessary.

**Opinion 10:** At Petroleum Dong Do Joint Stock Company (a subsidiary), the outstanding balances of receivables and payables are as follows: as of 01 January 2025 and 30 June 2025, receivables amounted to VND 25.88 billion and VND 23.18 billion, respectively; payables as of the same dates amounted to VND 15.83 billion and VND 16.07 billion, respectively. As of 30 June 2025, the company had not reviewed or assessed the collectability of the outstanding receivable balance of VND 22.13 billion for potential allowance for doubtful debts. We are unable to assess the existence, recoverability, or the necessary provision for these receivables.

This is the audit opinion stated in the audited financial statements of a subsidiary under the Corporation. The auditor's opinion, as presented in the audit report, was due to the inability to obtain sufficient appropriate audit evidence, and therefore, the auditor was unable to determine whether any adjustments to these figures were necessary.

**Opinion 11:** At Petroleum Equipment Assembly and Metal Structure Joint Stock Company (a subsidiary), we were unable to obtain the necessary documentation related to the Thai Binh 2 Thermal Power Plant and Song Hau I Thermal Power Plant projects. Consequently, we were unable to express an opinion on the appropriateness of the cumulative revenue and cost of goods sold recognized as of 30 June 2025, which amounted to VND 893.96 billion and VND 935.62 billion, respectively (including revenue and cost of goods sold recognized in the first 6 months of 2025 of VND 987



million and VND 14.28 billion, respectively). Additionally, we have not been able to assess the appropriateness and completeness of the work-in-progress expenses related to these two projects as of 30 June 2025 and 01 January 2025, with values of VND 145.90 billion and VND 146.25 billion, respectively, nor their impact on the accompanying Interim Consolidated Financial Statements.

This is the audit opinion stated in the audited financial statements of a subsidiary under the Corporation. The auditor's opinion, as presented in the audit report, was due to the inability to obtain sufficient appropriate audit evidence, and therefore, the auditor was unable to determine whether any adjustments to these figures were necessary.

**Opinion 12:** The work-in-progress balance of PetroVietnam Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (a subsidiary) includes the unfinished value of the Commercial - Service - Office - and Apartment Complex project, amounting to VND 32.99 billion (Note 10). The project was completed and put into use in 2018; however, as of the preparation date of these Interim Consolidated Financial Statements, its final settlement has yet to be approved.

This is the audit opinion stated in the audited financial statements of a subsidiary under the Corporation. Currently, the Company has engaged an audit firm to audit the project's investment capital. Once the investment capital settlement is approved, the Company will account for the remaining work-in-progress costs accordingly.

**Opinion 13:** At PetroVietnam Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (a subsidiary): The Company has not assessed the recoverability of the long-term receivable for the Long Son Riverside Apartment Project, amounting to VND 12.89 billion (Note 16), which was completed since 2019.

This is the audit opinion stated in the audited financial statements of a subsidiary under the Corporation. The project is currently in the process of completing legal documentation and carrying out procedures for investment capital audit. Therefore, the Company has not yet assessed the effectiveness of its capital contribution to this project.

**Opinion 14:** At PetroVietnam Industrial and Civil Construction Joint Stock Company (a subsidiary), the outstanding balances of receivables and payables had not been fully reconciled and confirmed as at 01 January 2025 and 30 June 2025. Specifically, payables amounted to VND 21.27 billion and VND 15.86 billion, respectively, while receivables amounted to VND 4.21 billion and VND 5.59 billion, respectively.

This is the audit opinion stated in the audited financial statements of a subsidiary under the Corporation. As of the date of preparation of the 2024 financial statements, the Company had substantially completed the confirmation of receivables and payables. However, as of the date of issuance of the financial statements, a small number of customers had not yet returned debt confirmation letters. The Company will continue to follow up with these customers to ensure full confirmation of the outstanding balances..

**Opinion 15:** At Petroleum Tank Pipeline Construction Joint Stock Company (a subsidiary), the outstanding balances of receivables and payables had not been fully reconciled and confirmed as at 01 January 2025 and 30 June 2025. Specifically, payables amounted to VND 15.55 billion and VND 26.99 billion, respectively; receivables



amounted to VND 10.31 billion and VND 10.06 billion, respectively. Meanwhile, the outstanding receivables amounted to VND 131.89 billion and VND 112.33 billion as of the respective dates had not been reviewed and assessed for provision by the company.

This is the audit opinion stated in the audited financial statements of a subsidiary under the Corporation. As of the date of preparation financial statements, the Company had substantially completed the confirmation of receivables and payables. However, as of the date of issuance of the financial statements, a small number of customers had not yet returned debt confirmation letters. The Company will continue to follow up with these customers to ensure full confirmation of the outstanding balances..

**4. Regarding the Emphasis of Matters included in the audit report on the post-audit financial statements:**

The auditor included Emphasis of Matter paragraphs in the audit report in accordance with Vietnamese Auditing Standard No. 706. The Corporation affirms that these Emphasis of Matters do not constitute qualifications or disclaimers. These matters are also not limitations in the scope of the audit, as the Corporation has fully provided all necessary documents and evidence to the auditor to enable them to assess the issues related to the Emphasis of Matters. The inclusion of these paragraphs is intended to draw readers' attention to matters that have been appropriately presented in the financial statements. These matters do not indicate that the auditor believes the financial statements fail to present fairly, in all material respects, the Corporation's financial position as at 31 December 2024, or the results of its operations and its cash flows, in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Enterprise Accounting System, and other relevant legal regulations on the preparation and presentation of financial statements.

**5. In order to address the challenges and mitigate accumulated losses in the forthcoming period, the Board of Directors of Petrocons has formulated the following strategic directions and remedial measures:**

The Board of Directors of Petrocons is fully aware of the challenges the company is facing and has been taking steps to overcome them. Accordingly, with the support of PVN and its member units, Petrocons has been actively reviewing, developing, and implementing solutions to address difficulties, restore, and stabilize its business operations. The following specific solutions are planned for the upcoming period:

- Demonstrating resolute management in the execution of construction works across all projects undertaken by Petrocons and its subsidiaries.
- Proactively engage in marketing and bidding activities to seek and secure additional work sources.
- Continue implementing the comprehensive restructuring of Petrocons in alignment with the orientation approved by PetroVietNam, focusing on transforming the parent company into a direct participant in production and business activities within the construction sector. The parent company will play a strategic role in guiding the operations of its subsidiaries, divest all investments in entities outside Petrocons' core business sectors,



and enhance its management, supervision, and operational oversight to ensure improved efficiency in the performance of subsidiaries and the effective utilization of Petrocons' investment capital.

- Take resolute measures in reviewing, reconciling, and recovering receivables, and develop detailed plans for debt recovery and resolution on a monthly and quarterly basis. These efforts aim to reclaim capital to ensure the continuity of production and business activities while minimizing financial costs arising from capital being tied up.
- Actively engage with PetroVietNam, its member units, and relevant state regulatory authorities to expedite the approval of additional costs incurred in projects in which Petrocons is currently participating
- Proactively and actively engage with banks and financial institutions to restructure debts, negotiate lower loan interest rates, and arrange sufficient capital to support production and business activities, as well as to release guarantees in the upcoming period

PetroVietnam construction Joint Stock Corporation hereby submits its report to the Hanoi Stock Exchange

Thank you very much for your kind attention.

**Recipients:**

- As stated above;
- Board of Directors (for reporting);
- Supervisory Board (for reporting);
- Petrocons Website;
- Information Disclosure Department;
- Archive: Office and Finance-Accounting Department.

**GENERAL DIRECTOR**



**Tran Quoc Hoan**